

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	6
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	11
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	11
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	14
<b>I. Tự đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3</b>	14
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>	14
Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 5: Lớp học	26
Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	35
Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	37
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>	41
Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	41
Tiêu chí 2: Đối với giáo viên	44
Tiêu chí 3: Đối với nhân viên	49
Tiêu chí 4: Đối với học sinh	56
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>	66
Tiêu chí 1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	67
Tiêu chí 2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	69
Tiêu chí 3: Khôi hành chính - quản trị	71
Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	73
Tiêu chí 5: Thiết bị	75
Tiêu chí 6: Thư viện	77
<b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>	81
Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	81
Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	84
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>	88
Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	89

Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	93
Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	96
Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	98
Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	100
Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục.	103
<b>II. KẾT LUẬN CHUNG</b>	107
<b>Phần III. PHỤ LỤC</b>	110
<b>Phụ lục I: BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG (Phụ lục 4)</b>	110
<b>Phụ lục II: HÌNH ẢNH</b>	123

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>Từ, cụm từ viết đầy đủ</b>	<b>Viết tắt</b>
1	An toàn giao thông	ATGT
2	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	CBGVNV
3	Cán bộ quản lý	CBQL
4	Cha mẹ học sinh	CMHS
5	Chiến sĩ thi đua	CSTĐ
6	Công nghệ thông tin	CNTT
7	Cơ sở vật chất	CSVC
8	Giáo dục và Đào tạo	GDĐT
9	Giáo dục ngoài giờ lên lớp	GDNGLL
10	Giáo viên bộ môn	GVBM
11	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
12	Hội đồng nhân dân	HĐND
13	Sáng kiến kinh nghiệm	SKKN
14	Thanh niên Cộng sản	TNCS
15	Thiếu niên Tiên phong	TNTP
16	Trung học phổ thông	THPT
17	Trung học cơ sở	THCS
18	Thể dục thể thao	TDTT
19	Ủy ban nhân dân	UBND
20	Xã hội hóa giáo dục	XHHGD

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

#### 1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ mức 1 đến mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>			<b>x</b>	
Tiêu chí 1.1				x
Tiêu chí 1.2			x	-
Tiêu chí 1.3				x
Tiêu chí 1.4				x
Tiêu chí 1.5			x	
Tiêu chí 1.6				x
Tiêu chí 1.7			x	-
Tiêu chí 1.8			x	-
Tiêu chí 1.9			x	-
Tiêu chí 1.10			x	-
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				<b>x</b>
Tiêu chí 2.1				x
Tiêu chí 2.2				x
Tiêu chí 2.3				x
Tiêu chí 2.4				x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>			<b>x</b>	
Tiêu chí 3.1			x	
Tiêu chí 3.2				x
Tiêu chí 3.3				x
Tiêu chí 3.4			x	-
Tiêu chí 3.5				x
Tiêu chí 3.6				x
<b>Tiêu chuẩn 4</b>			<b>x</b>	
Tiêu chí 4.1			x	
Tiêu chí 4.2			x	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>			<b>x</b>	
Tiêu chí 5.1				x
Tiêu chí 5.2				x
Tiêu chí 5.3			x	-
Tiêu chí 5.4			x	-

Tiêu chí 5.5				X
Tiêu chí 5.6				X

**Kết quả: Đạt mức 2**

**1.2. Đánh giá theo mức 4**

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		X	
Khoản 2, Điều 22		X	
Khoản 3, Điều 22		X	
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22		X	
Khoản 6, Điều 22		X	

**Kết quả: Không đạt mức 4**

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường THCS Thu Bồn

Tên trước đây (nếu có): Trường THCS Điện Thắng Nam

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn.

Tỉnh	Quảng Nam	Họ và tên hiệu trưởng	Dương Thị Hoa Hồng
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Điện Bàn	Điện thoại	0906562869
X /phường/thị trấn	Điện Thắng Nam	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	thcsthubon.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2016	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	X
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

**1. Số lớp học**

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 6	3	2	2	3	4
Khối lớp 7	3	3	2	2	3
Khối lớp 8	3	3	3	2	2
Khối lớp 9	2	3	3	3	2
<b>Cộng</b>	11	11	10	10	11

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập</b>						
<b>1</b>	<b>Phòng học</b>						
a	Phòng kiên cố	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	
b	Phòng bán kiên cố	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
c	Phòng tạm	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>2</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>						
a	Phòng kiên cố	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	
b	Phòng bán kiên cố	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
c	Phòng tạm	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>3</b>	<b>Khối phục vụ học tập</b>						
a	Phòng kiên cố	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
b	Phòng bán kiên cố	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
c	Phòng tạm	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>Khối phòng hành chính - quản trị</b>						
1	Phòng kiên cố	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	
2	Phòng bán kiên cố	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
3	Phòng tạm	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>III</b>	<b>Thư viện</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
<b>IV</b>	<b>Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
	<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>29</b>	<b>29</b>	

## 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 11/2024):

Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0		01		
Phó hiệu trưởng	01		0			01	
Giáo viên	23	16	0	02 (Cao đẳng)	21		03 Hợp đồng
Nhân viên	05	04	0		05		01 Hợp đồng (Nhân viên Bảo vệ)
<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>01</b>	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên (Không tính giáo viên Tổng phụ trách)	20	20	19	19	20
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.82	1.82	1.9	1.9	1.82
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	5.3	5.2	5.1	4.9	4.6
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	03	05	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi	01	0	0	0	0



TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
	cấp tỉnh trở lên (nếu có)					
6	Các số liệu khác (nếu có)	3 CSTĐ Cơ sở + 02 giải (Nhì + KK) Cuộc thi thiết kế bài giảng E – Learning cấp tỉnh	2 CSTĐ Cơ sở	3 CSTĐ Cơ sở	2 giáo viên được UBND thị xã tặng giấy khen	04 CSTĐ Cơ sở + 03 giáo viên được UBND thị xã tặng giấy khen

#### 4. Học sinh

##### a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số học sinh	381	385	376	385	436
	- Nữ	171	176	166	184	209
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
	- Khối lớp 6	102	88	89	113	147
	- Khối lớp 7	100	101	87	86	114
	- Khối lớp 8	95	101	101	87	87
	- Khối lớp 9	84	95	99	99	88
2	Tổng số tuyển mới	102	88	89	113	147
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
4	Bán trú	0	0	0	0	0
5	Nội trú	0	0	0	0	0

<b>TT</b>	<b>Số liệu</b>	<b>Năm học 2019-2020</b>	<b>Năm học 2020-2021</b>	<b>Năm học 2021-2022</b>	<b>Năm học 2022-2023</b>	<b>Năm học 2023-2024</b>
6	Bình quân số học sinh/lớp học	34.6	35	37.6	38.5	39.6
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	381 - tỉ lệ 99.7%	385 - tỉ lệ 98.9%	376 - tỉ lệ 98.4%	385 - tỉ lệ 97.9%	436 - tỉ lệ 97.9%
	- Nữ	171	176	166	184	209
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	8 (Tỉnh) 8 (Thị xã)	6 (Tỉnh) 25 (Thị xã)	0 (Tỉnh) 10 (Thị xã)	6 (Tỉnh) 17 (Thị xã)	6 (Tỉnh + 20 (Thị xã)
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	3	2	2	4	6
	- Nữ	1	1	1	2	3
	- Dân tộc	0	0	0	0	0

## b) Kết quả giáo dục đối với trường trung học

<b>Số liệu</b>	<b>Năm học 2019- 2020</b>	<b>Năm học 2020- 2021</b>	<b>Năm học 2021- 2022</b>	<b>Năm học 2022- 2023</b>	<b>Năm học 2023- 2024</b>
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	24.93	22.3	22.65	23.9	25.6
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	37.53	48.3	49.13	49.1	47.4
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0.52	0	0	0	0
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	98.16	98.70	98.26	97.9	98.8
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	1.84	1.30	1.74	2.1	1.2
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0	0	0	0	0

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trường trung học cơ sở (THCS) Thu Bồn thuộc phường Điện Thắng Nam được thành lập theo Quyết định số 7172/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của UBND thị xã Điện Bàn về việc thành lập trường THCS Điện Thắng Nam trên cơ sở tách trường THCS Nguyễn Văn Trỗi thuộc ngành Giáo dục & Đào tạo thị xã Điện Bàn. Đến năm 2018, trường được đổi tên thành trường THCS Thu Bồn theo Quyết định số 9615/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của UBND thị xã Điện Bàn về việc đổi tên trường THCS Điện Thắng Nam thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã;

Phường Điện Thắng Nam nằm về phía Bắc, cách trung tâm hành chính thị xã Điện Bàn khoảng 7.5km, có diện tích tự nhiên 538,43m<sup>2</sup>, dân số đến cuối năm 2024 toàn phường có 1.940 hộ với 7.741 nhân khẩu, phường có 04 đơn vị khối phố (Phong Ngũ, Phong Lục Đông Nam, An Thanh và Phong Lục Tây); đa số nhân dân chủ yếu làm nông nghiệp. Những năm gần đây đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người cuối năm 2024 ước đạt 67,5 triệu đồng, hộ nghèo còn 0,98%, hộ cận nghèo còn 0,93%.

Đời sống kinh tế ở một bộ phận nhân dân tuy đã được cải thiện nhiều nhưng vẫn còn không ít khó khăn. Tuy nhiên chính quyền, nhân dân Điện Thắng Nam luôn ý thức và có trách nhiệm trong công tác giáo dục ở địa phương. Xã Điện Thắng Nam đã được công nhận phường vào tháng 4/2023 góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong việc tăng cường nhận thức của lãnh đạo và nhân dân phường đối với công tác giáo dục ở địa phương.

Ban đầu trường mới được thành lập (2016) có 2 dãy phòng học, phòng chức năng là dãy hướng Đông và dãy hướng Nam. Đến năm 2022, trường THCS Thu Bồn đã được UBND thị xã Điện Bàn, UBND phường Điện Thắng Nam quan tâm đầu tư xây dựng thêm 1 dãy phòng gồm 11 phòng học và phòng chức năng. Năm 2023 lát gạch sân trường, xây mới công ngõ, quét vôi tường rào góp phần làm cho CSVC nhà trường khang trang và đầy đủ hơn.

Hiện tại, trường có 08 phòng học/12 lớp, đạt tỷ lệ 0,6 phòng/lớp, đủ cho mỗi lớp học 01 ca mỗi ngày. Phòng học có diện tích đúng quy định, đủ ánh sáng, thoáng mát, có bảng chống lóa, đủ bàn ghế cho giáo viên, học sinh, có màn hình tivi 65 inch tại mỗi phòng học đáp ứng nhu cầu dạy học ứng dụng CNTT. Trường có đủ các phòng học bộ môn, phòng thực hành, phòng Tin học, thư viện,... Phòng tin học với 20 máy tính đang được sử dụng phục vụ cho việc học tập của học sinh. Nhà trường có đủ máy vi tính kết nối mạng internet đến các bộ phận văn phòng và lớp học cùng hệ thống mạng wifi 02 đường truyền đảm bảo phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường. Trường có khu sân chơi đảm bảo diện tích theo số lượng học sinh, sạch sẽ, có cây bóng mát, được chăm sóc thường xuyên tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp trong trường. Khu luyện tập TDTT gồm bể bơi có mái che trong khu vực nhà trường, giúp học sinh có điều kiện tập môn bơi lội và phổ cập bơi cho con em trên địa bàn; có đường chạy, hồ nhảy, sân cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ

và đủ thiết bị cho học sinh luyện tập các môn năng khiếu TDTT và học thể dục, đáp ứng nhu cầu vận động cho học sinh. Khối phòng hành chính quản trị gồm 07 phòng, khu vệ sinh giáo viên, nhà để xe giáo viên đảm bảo kiên cố và hiệu quả sử dụng tốt. Khối phòng học tập gồm có 08 phòng học, 08 phòng bộ môn và 01 phòng đa chức năng. Khối phòng hỗ trợ học tập có Thư viện đạt mức độ 1 theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT; phòng thiết bị giáo dục được bố trí liền kề với các phòng thực hành nhằm hỗ trợ thiết thực cho giáo viên giảng dạy, giúp giáo viên và học sinh tiếp cận các thiết bị, công cụ cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy; phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật, phòng Truyền thông và hoạt động Đội được bố trí thuận lợi, thân thiện thu hút học sinh. Khối phụ trợ có phòng họp, phòng các tổ bộ môn, phòng Y tế học đường, nhà kho, khu để xe học sinh, nhà vệ sinh học được bố trí phù hợp và đảm bảo hiệu quả sử dụng. Tường rào, cổng ngõ được xây dựng kiên cố đảm bảo mỹ quan.

Về nhân sự: CBQL nhà trường là những người có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình và đã hoàn thành chương trình của lớp quản lý giáo dục. Đội ngũ giáo viên được đào tạo chính quy, đảm bảo dạy đủ, đúng bộ môn đào tạo và ổn định, có 91% giáo viên trình độ chuyên môn đạt chuẩn. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ, tạo điều kiện cho CBGVNV học nâng chuẩn để đáp ứng yêu cầu của công tác đổi mới giáo dục. Đến nay trường có 01 CBQL đạt trình độ trên chuẩn, chiếm tỷ lệ 4.5%. Hằng năm trường đều có giáo viên đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở. Một số CBGVNV được Chủ tịch UBND thị xã tặng giấy khen. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp thị xã đảm bảo. Công tác tổ chức, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu luôn được chú trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Công tác XHHGD ngày càng được phát huy. Chính quyền địa phương, Ban đại diện CMHS, nhóm bạn hữu của nhà thơ Thu Bồn - Hà Đức Trọng mà trường được vinh hạnh mang tên đã thường xuyên duy trì kết nối với nhà trường, hỗ trợ vật chất, thiết bị dạy học. Các tổ chức, cá nhân, những người con của quê hương, quỹ từ thiện The Nam Hai, PV OIL Quảng Nam, Hội Khuyến học phường đã hỗ trợ đáng kể cho việc tăng cường CSVC, góp phần động viên học sinh đạt thành tích cao trong học tập và giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Trong các năm học qua, chất lượng giáo dục của nhà trường có sự chuyển biến rõ nét. Số lượng học sinh đạt loại khá, giỏi tăng, tỉ lệ học sinh yếu trong ngưỡng quy định; không có học sinh xếp loại học lực kém; nhiều năm liền trường không có học sinh diện lưu ban. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS luôn đạt 100% học sinh. Tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT và tương đương luôn đảm bảo theo quy định.

Số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh cao; Nhà trường đã được trao giải Nhất, giải Ba toàn đoàn học sinh giỏi cấp thị xã. Các môn Vật lý, Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn, Toán và Tin học. Có nhiều học sinh được tuyển chọn bồi dưỡng tham gia dự thi cấp Tỉnh.

Phong trào TDTT ngày càng đạt nhiều kết quả. Có học sinh được tuyển chọn và dự thi đạt huy chương vàng cấp tỉnh. Đội bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ học

sinh nam của trường luôn giành vị thứ cao trong giải thể thao học sinh do Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn tổ chức.

Công tác phổ cập giáo dục của địa phương được nhà trường triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trong những năm gần đây, UBND thị xã Điện Bàn và UBND tỉnh Quảng Nam đều công nhận Điện Thắng Nam là xã/phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

Trường có chi bộ Đảng với hơn 10 đảng viên. Các tổ chức khác như Công đoàn, Liên đội thiếu niên, Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, tích cực, nhiệt tình góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học.

Với sự phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể nhà trường, liên tục trong những năm qua, nhà trường đều được công nhận danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến cấp thị xã.

Hàng năm, nhà trường đã không ngừng vượt qua những khó khăn để tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, định kỳ rà soát, bổ sung các giải pháp cải tiến nâng cao chất lượng. Năm học 2024-2025, tập thể Hội đồng sư phạm trường THCS Thu Bồn quyết tâm thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Vào tháng 02 năm 2023, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn Quốc gia. Đến tháng 9 năm 2024 có sự thay đổi nhân sự Hiệu trưởng. Ngày 4 tháng 9 năm 2024, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định bổ sung Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 64/QĐ-THCSTB. Ngày 6 tháng 9 năm 2024 Hội đồng tự đánh giá xây dựng Kế hoạch tự đánh giá số 41/KH-THCSTB và chỉ đạo quyết liệt công tác kiểm định chất lượng. Mục đích tự đánh giá là để giúp trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau khi ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch tự đánh giá, tổ chức tập huấn công tác tự đánh giá cho CBGVNV. Hiệu trưởng đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, lập thời gian biểu hoàn thành quá trình tự đánh giá. Từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá tiến hành xem xét, thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, đánh giá mức độ đạt được thông qua phiếu đánh giá tiêu chí. Nhóm trưởng từng tiêu chuẩn điều khiển các thành viên của nhóm thảo luận, thống nhất các nội dung, nhận định cho từng chỉ báo, từng tiêu chí, hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí. Hội đồng tự đánh giá xem xét, thảo luận các nội dung của từng phiếu. Sau đó, nhóm trưởng hướng dẫn thành viên hoàn thiện phiếu trên cơ sở ý kiến của hội đồng tự đánh giá và gửi thư ký hội đồng tự đánh giá. Kết quả đánh giá từng tiêu

chỉ được thư kí tổng hợp vào bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá. Nội dung cơ bản của các phiếu đánh giá tiêu chí đã được hội đồng tự đánh giá chấp thuận, được dùng để viết báo cáo tự đánh giá. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được lấy ý kiến góp ý của CBGVNV của trường trong thời gian 15 ngày làm việc. Hội đồng tự đánh giá nghiên cứu các ý kiến thu được để hoàn thiện báo cáo. Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt báo cáo sau khi đã được hội đồng tự đánh giá thông qua.

Báo cáo tự đánh giá của trường THCS Thu Bồn đảm bảo đầy đủ những hoạt động liên quan đến 28 tiêu chí của 5 tiêu chuẩn, trình bày lần lượt theo thứ tự các tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được thể hiện theo 5 bước: mô tả thực trạng - điểm mạnh - điểm yếu - kế hoạch cải tiến chất lượng - tự đánh giá của nhà trường. Đối với phần mô tả thực trạng, báo cáo tự đánh giá đã chú ý xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, CSVC của nhà trường. Sau khi mô tả, báo cáo đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường, từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục bằng cách phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu. Kế hoạch cải tiến chất lượng được nêu trong báo cáo ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

Trong suốt thời gian thực hiện công tác tự đánh giá, nhà trường đã nhận được sự đồng viên, hỗ trợ của Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn, sự tham gia của Ban đại diện CMHS, sự lãnh đạo Đảng uỷ, HĐND, UBND phường Điện Thắng Nam. Tập thể CBGVNV luôn nỗ lực, nhiệt tình để hoàn thành nhiệm vụ. Nhờ đó, công tác tự đánh giá của nhà trường hoàn thành vào tháng 11/2024, đảm bảo về thời gian quy định.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

#### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

##### **Mở đầu:**

Trường THCS Thu Bồn có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định trong Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường chỉ có 1 điểm trường, đầy đủ 4 khối lớp. Mỗi năm học, thường có từ 10 đến 12 lớp học, số lượng học sinh trên lớp đảm bảo theo quy định. Trường có chi bộ Đảng với hơn 10 đảng viên lãnh đạo toàn diện trong nhà trường. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ, đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu giáo dục.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định, phát huy được nhân tố tích cực của từng thành viên trong tổ và thúc đẩy hoạt động chuyên môn, quản lý của nhà trường. Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng khoa học, được thành lập theo đúng cơ cấu, đúng thành phần giúp nhà trường nâng cao hiệu quả trong quản lý. Công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của nhà trường đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, đúng quy chế chuyên môn của ngành và đảm bảo việc thực

hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Tổ chức và thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục, quản lý CBGVNV và học sinh, quản lý tài chính, đất đai, CSVC. Xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, chất lượng.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, CMHS và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Để việc xây dựng và phát triển nhà trường mang tính định hướng, bền vững và khả thi, lãnh đạo trường THCS Thu Bồn đã huy động trí tuệ tập thể xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại khoản 3, Điều 29 văn bản Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc Hội: “Giáo dục trung học cơ sở nhằm củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp”. Các mục tiêu trong phương hướng, chiến lược phù hợp với định hướng phát triển giáo dục của thị xã Điện Bàn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Điện Thắng Nam theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]. Nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đã thể hiện rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội thách thức, các mục tiêu phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030,

trong đó chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục; đầu tư CSVC và trang thiết bị dạy học; tăng cường ứng dụng CNTT; huy động mọi nguồn lực xã hội hóa vào hoạt động giáo dục. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được công bố công khai trong Hội nghị cán bộ - viên chức hằng năm [H1-1.1-02].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được Đảng ủy, HĐND, UBND phường Điện Thắng nam thống nhất và đã được Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn phê duyệt [H1-1.1-03].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được niêm yết tại văn phòng nhà trường, đăng tải trên trang website của trường theo địa chỉ <http://thcsthubon.edu.vn> và được phổ biến đến CMHS thông qua các cuộc họp CMHS toàn trường [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được đăng tải trên trang website của Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn.

Mức 2:

Thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm, Đảng ủy, HĐND, UBND phường Điện Thắng Nam đã đánh giá về kế hoạch phát triển nhà trường và đề ra những giải pháp của chính quyền địa phương hỗ trợ cho nhà trường. Hội đồng trường đã giám sát và có những đánh giá toàn diện về việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường vào cuối năm học, đề xuất những giải pháp để nhà trường bổ sung, điều chỉnh, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường trong từng năm và giai đoạn đến năm 2030 [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, giáo viên, nhân viên, CMHS và cộng đồng. Định kỳ hằng năm, trong các cuộc họp của Hội đồng trường và Hội nghị cán bộ- viên chức đầu năm, nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.1-06]. Các văn bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển đều được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do nguồn kinh phí khó khăn nên một số nội dung đề ra trong phương hướng phát triển chưa thực hiện được [H1-1.1-07].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng Kế hoạch phương hướng, chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục, với các nguồn lực của nhà trường và dựa trên định hướng của nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp về vấn đề giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đã được UBND phường Điện Thắng Nam và Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn phê duyệt. Các mục tiêu trong Phương hướng,



chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có tính khả thi và đã mang tính định hướng rõ ràng cho sự phát triển của nhà trường trong những năm vừa qua và những năm tiếp theo. Nhà trường đã tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường hằng năm phù hợp với điều kiện CSVC, đội ngũ, tài chính, chất lượng giáo dục của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **3. Điểm yếu**

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 hoàn thành từ năm học 2020-2021. Một số chỉ tiêu, nội dung vạch ra của các năm trước tính đến thời điểm hiện tại không thực hiện được do nguồn kinh phí khó khăn. Tình hình nhân sự có nhiều biến động. Chiến lược phát triển chưa nhận được ý kiến phản hồi từ nhiều phía để bổ sung, sửa chữa cho hoàn thiện hơn. Một số chỉ tiêu trong phương hướng chưa được thực hiện theo đúng lộ trình vì còn tùy thuộc vào nguồn kinh phí hỗ trợ từ cấp trên.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường huy động sự tham gia đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh, CMHS và cộng đồng... trong việc xây dựng và triển khai Phương hướng chiến lược.

Tổ chức công khai, phổ biến kế hoạch chiến lược rộng rãi đến toàn thể CBGVNV và phụ huynh, học sinh nhà trường để nhận được các ý kiến đóng góp, sự hỗ trợ kịp thời để việc xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược đạt hiệu quả hơn.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

Mức 3: Không có.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 8410/QĐ-PGDĐT ngày 07/12/2023 của Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn, có 11 thành viên được cơ cấu theo Điều lệ Trường trung học. Vào đầu mỗi năm học, căn cứ Điều lệ trường trung học, Hiệu trưởng nhà trường ban hành các quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, Hội đồng thi đua - khen thưởng, Hội đồng tư vấn tâm lý học đường. Ngoài ra, hiệu trưởng còn ban hành quyết định thành lập các hội đồng khác như Hội

đồng chăm chọn đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng chăm đề dùng dạy học tự làm, Hội đồng chăm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường giúp Hiệu trưởng thực hiện tốt các nhiệm vụ nhà trường đề ra [H2-1.2-01].

b) Hội đồng trường và các các hội đồng khác trong nhà trường đều có kế hoạch hoạt động, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định [H2-1.2-02]. Hội đồng trường sinh hoạt thường kỳ 3 lần trong năm, hoạt động theo Nghị quyết của nhà trường, quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H2-1.2-03]. Các Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, Hội đồng tư vấn tâm lý học đường và các Hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H2-1.2-04], [H2-1.2-05]. Riêng Hội đồng kỷ luật không được thành lập do CBGVNV và học sinh của nhà trường không vi phạm kỉ luật.

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện việc tự kiểm tra để rà soát đánh giá các hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường để nhìn nhận cụ thể những việc đã làm được, những việc chưa làm được làm cơ sở cho việc điều chỉnh phương hướng chiến lược có tính khả thi cao hơn [H2-1.2-05].

#### Mức 2:

Hội đồng trường và hội đồng tư vấn quyết nghị các chỉ tiêu phấn đấu trước khi đưa ra Hội nghị cán bộ- viên chức, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và các tổ chức liên quan trong nhiệm vụ giáo dục, chủ động trong việc đổi mới phương pháp dạy học, tự chủ nội dung dạy học. Dưới sự chỉ đạo thống nhất của lãnh đạo nhà trường, việc tổ chức dạy học đảm bảo chương trình, đủ số môn, số tiết theo kế hoạch dạy học; Xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với tình hình thực tế. Hội đồng trường đề xuất những giải pháp cho công tác tổ chức, quản lý của nhà trường được cải tiến hiệu quả hơn; lãnh đạo các đoàn thể tổ chức hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ; Định hướng cho nhà trường chủ động tham mưu với Đảng uỷ, HĐND, UBND phường, phối hợp với các trường đóng trên địa bàn, các đoàn thể đẩy mạnh công tác XHHGD. Hội đồng tư vấn bàn bạc, góp ý các vấn đề về hoạt động chung của nhà trường và hoạt động chuyên môn. Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện công tác tư vấn thi đua khen thưởng góp phần động viên và thúc đẩy phong trào “*Dạy tốt- Học tốt*” trong nhà trường. Hội đồng tư vấn tâm lý học đường định hướng cho học sinh những khó khăn tâm lý, tình cảm của lứa tuổi, những vướng mắc trong học tập, sinh hoạt, trong hướng nghiệp,

góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng của mình. Tuy nhiên hoạt động tư vấn tâm lý học đường chưa thật sự thu hút học sinh. Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường đã hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được các cơ quan chức năng kiểm tra và đánh giá công nhận [H2-1.2-06], có báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm [H2-1.2-07].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và kiện toàn, bổ sung nhân sự kịp thời, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

## **3. Điểm yếu**

Đôi lúc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, rà soát, đánh giá của Hội đồng trường chưa kịp thời, cụ thể. Thành viên của các hội đồng phải kiêm nhiệm nhiều công tác khác nhau, chưa được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả chưa cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hội đồng trường thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp, khả thi, đúng quy định nhằm phát huy hết vai trò, hiệu quả các hoạt động của Hội đồng trường trong việc tổ chức hoạt động của nhà trường.

Các thành viên trong các hội đồng cần nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm; Nhà trường kịp thời bổ sung thêm thành viên của các hội đồng khi có sự thay đổi nhân sự để đảm bảo hoạt động hiệu quả; kiện toàn lại các tổ chức, các hội đồng để phù hợp với tình hình thực tế đơn vị. Tiếp tục thực hiện thống nhất lãnh đạo từ chi bộ đến các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 27 đoàn viên, trực thuộc Liên đoàn lao động thị xã Điện Bàn. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh có 11 chi đội. Nhà trường có Ban đại diện CMHS trường và Ban đại diện CMHS lớp. Công đoàn, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban đại diện CMHS nhà trường đều có quyết định thành lập và có cơ cấu tổ chức theo quy định [H3-1.3-01].

b) Đầu mỗi năm học, Công đoàn, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh đều tổ chức Đại hội hoặc Hội nghị đề ra Nghị quyết hoạt động [H3-1.3-02]. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Chi bộ, Công đoàn thực hiện tốt chức năng phối hợp với chính quyền nhà trường, duy trì, phát huy tinh thần đoàn kết giữa các đoàn viên công đoàn, vận động cán bộ viên chức thực hiện tốt nội dung các cuộc vận động của công đoàn cấp trên và phong trào thi đua trong nhà trường. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động theo điều lệ, thường xuyên tham mưu với hiệu trưởng trong các hoạt động thi đua nhằm nâng cao kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh. Ban đại diện CMHS các lớp và trường đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh, cùng với nhà trường vận động học sinh bỏ học ra lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, tích cực vận động XHHGD [H3-1.3-03].

c) Công đoàn được đánh giá định kỳ hằng tháng và rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo năm học. Liên đội cũng được kiểm tra, đánh giá định kỳ theo năm học. Ban đại diện CMHS lớp và trường học kỳ đều tổ chức họp cùng với GVCN lớp và nhà trường để đánh giá các hoạt động nhằm rút kinh nghiệm cho hoạt động trong thời gian tới. Công đoàn, Liên đội hoạt động có hiệu quả, được các cấp có thẩm quyền nhận xét, đánh giá công nhận hằng năm. Năm học 2023-2024 Công đoàn được khen thưởng Công đoàn xuất sắc, Liên đội được khen thưởng Liên đội xuất sắc [H3-1.3-04].

Mức 2:

a) Nhà trường có chi bộ Đảng độc lập, trực thuộc Đảng bộ phường Điện Thắng Nam. Mỗi nhiệm kỳ, dựa trên kết quả Đại hội của Chi bộ, Đảng bộ phường Điện Thắng Nam ra quyết định chuẩn y Chi ủy, Bí thư chi bộ và Phó bí thư. Hiện nay chi bộ có 11 đảng viên. Chi bộ thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền và các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường, thực hiện tốt việc sinh

hoạt định kỳ hằng tháng và sinh hoạt đột xuất khi cần. Mỗi nhiệm kỳ, chi bộ đều có nghị quyết cụ thể; có báo cáo tổng kết, nhận xét, đánh giá hoạt động của chi bộ và đề ra phương hướng hoạt động cho thời gian đến [H3-1.3-05]. Các năm 2019, 2020, 2021 và 2023 chi bộ được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2022 được công nhận hoàn thành nhiệm vụ. Trong 5 năm qua Chi bộ chưa được công nhận Chi bộ xuất sắc [H3-1.3-06]; [H3-1.3-07].

b) Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức khác đã có nhiều đóng góp trong các hoạt động của nhà trường. Công đoàn có đóng góp tích cực trong việc xây dựng khối đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ trong nhà trường, thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị và các cuộc vận động, xây dựng cơ quan đạt chuẩn văn hóa, vận động CBGVNV thi đua “*Day tốt Học tốt*” nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà trường giao. Chi đoàn, Liên đội thực hiện tốt việc phát triển đoàn viên học sinh hằng năm, giáo dục hạnh kiểm cho học sinh, thực hiện phong trào “*Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực*”, “*Xây dựng trường học Hạnh phúc*”, “*Xây dựng trường học an toàn, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường*”. Ban đại diện CMHS phối hợp cùng nhà trường trong công tác XHHGD, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong các hội thi, tăng cường CSVC trong nhà trường [H3-1.3-04].

Mức 3:

a) Mô tả ở mức 2a.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đã đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng. Trong nhiều năm liền, Công đoàn được công nhận danh hiệu “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, năm học 2023-2024 Công đoàn được Liên đoàn Lao động thị xã khen tặng “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Liên đội được Hội đồng đội thị xã Điện Bàn xếp loại Liên đội xuất sắc. Công đoàn, Liên đội đã vận động CBGVNV, học sinh thực hiện tốt các phong trào thi đua “*Day tốt - Học tốt*”, phụng dưỡng Bà mẹ VNAH tại địa phương. Chi đoàn, Liên đội thực hiện tốt hoạt động chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, phong trào “*Em nuôi khăn quàng đỏ*”, tham gia thi sáng tạo thanh thiếu niên,... được các cấp có thẩm quyền nhận xét, đánh giá công nhận, khen thưởng [H3-1.3-04]. Bên cạnh đó, Công đoàn và Liên đội đã thực hiện giao lưu kết nghĩa với trường THCS Mẹ Thứ (huyện Đông Giang). Hằng năm, CBQL hai trường có sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ từ tổ chức đảng trong nhà trường đến các đoàn thể, tổ chức các buổi giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Chi bộ độc lập; Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội hoạt động theo đúng điều lệ, quy định của pháp luật, hiệu quả, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo,

tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục.

Tổ chức công đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức vận động cán bộ, viên chức thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hưởng ứng phong trào thi đua đạt nhiều kết quả. Trong 05 năm qua, Công đoàn nhà trường được Liên đoàn lao động thị xã Điện Bàn đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác Đội của nhà trường nhiều năm được đánh giá cao; trong 05 năm qua, được Hội đồng đội thị xã Điện Bàn xếp loại xuất sắc.

### **3. Điểm yếu**

Thành viên của các đoàn thể đa số kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều nên ít có thời gian đầu tư cho công việc.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Chi bộ tiếp tục phát huy tốt hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường; chỉ đạo đồng bộ, chặt chẽ các hoạt động giáo dục để duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thực hiện phân công nhân sự phụ trách các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường một cách hợp lý, có tính kế thừa để giảm thiểu sự bị động khi có thay đổi nhân sự; quan tâm thiết lập hồ sơ đầy đủ, phản ánh thực chất và lưu trữ đúng quy định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn, Đội trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý cho học sinh. Phát động tốt phong trào tự học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong CBGVNV.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

#### ***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng phó Hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

### **1. Mô tả hiện trạng**

## Mức 1:

a) Trường có 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng. Từ năm 2019 đến năm 2024, Hiệu trưởng Trương Công Thường được bổ nhiệm theo Quyết định số 5898/QĐ-UBND ngày 02/07/2019 của UBND thị xã Điện Bàn. Từ tháng 9 năm 2024 đến nay, Hiệu trưởng Dương Thị Hoa Hồng được bổ nhiệm theo Quyết định số 6909/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của UBND thị xã Điện Bàn. Phó hiệu trưởng Ngô Thanh Vũ được bổ nhiệm theo Quyết định số 7614/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thị xã Điện Bàn và quyết định bổ nhiệm lại số 7673/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND thị xã Điện Bàn [H4-1.4-01].

b) Năm học 2019-2020 Nhà trường có 02 tổ chuyên môn (gồm tổ Tự nhiên, tổ Xã hội) và 01 tổ văn phòng theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Năm học 2020-2021 Nhà trường có 04 tổ chuyên môn (gồm tổ Lý-Hóa-Sinh; tổ Văn-Sử-Địa; tổ Toán-Tin-Thể dục; tổ Anh-Nhạc-Mỹ thuật) và 01 tổ văn phòng. Năm học 2021-2022 và Năm học 2022-2023 Nhà trường có 04 tổ chuyên môn (gồm tổ Khoa Học Tự Nhiên; tổ Văn-Sử-Địa; tổ Toán-Tin-Thể dục; tổ Anh-Nhạc-Mỹ thuật) và 01 tổ văn phòng. Năm học 2023-2024 Nhà trường có 02 tổ chuyên môn (gồm tổ Tự nhiên, tổ Xã hội) và 01 tổ văn phòng theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ban hành các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ Văn phòng; ban hành Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng trên cơ sở giới thiệu của tổ, cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn theo quy định [H4-1.4-02].

c) Trên cơ sở kế hoạch giáo dục nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác, được lãnh đạo nhà trường phê duyệt để thực hiện. Tổ chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ trường trung học [H4-1.4-03].

Tổ Văn phòng xây dựng đầy đủ kế hoạch năm học. Trên cơ sở các nhiệm vụ được phân công, các viên chức phụ trách thư viện, kế toán, thiết bị, văn thư đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho cả năm học, học kỳ, tháng, tuần. Kế hoạch bám sát nhiệm vụ năm học của ngành, của nhà trường và được lãnh đạo nhà trường phê duyệt để thực hiện. Tổ Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ trường trung học [H4-1.4-03].

Mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức kiểm tra, nhận xét về hồ sơ tổ đối với tổ chuyên môn; tổ chức kiểm kê thiết bị, tài sản, tài chính của nhà trường, kiểm tra tài liệu, hồ sơ tổ đối với tổ Văn phòng [H4-1.4-04]. Việc thực hiện nhiệm vụ

của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng đều được thể hiện qua báo cáo sơ kết, tổng kết của tổ [H4-1.4-05].

Mức 2:

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều đề xuất và thực hiện được từ 01 đến 02 chuyên đề chuyên môn. Nội dung các chuyên đề tập trung đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; ứng dụng CNTT trong giảng dạy; tích hợp kỹ năng sống, giá trị sống; giúp học sinh khó khăn về học; dạy học trải nghiệm sáng tạo.... Các tổ đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H4-1.4-06].

b) Tổ chuyên môn đều đảm bảo sinh hoạt 2 lần trong tháng, riêng tổ văn phòng thực hiện ít nhất 1 lần trong tháng. Ngoài việc tập trung thảo luận, bàn bạc, thống nhất các hoạt động để nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục, tổ chuyên môn và tổ văn phòng còn tổ chức rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động của tháng qua và đề ra nhiệm vụ hoạt động cho tháng đến. Cuối học kì đều có sơ kết đánh giá việc thực hiện hoạt động của tổ trong học kỳ qua và đề ra kế hoạch cụ thể cho học kì đến [H4-1.4-05].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ đều có ghi biên bản đầy đủ trong sổ biên bản tổ. Thông qua các hoạt động chuyên môn như dự giờ thăm lớp, tổ chức các chuyên đề chuyên môn hoặc trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục..., tổ chuyên môn đã giúp giáo viên thực hiện sáng tạo việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, cách dạy những bài dài, bài khó, sinh hoạt theo nghiên cứu bài học, thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo giúp đỡ học sinh chưa đạt, góp phần hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, việc sinh hoạt tổ chuyên môn trong điều kiện tổ có nhiều môn đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao [H4-1.4-04]; [H4-1.4-09].

Tổ Văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, giúp hiệu trưởng ban hành các văn bản xây dựng tổ chức bộ máy, quản lý tốt tài sản nhà trường, thực hiện đầy đủ kịp thời chế độ chính sách cho CBGVNV và học sinh, thực hiện tốt nhiệm vụ văn thư - lưu trữ, y tế học đường, đẩy mạnh hoạt động thư viện, thiết bị góp phần nâng cao chất lượng dạy học và các hoạt động trong nhà trường.

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được nhà trường ghi nhận, thể hiện qua các biên bản cuộc họp hội đồng hằng tháng và qua báo cáo tổng kết cuối mỗi năm học [H4-1.4-07].

b) Mô tả ở mức 2a.

## **2. Điểm mạnh**



Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đảm bảo được các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; tham gia bồi dưỡng lớp trung cấp cấp lý luận chính trị; có phẩm chất đạo đức trong sáng; có kinh nghiệm và năng lực trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường.

Công tác chỉ đạo của nhà trường đến các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được thực hiện đồng bộ, sâu sát, thường xuyên. Việc lưu trữ các công văn đến, công văn đi được thực hiện đầy đủ, rõ ràng đảm bảo theo quy định về lưu trữ.

Hàng năm, mỗi tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 02 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Các chuyên đề được thực hiện theo đúng kế hoạch, đúng tiến độ; nội dung phù hợp với điều kiện, chất lượng giáo dục của nhà trường; tính khả thi cao, đã được áp dụng và đem lại hiệu quả, nhiều kinh nghiệm hay trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh.

### **3. Điểm yếu**

Việc sinh hoạt tổ chuyên môn trong điều kiện tổ có nhiều giáo viên ở các bộ môn nên đôi khi chất lượng sinh hoạt chưa đạt được hiệu quả cao.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì, củng cố cơ cấu tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và phù hợp với tình hình thực tế của trường để phát huy điểm mạnh đã đạt được.

Tham gia giao lưu, sinh hoạt chuyên môn, đặc biệt đối với các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử-Địa lí và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp... theo kế hoạch. Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức các hoạt động phù hợp với định hướng đổi mới dạy học đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; làm tốt hơn nữa công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát các hoạt động của các tổ.

Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn chú trọng việc xây dựng và thực hiện các chủ đề/bài học STEM đối với một số môn học phù hợp nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình tổ chức dạy học và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức các hoạt động của tổ chuyên môn, định hướng xây dựng các chuyên đề phù hợp với điều kiện của nhà trường, tính khả thi, áp dụng hiệu quả cao. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia sinh hoạt cùng với các tổ để kịp thời nắm bắt tình hình và chỉ đạo kịp thời, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ, tạo điều kiện cho các tổ thực hiện tốt kế hoạch hoạt động, nhiệm vụ đã đề ra.

Tổ chuyên môn tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường.

Tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề phù hợp với điều kiện, chất lượng giáo dục của nhà trường; có tính khả thi cao, áp dụng và đem lại hiệu quả trong

công tác giảng dạy và giáo dục học sinh. Đồng thời phát huy sự tích cực tham gia và có hiệu quả của toàn bộ thành viên trong tổ.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

#### ***Tiêu chí 1.5: Lớp học***

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.*

Mức 3:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong 5 năm học qua, nhà trường cơ cấu đủ các lớp của cấp học THCS, từ lớp 6 đến lớp 9 [H5-1.5-01].

b) Học sinh của nhà trường được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức theo quy định (Điều 16 Điều lệ trường trung học). Mỗi lớp chia thành 04 tổ, mỗi tổ không quá 12 học sinh. Mỗi lớp có lớp trưởng, 03 lớp phó và các tổ trưởng, tổ phó [H5-1.5-02].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Lớp trưởng, các lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho học sinh [H5-1.5-03]. Mỗi lớp được phân công một GVCN hướng dẫn. GVCN căn cứ vào kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh và địa bàn dân cư để chia tổ [H5-1.5-04]. Các thành viên trong tổ bầu ra tổ trưởng, tổ phó [H5-1.5-05]. Ngay từ đầu mỗi năm học, các lớp đã tiến hành ổn định tổ chức, thảo luận, góp ý xây dựng nội quy học sinh, ký cam kết thực hiện theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp và trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hiện tốt nội quy của nhà trường.

Mức 2:

Trong 05 năm qua, số lớp học của trường dao động từ 11 đến 12 lớp, mỗi lớp có không quá 45 học sinh [H5-1.5-06].

Mức 3:

Các năm học qua, theo xét duyệt số lớp của các cấp trên, một số lớp của trường có hơn 40 (bốn mươi) học sinh. Cụ thể: năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021 có 2 lớp trên 40 học sinh. Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024 mỗi năm học có 4 lớp trên 40 học sinh [H5-1.5-07].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các khối lớp, thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; Lớp học hoạt động theo đúng nguyên tắc và được đảm bảo điều kiện, quyền lợi trong học tập và sinh hoạt của học sinh. Các hoạt động của lớp học được nhà trường và GVCN quan tâm, thực hiện từ đầu năm học một cách dân chủ, lớp học phát huy được vai trò tự quản. Học sinh chăm ngoan, chăm học không vi phạm các tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật.

## **3. Điểm yếu**

Một số lớp có sĩ số học sinh trên 40 (*03 lớp*) ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học, hiệu quả, chất lượng dạy học, đặc biệt là đối với việc tổ chức dạy học Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền tuyển sinh đầu cấp, dự báo quy mô số lớp, số học sinh trong những năm học tiếp theo để tham mưu cấp trên phê duyệt quy mô trường, lớp hàng năm đảm bảo sát thực tế, phù hợp điều kiện nhà trường; tăng cường CSVC, đội ngũ CBGVNV đáp ứng yêu cầu công tác giáo dục của nhà trường.

Trong các năm học đến, trong quá trình tổ chức bầu chọn Ban cán sự lớp, GVCN chú trọng việc giới thiệu các nhân tố mới để tạo động lực, đồng thời quan tâm bồi dưỡng kỹ năng quản lý, điều hành cho học sinh; tạo điều kiện cho Ban cán sự lớp trong việc điều hành, quản lý lớp học tự chủ, hiệu quả; phát huy hơn vai trò của Ban cán sự lớp, nhằm nâng cao nề nếp và chất lượng học tập.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên*

*quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong những năm học qua, việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản được nhà trường thực hiện khá tốt. Nhà trường đã thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường trung học như: sổ đăng bộ; sổ gọi tên, ghi điểm; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; sổ nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên; hồ sơ quản lý thư viện. Các loại hồ sơ trên được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ [H6-1.6-01].

b) Hàng năm nhà trường đều lập dự toán kinh phí báo cáo về trên duyệt cấp. Nhà trường thực hiện quy trình thu chi hàng quý, quyết toán hàng quý và quyết toán cuối năm về Phòng tài chính thị xã Điện Bàn. Kế toán nhà trường định kỳ báo cáo công khai thu chi các hạng mục trước Hội nghị cán bộ- viên chức hàng năm. Ngoài ra, việc thu chi tài chính trong nhà trường được sự giám sát thường xuyên của Ban thanh tra nhân dân, của CBGVNV. Phòng tài chính thị xã Điện Bàn kiểm tra định kỳ việc thu chi của nhà trường theo quy định [H6-1.6-04].

Định kỳ hàng năm vào ngày 01/01 và vào ngày 31/5 cuối năm học, nhà trường ban hành quyết định thành lập các ban kiểm kê về tài sản, thiết bị, thư viện. Ban kiểm kê tài sản kiểm tra tất cả bàn ghế, đèn, quạt ở phòng học, phòng làm việc, phòng bộ môn và những vật dụng có liên quan, nắm lại chất lượng, số lượng để có kế hoạch bảo quản, thanh lý, mua sắm bổ sung. Ban kiểm kê thiết bị tiến hành kiểm tra toàn bộ các thiết bị, đồ dùng dạy học để phân loại mức độ sử dụng, theo đó nhà trường có kế hoạch mua sắm bổ sung kịp thời. Ban kiểm kê thư viện kiểm tra số lượng, phân loại giá trị sử dụng để sắm mới. Các ban kiểm kê gửi kết quả kiểm tra thực tế về kế toán, thống kê báo cáo về trên [H6-1.6-05].

Theo niên hạn tài chính, từ những kết quả hoạt động tài chính trong năm, nhà trường xây dựng và thông qua dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ dự toán thu chi cho năm tiếp theo trước toàn thể hội đồng để trưng cầu ý kiến của CBGVNV. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công được thông qua trong Hội nghị cán bộ - viên chức hằng năm, đồng thời thực hiện tốt quy chế công khai, dân chủ theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017

của Bộ GDĐT và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [H6-1.6-02].

c) Nhà trường luôn có kế hoạch quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục, có báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm [H6-1.6-06].

Mức 2:

a) Để nâng cao hiệu quả trong công việc, nhà trường đưa một số phần mềm vào các hoạt động như phần mềm quản lý tài chính, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm bảo hiểm xã hội, chữ ký số gửi kho bạc, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm cơ sở dữ liệu [csdl@moet.edu.vn](mailto:csdl@moet.edu.vn), phần mềm quản lý cán bộ, viên chức, kênh điều hành Phòng GDĐT [dienban.edu.vn](http://dienban.edu.vn), phần mềm quản lý trường học [vnedu.vn](http://vnedu.vn) vào quản lý hành chính, tài chính, tài sản, thư viện trong trường. Bên cạnh đó, nhà trường đã xây dựng Website của trường ([thcsthubon.edu.vn](http://thcsthubon.edu.vn)) để thuận lợi trong công tác thông tin và truyền thông. Tuy nhiên, do trường không có giáo viên chuyên trách CNTT nên nhà trường tạm chuyển giao cho giáo viên Tin học và nhân viên văn thư mới tuyển làm công tác này nên trang Website của trường hoạt động chưa có tính liên tục [H6-1.6-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H6-1.6-07].

Mức 3:

Trên cơ sở đề án phát triển kinh tế- xã hội phường Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, căn cứ điều kiện thực tế, nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo nguồn tài chính chủ động, hợp pháp tu sửa CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học, xây dựng cảnh quan môi trường [H6-1.6-08]. Bên cạnh đó, nhà trường còn có sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức từ thiện, các nhà hảo tâm. Tuy nhiên, nguồn tài chính được hỗ trợ chủ yếu được chỉ định mua sắm trang thiết bị dạy học, khen thưởng học sinh, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không được hỗ trợ cho việc xây dựng CSVC cho trường [H6-1.6-09].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường trung học và thực hiện lưu trữ, bảo quản đúng theo Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 về Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thông kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng theo quy định của nhà nước. Công tác công khai tài chính thực hiện đúng quy định; xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ và có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế đơn vị, được thống nhất và thông qua trước hội nghị cán bộ viên

chức hằng năm. Tổ chức việc kiểm tra tài sản, CSVC từng năm, đề xuất thanh lý và mua sắm mới theo đúng quy trình. Việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường được thực hiện hiệu quả. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chưa có sai sót gì về công tác quản lý tài chính, tài sản tại đơn vị.

### **3. Điểm yếu**

Việc huy động những nguồn lực tài chính hợp pháp để xây dựng và phát triển nhà trường còn hạn chế, chưa đem lại sự phát triển cho nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của tổ, bộ phận, cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác tham mưu để thiết lập và lưu trữ đầy đủ, khoa học các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

Tổ chức thực hiện tốt, đúng biểu mẫu, đúng thời gian công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT; công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính. Tăng cường công tác tự kiểm tra tài chính theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính.

Tăng cường công tác quản lý tài sản, thực hiện công tác kiểm kê, thanh lý tài sản theo đúng quy định.

Xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường để chủ động tham mưu Phòng GDĐT, UBND thị xã Điện Bàn trong việc đầu tư kinh phí xây dựng, sửa chữa, mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học và phục vụ công việc chung, phát huy nguồn kinh phí được cấp, chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

#### ***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Mức 3: Không có.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên, thực hiện hoàn thành các mô đun bồi dưỡng thường

xuyên cho CBQL và giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 để nâng cao năng lực chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường [H7-1.7-01].

b) Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, hoàn cảnh của giáo viên, nhân viên; thu thập ý kiến từ chi bộ Đảng, lãnh đạo nhà trường, công đoàn, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, sau đó căn cứ vào Luật Lao động, Luật Viên chức, căn cứ vào năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên để phân công nhiệm vụ cho CBGVNV trong nhà trường [H7-1.7-02]. Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng đều lưu trữ hồ sơ phân công lao động của các thành viên trong tổ để quản lý, theo dõi thực hiện [H7-1.7-03]. Việc phân công, sử dụng CBGVNV của nhà trường minh bạch, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động giáo dục, được xác định bằng văn bản tổng kết các hoạt động giáo dục trong Hội nghị cán bộ-viên chức hàng năm [H7-1.7-04]. Tuy nhiên, trường còn thiếu giáo viên biên chế phải hợp đồng một số giáo viên để đảm bảo giáo viên giảng dạy.

c) CBGVNV nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Luật Lao động, Luật Viên chức và theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT. Trong 05 năm qua, nhà trường và Công đoàn không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về việc quyền của CBGVNV bị xâm phạm [H7-1.7-07].

#### Mức 2:

Việc phát triển đội ngũ CBGVNV có chất lượng là một trong những điều tiên quyết để xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục. Vì thế, nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất có thể để đội ngũ CBGVNV tham gia học tập bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chung, trên cơ sở đó từng cá nhân lập kế hoạch giáo dục riêng cho mình. Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý cho từng CBGVNV, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Toàn thể CBGVNV được tập huấn và học tập, sinh hoạt chuyên môn trên trường học kết nối. Học tập và cập nhật bài viết, sản phẩm lên Website nhà trường. Bên cạnh đó, nhà trường luôn khuyến khích, động viên và theo dõi, đánh giá việc CBGVNV, nhóm bộ môn viết và báo cáo các chuyên đề chuyên môn, viết và áp dụng các SKKN vào trong giảng dạy và hoạt động. Nhiều đề tài SKKN của giáo viên rất thiết thực, áp dụng hữu hiệu vào việc dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, được cấp trên công nhận. Nhà trường còn vận động giáo viên tham gia các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp thị xã, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và đã có nhiều giáo viên được các cấp công nhận, khen thưởng ở hoạt động này. Trong những năm học qua, một số CBGVNV đã tham gia học tập và được cấp các chứng chỉ bồi dưỡng về Tin học, Ngoại ngữ, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, có 03 giáo viên được thăng hạng từ hạng II lên hạng I. Hằng năm nhà trường tổ chức bồi dưỡng

cho giáo viên sử dụng các phần mềm soạn giáo án điện tử, thiết kế bài giảng điện tử nên tất cả giáo viên đều thuần thục trong việc sử dụng máy tính, ứng dụng CNTT vào soạn giáo án và giảng dạy trên lớp. Một số giáo viên tham gia thiết kế bài giảng e-Learning, áp dụng vào dạy học và tham gia dự thi. [H7-1.7-05]. Cuối mỗi năm học, nhà trường có tổ chức đánh giá xếp loại cụ thể từng CBGVNV và lấy phiếu đánh giá cán bộ lãnh đạo [H7-1.7-06].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệu quả công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBGVNV hằng năm; phân công công việc khoa học, đảm bảo phát huy đúng năng lực, sở trường của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng dạy học; thực hiện đúng, kịp thời, đảm bảo các chế độ của CBGVNV theo quy định; luôn tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và có các biện pháp tốt để phát huy năng lực, sở trường của CBGVNV góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Trường thiếu giáo viên biên chế nên hợp đồng một số giáo viên (3 giáo viên). Vì thế, đội ngũ giáo viên thiếu tính ổn định nên khó khăn cho nhà trường trong việc phân công nhiệm vụ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đẩy mạnh việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, phát huy tinh thần vượt khó, sáng tạo của CBGVNV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Phân công, sử dụng CBGVNV một cách hợp lý.

Phát huy tính chủ động, sáng tạo của CBGVNV trong việc thực hiện nhiệm vụ; khuyến khích, động viên CBGVNV tích cực tham gia tự học, tự bồi dưỡng, nhất là về ngoại ngữ, tin học, chính trị để đáp ứng được những yêu cầu cần thiết về đổi mới giáo dục, đặc biệt là chương trình giáo dục phổ thông 2018.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).*

Mức 3: Không có.

## **1. Mô tả hiện trạng**



### Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ triển khai và quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường theo của Điều lệ trường trung học. Hằng năm nhà trường chỉ đạo cho giáo viên, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân, tổ phù hợp với tình hình thực tế theo hướng đổi mới, sáng tạo, đa dạng hoá các hoạt động giáo dục, dạy học hướng vào hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và có những giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng dạy học có tính khả thi. Trên cơ sở đó nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với tình hình thực tế về đội ngũ, CSVC nhà trường và tình hình địa phương. Kế hoạch được thảo luận, thống nhất và triển khai thực hiện hiệu quả [H8-1.8-01]; [H8-1.8-02].

b) Kế hoạch giáo dục được nhà trường thực hiện rất đầy đủ. Hiệu trưởng đã chỉ đạo cho các tổ chuyên môn triển khai nhiệm vụ của nhà trường, chú trọng dự giờ, thao giảng, kiểm tra nội bộ, thống nhất chương trình, triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá, bàn giải pháp nâng cao chất lượng, tổ chức các hoạt động giúp đỡ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Đồng thời với kế hoạch tổ chức dạy học, hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban Hoạt động trải nghiệm (hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp - GDNGLL). Nhà trường đã chỉ đạo trưởng ban hoạt động trải nghiệm - GDNGLL, Tổng phụ trách Đội kết hợp với các tổ trưởng chuyên môn tổ chức tốt các buổi sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh vào các ngày chủ điểm 15/10, 20/11, 22/12, 03/02, 26/3 với nhiều hình thức và nội dung phong phú như ngoại khóa về khoa học, thuyết trình văn học, biểu diễn văn học- nghệ thuật, TDTT, ATGT, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường được thực hiện theo kế hoạch; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh; có đánh giá sơ kết, tổng kết đầy đủ. Nhà trường cũng đã phối hợp với tổ chức “*Trả lại tuổi thơ*” tổ chức dạy học hình thành và phát triển các kỹ năng sống cho học sinh. Tuy nhiên nhà trường chưa tổ chức nhiều hoạt động tham quan, giao lưu học tập của học sinh [H8-1.8-01].

c) Để việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt hiệu quả cao, nhà trường thành lập tổ kiểm tra nội bộ. Hằng tuần, hằng tháng tổ đều có hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời [H8-1.8-03].

### Mức 2:

Cuối học kỳ, nhà trường thực hiện việc báo cáo sơ kết và cuối mỗi năm học nhà trường đều thực hiện việc báo cáo tổng kết, có bảng tổng hợp danh sách các

báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về các hoạt động giáo dục với các cơ quan chức năng và có đánh giá chế độ báo cáo [H8-1.8-05]. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Trong các năm qua, tập thể nhà trường được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến [H8-1.8-06].

Việc quản lý hoạt động dạy thêm học thêm trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về dạy thêm và học thêm [H8-1.8-04].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục được xây dựng kịp thời, bám sát được khung kế hoạch thời gian năm học, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành; xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động, nội dung kế hoạch phù hợp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa tổ chức nhiều hoạt động tham quan, giao lưu học tập cho học sinh nhằm đáp ứng nhu cầu Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ngày càng cao của học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường thực hiện tổ chức cho toàn bộ tập thể nhà trường cùng xây dựng Kế hoạch giáo dục, đặc biệt có sự góp ý của CMHS thông qua Ban đại diện CMHS nhà trường.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

Định kỳ tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đề ra và rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh; tăng cường công tác dự giờ, thăm lớp, kiểm tra nội bộ để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học, chương trình dạy học của bộ môn; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời những vi phạm.

Đối với những học sinh khuyết tật, tiếp thu chậm các môn học thì GVCN, GVBM phối hợp chặt chẽ với CMHS để giúp đỡ các em tự tin hơn và có phương hướng học tập phù hợp.

Nhà trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra và rà soát các hoạt động đề ra trong kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá mỗi hoạt động sau khi thực hiện xong để rút kinh nghiệm cho những năm học tới.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

#### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Mức 3: Không có.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 19/02/2015 của Chính phủ về “*thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập*” và Thông tư số 11/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ GDĐT về “*Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập*”, Hiệu trưởng nhà trường xây dựng quy chế dân chủ trường học [H9-1.9-01]. CBGVNV của trường tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ trong các cuộc họp toàn thể CBGVNV, biểu quyết thống nhất trong Hội nghị cán bộ- viên chức. Tuy nhiên một vài giáo viên trẻ chưa mạnh dạn trong việc phát biểu, góp ý xây dựng [H9-1.9-02].

b) Trường thực hiện các chế độ công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GDĐT và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Năm 2024 thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Sau mỗi năm học, Ban thanh tra nhân dân trường kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, việc thực hiện các chế độ công khai của nhà trường và thông báo công khai trước Hội đồng sư phạm [H9-1.9-03]. Nhà trường cũng đã xây dựng được quy chế cơ quan, lịch tiếp dân với sự

đồng thuận của CBGVNV. Trong những năm học qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nào [H9-1.9-04].

c) Hằng năm, nhà trường báo cáo thực hiện quy chế dân chủ [H9-1.9-05]. Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân đều theo dõi và có báo cáo về thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H9-1.9-06].

Mức 2:

Nhà trường đã có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Chi bộ đưa việc thực hiện Quy chế dân chủ vào Nghị quyết Chi bộ hàng quý, 6 tháng để kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện và đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện cho thời gian tới đồng thời chỉ đạo sâu sát công tác kiểm tra, giám sát. Lãnh đạo nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Quy chế dân chủ ở các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng. Tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng căn cứ kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường để xây dựng kế hoạch chi tiết, quán triệt chỉ đạo viên chức trong tổ hiểu rõ và thực hiện có nề nếp, thường xuyên; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Ban Thanh tra nhân dân tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng thời gian quy định trong kế hoạch kiểm tra nội bộ. Các biện pháp và cơ chế giám sát được thực hiện thường xuyên thông qua quy chế cơ quan, quy chế hoạt động của Công đoàn [H9-1.9-07]; [H9-1.9-07].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Quy chế dân chủ được xây dựng trên tinh thần tập thể của nhà trường, triển khai thực hiện hiệu quả và được sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng trường. Ban thanh tra nhân dân xây dựng chương trình công tác đầy đủ các nội dung để triển khai thực hiện theo quy định của Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ (*Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác*); thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường khách quan, dân chủ, công khai và đúng pháp luật; thực hiện báo cáo, tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động hằng năm.

CBGVNV nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Việc tham gia góp ý, đóng góp ý kiến của CBGVNV trong các cuộc họp còn ít. Công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện chưa thường xuyên.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tập trung xây dựng, lấy ý kiến của CBGVNV để điều chỉnh, bổ sung quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua, ... đúng

quy định, chặt chẽ về nội dung, cụ thể từng tiêu chí, hiệu quả, thực chất, minh bạch, phù hợp với nhà trường.

Phát huy tinh thần dân chủ, sức mạnh tập thể, tinh thần phê bình và tự phê bình trong các cuộc họp, hội nghị. Duy trì tốt nề nếp hội họp, phát huy dân chủ trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động giáo dục để mọi hoạt động của nhà trường ngày càng có hiệu quả. Trong các cuộc họp định kỳ hằng tháng, có sự đánh giá để chấn chỉnh kịp thời những vi phạm, sai trái; tạo cơ hội cho CBGVNV góp ý, bày tỏ quan điểm dưới nhiều hình thức thông qua tổ chuyên môn, công đoàn, hộp thư, góp ý riêng, góp ý trực tiếp trong cuộc họp, qua email, điện thoại... Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phải lắng nghe ý kiến, giải trình ý kiến một cách trách nhiệm, bám sát nội dung, công khai, minh bạch.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Mức 3: Không có.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thành lập các ban chỉ đạo, có kế hoạch thực hiện và kế hoạch phối hợp thực hiện cụ thể, đồng thời triển khai đầy đủ các kế hoạch về phương án đảm bảo an toàn về an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an

toàn phòng chống tai nạn, thương tích, bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; an toàn phòng chống dịch bệnh; an toàn phòng chống các tệ nạn xã hội [H10-1.10-01]; [H10-1.10-02]; [H10-1.10-03].

Nhà trường trang bị các phương tiện phục vụ phòng cháy và chữa cháy đầy đủ, lắp đặt, bố trí hợp lý; có đầy đủ các dụng cụ, thiết bị hỗ trợ tích cực, cần thiết khi tình huống đột xuất xảy ra [H10-1.10-02]; [H10-1.10-10]. Trường không tổ chức bữa ăn cho học sinh nên không hợp đồng với các tổ chức, cá nhân cung cấp thực phẩm vì vậy cũng không được cấp Giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

b) Trong những năm qua, CBGVNV và học sinh trong nhà trường được đảm bảo an toàn, không xảy ra trường hợp đáng tiếc nào ảnh hưởng đến sức khỏe, thân thể và tính mạng [H10-1.10-05].

Để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, nhà trường đã xây dựng hộp thư góp ý. Bên cạnh đó, nhà trường còn thông tin cho người dân biết đường dây nóng liên hệ là các số điện thoại của Hiệu trưởng (0906.562.869), của phó Hiệu trưởng (0917.999.891) và yêu cầu nhân viên tổ văn phòng trực luân phiên vào các ngày trong tuần (trừ ngày chủ nhật) để tiếp nhận thông tin phản ánh của phụ huynh và nhân dân để có hướng giải quyết kịp thời [H10-1.10-06]. Trong những năm học qua, tình hình an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân gửi đến nhà trường [H10-1.10-07].

c) Việc xây dựng “*Trường học thân thiện*”, “*Trường học hạnh phúc*” và công tác giáo dục bình đẳng giới được nhà trường quan tâm tổ chức với các hoạt động ngoại khóa sôi nổi. Bên cạnh đó, ở hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp, giáo viên đã tích hợp các nội dung giáo dục an ninh trật tự, phòng chống bạo lực học đường, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới vào các tiết học góp phần tác động đến hành động, suy nghĩ tích cực của học sinh. Nhờ vậy trong những năm qua, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Vì thế, nhà trường cũng không tổ chức họp Hội đồng xử lý các sự việc có liên quan [H10-1.10-08].

Mức 2:

a) Mỗi sáng thứ hai hằng tuần, CBGVNV và học sinh nhà trường đều chào cờ đầu tuần. Trong buổi chào cờ đầu năm học, nhà trường mời Công an thị xã Điện Bàn phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; bên cạnh đó tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa về chủ đề này để học sinh biết cách phòng tránh. Định kỳ buổi chào cờ sáng thứ hai tuần thứ nhất của tháng, nhân viên Y tế nhà trường phối hợp với Trạm Y tế phường tuyên truyền

về vệ sinh an toàn thực phẩm, về cách phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống các dịch bệnh như: sốt xuất huyết, cúm... Nhà trường cũng đã phối hợp với Công an phường tuyên truyền giáo dục về phòng tránh tai nạn, thương tích, phòng chống các tệ nạn xã hội. Trước Tết Nguyên đán, nhà trường họp Hội đồng quản trị CBGVNV tuân thủ ATGT, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổng phụ trách Đội phối hợp cán bộ Đoàn phường yêu cầu học sinh viết cam kết vui Xuân lành mạnh, không đốt pháo, không đập diêm, không đánh bạc và thực hiện tốt ATGT. Ban hoạt động GDNGLL kết hợp với các tổ chuyên môn tổ chức hoạt động ngoại khóa về chủ đề an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai có sự tham gia của tất cả CBGVNV và học sinh trong trường. Nhờ vậy, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trong nhà trường được đảm bảo, không có dịch bệnh xảy ra, thiệt hại do thiên tai được hạn chế, tệ nạn xã hội không ảnh hưởng đến nhà trường [H10-1.10-09].

b) Mặc dù an ninh trật tự được đảm bảo và bạo lực học đường không xảy ra trong nhà trường nhưng ở một vài thời điểm bên ngoài cổng trường, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường và tình hình an ninh trật tự chưa tốt vẫn xảy ra. Nhà trường đã lập tổ công tác thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và phối hợp với công an địa phương ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H10-1.10-04]. Cuối học kỳ và cuối năm học, nhà trường có báo cáo sơ kết, tổng kết và phối hợp với các cơ quan chức năng để sơ kết, tổng kết công tác an ninh trật tự, an toàn trường học. Tuy nhiên, việc phối hợp với các cơ quan chức năng để sơ kết, tổng kết có lúc chưa kịp thời [H10-1.10-10].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng, triển khai đầy đủ các kế hoạch về Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; Phòng cháy chữa cháy; Phòng, chống thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và Phòng, chống bạo lực học đường.

Phân công nhiệm vụ rõ ràng, phát huy được vai trò của các tổ chức, đoàn thể, CBGVNV trong việc giữ gìn nề nếp, đảm bảo an ninh trật tự. CBGVNV và học sinh nhà trường có ý thức tốt về chấp hành pháp luật, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn trong trường học.

Phối hợp với Công an, Trạm y tế phường tổ chức tốt việc tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội, phòng tránh dịch bệnh cho học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung về giáo dục pháp luật, kỹ năng sống đến học sinh chưa thường xuyên và chưa đem lại hiệu quả cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Chủ động phối hợp trong việc tổ chức tuyên truyền về an ninh, an toàn trường học.

Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác hỗ trợ, tư vấn tâm lý, kỹ năng phòng, chống bạo lực, xâm hại học sinh. Đặc biệt, quan tâm theo dõi, kiểm tra, phòng ngừa tình trạng bạo lực học đường, mất an toàn vệ sinh trong trường học.

Tăng cường công tác phối hợp giữ gìn an ninh trật tự giữa nhà trường và Công an phường; Định kỳ đánh giá, rút kinh nghiệm để công tác phối hợp đạt hiệu quả thiết thực.

Định kỳ thực hiện việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác bảo vệ an ninh, trật tự trường học.

Huy động nguồn lực lắp đặt, bổ sung thêm một số thiết bị của hệ thống phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt thêm camera an ninh ở những vị trí quan trọng trong nhà trường để theo dõi các hoạt động, thu thập thông tin cần thiết nhằm hỗ trợ cho công tác an ninh trật tự trong trường học.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

#### **- Điểm mạnh cơ bản của nhà trường:**

Kế hoạch về Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường được xây dựng phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục, với các nguồn lực của nhà trường và dựa trên định hướng của nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp về vấn đề giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đã được địa phương xác nhận và Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn phê duyệt.

Kế hoạch giáo dục hằng năm được xây dựng kịp thời, bám sát được khung kế hoạch thời gian năm học, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành; xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động, nội dung kế hoạch phù hợp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Quy chế dân chủ được xây dựng trên tinh thần tập thể của nhà trường, triển khai thực hiện hiệu quả và được sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng trường. Ban thanh tra nhân dân xây dựng chương trình công tác đầy đủ các nội dung để triển khai thực hiện theo quy định của Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ (Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác); thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường khách quan, dân chủ, công khai và đúng pháp luật; thực hiện báo cáo, tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động hằng năm.

#### **- Điểm yếu cơ bản của nhà trường:**

Xây dựng kế hoạch hoạt động chưa phù hợp, chưa bám sát trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường; triển khai thực hiện nhiệm vụ, rà soát, đánh giá chưa cụ thể.



Sĩ số học sinh trên lớp vẫn còn cao (có 3 lớp trên 40) ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học, hiệu quả, chất lượng dạy học, đặc biệt là đối với việc tổ chức dạy học Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

### **Thông kê**

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 10/10
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 10/10
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 04/10

### **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

#### **Mở đầu**

Nhà trường có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Sau đây gọi là Thông tư 32); Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trải qua nhiều năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý tốt; tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao; năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý; có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp, phát huy tốt khả năng, năng lực của từng cá nhân. Tập thể CBGVNV của trường luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái; giúp đỡ hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong 5 năm qua, nhà trường có nhiều CBGVNV đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, thị xã, cấp trường và được cấp trên khen thưởng.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thông tư 32 và pháp luật; đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh; được đảm bảo các quyền theo quy định. Phần lớn học sinh của trường ngoan, hiền thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh, thực hiện tốt hành vi, ngôn ngữ, ứng xử theo quy định, trang phục phù hợp lứa tuổi, có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ các bạn khó khăn vươn lên trong học tập và các mặt hoạt động. Hằng năm nhà trường đều có từ 25% học sinh đạt danh hiệu học sinh Giỏi, trên 30% học sinh đạt danh hiệu học sinh Tiên Tiến và trên 25 học sinh đạt danh hiệu trong các cuộc thi cấp tỉnh, cấp thị xã. Đây là nhân tố tích cực trong các hoạt động của lớp và trường. Các em là tấm gương tiêu biểu để học sinh trong lớp và trường phấn đấu học tập.

#### ***Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng***

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở Mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở Mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở Mức tốt.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

Trước tháng 7/2024, Hiệu trưởng Trương Công Thuởng. Hiệu trưởng tốt nghiệp Đại học Sư phạm tiếng Nga và Đại học sư phạm tiếng Anh, được bổ nhiệm từ ngày 02/7/2019 theo Quyết định số 5898/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của UBND thị xã Điện Bàn sau 19 năm giảng dạy và 03 năm làm công tác phó Hiệu trưởng ở trường THCS Điện Thắng Nam (nay là THCS Thu Bồn). Từ tháng 9/2024 đến nay, Hiệu trưởng Dương Thị Hoa Hồng, tốt nghiệp Đại học Sư phạm Toán học; được điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý của trường kể từ ngày 01/9/2024 theo Quyết định số 6909/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn.

Trước khi được bổ nhiệm, Hiệu trưởng đã có 9 năm giảng dạy, 5 năm làm công tác Phó Hiệu trưởng ở trường tiểu học Phan Bội, 9 năm làm công tác Hiệu trưởng ở trường tiểu học Phan Bội và 3 năm làm công tác Hiệu trưởng tại trường tiểu học Phạm Như Xương Điện Bàn [H11-2.1-01].

Phó Hiệu trưởng Ngô Thanh Vũ – chuyên môn Thạc sĩ ngành Toán Giải Tích, được bổ nhiệm từ ngày 20/9/2019 theo Quyết định 7674/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thị xã Điện Bàn sau 15 năm giảng dạy và được Bổ nhiệm lại theo Quyết định số 7673/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND thị xã Điện Bàn [H11-2.1-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng (Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông và Công văn số 4529/BGDĐT-

NGCBQLGD ngày 01/10/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT) [H11-2.1-02]; [H11-2.1-03].

c) Hằng năm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H11-2.1-04].

Mức 2:

a) Trong 05 năm qua CBQL nhà trường có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở Mức Khá trở lên [H11-2.1-02]; [H11-2.1-03].

b) Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định và đã có bằng trung cấp lý luận chính trị [H11-2.1-04].

Hiệu trưởng nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng tổ chức bộ máy nhà trường trong từng năm học, thực hiện tốt việc quản lý nhà trường theo kế hoạch, quản lý tài chính, tài sản nhà trường, đội ngũ CBGVNV và học sinh. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có kinh nghiệm trong việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên và có năng lực trong công tác tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H11-2.1-05].

c) Hiệu trưởng tham gia các đợt tập huấn CBQL cốt cán cơ sở giáo dục phổ thông và hoàn thành 9 mô đun trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng tích cực tham gia tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục do Sở GDĐT, phòng GDĐT tổ chức. Hằng năm Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng tự bồi dưỡng thường xuyên, tự học trên internet, học theo các mô đun do Bộ GDĐT hướng dẫn. Ngoài ra CBQL còn tham gia sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết của Đảng do địa phương tổ chức; Có năng lực quản lý tốt, chỉ đạo tốt mọi hoạt động của nhà trường, cùng với giáo viên, nhân viên đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt; Luôn xây dựng được khối đoàn kết nội bộ, được CMHS và đồng nghiệp đánh giá cao. Trong những cuộc họp lấy ý kiến góp ý của giáo viên, nhân viên về công tác quản lý của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, tập thể giáo viên, nhân viên có sự đồng thuận và tín nhiệm cao đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường [H11-2.1-04]; [H11-2.1-05].

Mức 3:

Trong 05 năm qua, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt mức Tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng. Cụ thể: Theo chu kỳ đánh giá 02 năm 01 lần, thì năm 2021 và 2023 Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở Mức Tốt.

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục và đảm bảo đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ về Tin học, Ngoại

ngữ, giáo dục quản lý nhà nước; Hiệu trưởng có năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức tốt, đã được tham dự các lớp bồi dưỡng về trung cấp chính trị;

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có khả năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, quy tụ, đoàn kết các viên chức trong đơn vị thực hiện và phối hợp trong công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tạo lập được môi trường ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy, học và quản trị nhà trường; được giáo viên, nhân viên tín nhiệm cao;

Trong 05 năm liên tiếp kể từ thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được cơ quan quản lý đánh giá về chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt.

Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tham gia đầy đủ, nghiêm túc các lớp bồi dưỡng chính trị trong hè do Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã tổ chức.

### **3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng mới được bổ nhiệm về trường từ 01/9/2024 và từ vị trí quản lý trường Tiểu học qua quản lý THCS nên còn nhiều khó khăn trong công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng ở đơn vị mới.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tiếp theo Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; thường xuyên cải tiến các quy trình hoạt động, thủ tục hành chính trong nhà trường để hiệu quả công việc đạt cao hơn. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao năng lực quản lý đội ngũ CBGVNV theo yêu cầu đổi mới giáo dục đối với cấp THCS; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong đơn vị.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

#### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

a) *Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

c) *Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức đạt trở lên.*

Mức 2:

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở Mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

c) *Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học;*

trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong 05 năm qua, nhà trường luôn đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục và các tổ chức hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (Thông tư này được thay thế bởi Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT Hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các trường chuyên biệt công lập - có hiệu lực 16/12/2023) [H12-2.2-01]; [H12-2.2-02].

Năm học 2024-2025, nhà trường có tổng số Giáo viên là 23 người (bao gồm giáo viên Tổng phụ trách). Trong đó: 21 giáo viên trình độ Đại học; 02 giáo viên trình độ Cao đẳng. 01 Giáo viên về hưu tháng 5/2025 và 01 Giáo viên sẽ thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo để bảo đảm 100% giáo viên hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân theo đúng lộ trình của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 về Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở [H12-2.2-02].

Nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ GDĐT; dạy đủ các môn học theo quy định. Dạy đủ 13 môn học như sau:

- Môn học bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật);

- Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

- Nội dung giáo dục của địa phương;

b) 100% giáo viên nhà trường đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Hiện tại, đa số giáo viên nhà trường đều có trình độ đào tạo đại học trở lên. Tuy nhiên,

vẫn còn 02 giáo viên có trình độ đào tạo Cao đẳng, trong đó 01 giáo viên sẽ về hưu tháng 5/2025 và 01 giáo viên sẽ thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo để bảo đảm 100% giáo viên hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân theo đúng lộ trình của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 về Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở [H12-2.2-02].

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức đạt trở lên: Thực hiện Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 20/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, giáo viên tự đánh giá theo chu kỳ mỗi năm một lần vào cuối năm học, Hiệu trưởng tổ chức đánh giá giáo viên hai năm một lần vào cuối năm học. Trong 05 năm qua, nhà trường có 100% giáo viên tự đánh giá ở Mức Khá trở lên và 100% giáo viên được Hiệu trưởng đánh giá ở Mức Khá trở lên theo chu kỳ hai năm một lần [H12-2.2-03]; [H12-2.2-04].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường có tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H12-2.2-05]. Cụ thể:

- Năm học 2019-2020: 18/21 giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo; tỉ lệ: 86%.

- Từ năm học 2020-2021 đến nay, theo Luật Giáo dục 2019 áp dụng từ 01/7/2020 quy định trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông: Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên. Do vậy, trong những năm gần đây, nhà trường không có giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức khá trở lên. Cụ thể:

STT	Năm học	Tổng số Giáo viên	Biên chế	Hợp đồng	Đánh giá viên chức			Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp		
					Số lượng	Được đánh giá HHTNV trở lên	Tỷ lệ	Số lượng	Được đánh giá Mức Khá trở lên	Tỷ lệ
1	Năm học 2019-2020	21	19	2	19	19	100%	19	19	100%
2	Năm học 2020-2021	21	20	1	20	20	100%	20	20	100%

3	<b>Năm học 2021-2022</b>	20	20	0	18	18	100%	20	20	100%
4	<b>Năm học 2022-2023</b>	20	20	0	20	20	100%	20	20	100%
5	<b>Năm học 2023-2024</b>	21	19	2	18	18	100%	19	19	100%

Nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật trong 05 năm qua.

c) Trong những năm học qua, hầu hết giáo viên của trường đều có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, rèn luyện kỹ năng sống, giá trị sống của học sinh. GVCN Khối 9 thực hiện công tác hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS, tuy nhiên công tác này còn hạn chế do giáo viên chưa có kinh nghiệm trình bày, giải thích, thuyết phục để CMHS thấy được lợi ích của việc phân luồng, xóa bỏ tư tưởng phải vào học bậc THPT. Một số giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, tạo ra những sản phẩm STEM đạt giải cấp thị xã (Năm học 2023-2024 đạt giải Ba STEM môn Tin học và giải Khuyến Khuyến STEM môn Vật lý). Tuy nhiên giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học với số lượng chưa nhiều và kết quả chưa cao [H12-2.2-06].

Hằng năm, nhà trường đều có giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học với số lượng trung bình 05 SKKN. Các báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học được Hội đồng khoa học cấp trên công nhận; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, số lượng CBGVNV đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến, CSTĐ cơ sở, CSTĐ cấp tỉnh được duy trì ổn định; nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H12-2.2-07].

Mức 3:

a) Thực hiện Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 20/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, giáo viên tự đánh giá theo chu kỳ mỗi năm một lần vào cuối năm học, Hiệu trưởng tổ chức đánh giá giáo viên hai năm một lần vào cuối năm học. Trong 05 năm qua, nhà trường có 100% giáo viên tự đánh giá ở Mức Khá trở lên và 100% giáo viên được Hiệu trưởng đánh giá ở Mức Khá trở lên theo chu kỳ hai năm một lần [H12-2.2-03]; [H12-2.2-04]. Cụ thể:

T T	Năm học	Tổng số giáo viên (gồm giáo viên Tổng phụ trách)	Biên chế	Hợp đồng	Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp				
					Số lượng	Đạt Mức Tốt	Tỉ lệ	Đạt mức Khá	Tỉ lệ

1	<b>Năm học 2019-2020</b>	21	19	2	19	19	100%	0	0	Nhà trường đánh giá
2	<b>Năm học 2020-2021</b>	21	20	1	20	18	90%	2	10%	Tự đánh giá
3	<b>Năm học 2021-2022</b>	20	20	0	20	18	90%	2	10%	Nhà trường đánh giá
4	<b>Năm học 2022-2023</b>	20	20	0	20	20	100%			Nhà trường đánh giá
5	<b>Năm học 2023-2024</b>	21	19	2	18	18	100%			Tự đánh giá

- Trong 5 năm qua giáo viên đạt được nhiều thành tích, đặc biệt trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, các cuộc thi, hội thi, ... Cụ thể:

Từ 2019 đến 2024 trường có 12 giáo viên đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở, 01 Giáo viên đạt giải Nhì Cuộc thi Thiết kế bài giảng E-Learning cấp tỉnh, 01 Giáo viên đạt giải Khuyến khích Cuộc thi Thiết kế bài giảng E-Learning cấp tỉnh, 01 giáo viên đạt Danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 5 giáo viên được UBND thị xã tặng giấy khen; có 11 giáo viên có Đề tài SKKN được Công nhận Sáng kiến cấp cơ sở ngành GDĐT.

Bồi dưỡng Học sinh giỏi, học sinh năng khiếu tham gia các cuộc thi, hội thi, ... đạt được nhiều thành tích nổi trội như:

TT	Năm học	Cấp tỉnh		Cấp thị xã		Ghi chú
		Đông đội	Cá nhân	Đông đội	Cá nhân	
1	<b>Năm học 2019-2020</b>		8	7	16	
2	<b>Năm học 2020-2021</b>		4	12	31	
3	<b>Năm học 2021-2022</b>		4	4	23	
4	<b>Năm học 2022-2023</b>		3	4	15	
5	<b>Năm học 2023-2024</b>		6	9	20	

b) Từ 2019 đến 2024 nhà trường có 11 CBGVNV có Đề tài SKKN được công nhận sáng kiến cấp cơ sở ngành GDĐT. Các SKKN trên được báo cáo triển khai và áp dụng phù hợp với đặc trưng bộ môn nhằm chia sẻ kinh nghiệm để giáo viên học tập nâng cao năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp, hiệu quả. Tuy nhiên có một số SKKN chưa có sự đầu tư nghiên cứu sâu nên không được cấp trên công nhận [H12-2.2-07].

## 2. Điểm mạnh



Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 22 giáo viên (không tính giáo viên Tổng phụ trách; gồm 19 Biên chế và 03 Hợp đồng) đảm bảo đủ số lượng giáo viên, cơ cấu cho tất cả các môn học bắt buộc theo quy định (tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ GDĐT); giáo viên được phân công lao động đúng theo trình độ đào tạo; tỉ lệ giáo viên/lớp khoảng 1,9% và được duy trì ổn định qua các năm; nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định (theo Luật giáo dục 2019 thì nhà trường còn 02 giáo viên có trình độ Cao đẳng, tuy nhiên có 01 giáo viên sẽ nghỉ hưu vào tháng 05/2025 và 01 giáo viên sẽ thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định).

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có trên 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt. Đội ngũ giáo viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, năng lực chuyên môn tốt, tận tâm với nghề. Hầu hết, giáo viên của trường đều có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, tạo điều kiện tốt nhất cho việc tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng sống, giá trị sống của học sinh.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, số lượng CBGVNV đạt danh hiệu LĐTT, CSTĐ cơ sở, CSTĐ cấp tỉnh được duy trì ổn định; nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

### **3. Điểm yếu**

Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa phong phú.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBGVNV. Nhà trường phối hợp với Công đoàn vận động, tuyên truyền và khen thưởng CBGVNV tự giác học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ.

Giáo viên tập trung bồi dưỡng thêm kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phong phú và đa dạng hơn. Giao cho Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn triển khai, thực hiện và đánh giá hoạt động này và có sơ kết, tổng kết vào cuối năm học.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

#### ***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

### 1.Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiện nay, nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên tương đối đảm bảo theo quy định; Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Cụ thể năm học 2024-2025, nhà trường có 05 nhân viên, trong đó có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư (kiêm nhiệm thủ quỹ), 01 nhân viên thư viện (kiêm nhiệm y tế trường học), 01 nhân viên thiết bị thí nghiệm và 01 nhân viên bảo vệ [H13-2.3-01].

b) Hằng năm, căn cứ vào tình hình đội ngũ, nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực của từng người nhằm phát huy khả năng, năng lực của từng vị trí việc làm [H13-2.3-02].

c) Hầu hết nhân viên đều nhiệt tình, trách nhiệm cao trong công việc. Hằng năm, đa số nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H13-2.3-03].

Cụ thể:

T T	Năm học	Tổng số NV	Biên chế	Hợp đồng		Đánh giá viên chức		
				Dài hạn	Ngắn hạn	Số lượng	Được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Tỷ lệ
1	Năm học 2019-2020	5	0	2	3	2	1	50%
2	Năm học 2020-2021	5	0	2	3	1 (01 Nhân viên Bảo vệ Hợp đồng Không đánh giá)	1	100%
3	Năm học 2021-2022	5	3	1	1	0 (03 Biên chế mới tuyển dụng từ tháng 03/2022; 01 Nhân viên Bảo vệ Hợp đồng Không đánh giá)	/	/
4	Năm học 2022-2023	5	3	1	1	2 (01 Biên chế nghỉ việc cuối năm + 01 Nhân viên Bảo vệ Hợp đồng Không đánh giá)	2	100%
5	Năm học 2023-2024	5	4	1		4 (01 Biên chế mới tuyển dụng tháng 4/2024 nên Không đánh giá)	3	75%

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn

danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Hiện nay, trường có 05 nhân viên, trong đó có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư (kiêm nhiệm thủ quỹ), 01 nhân viên thư viện (kiêm nhiệm y tế trường học), 01 nhân viên thiết bị thí nghiệm và 01 nhân viên bảo vệ [H13-2.3-02].

b) Từ năm 2019 đến nay, tất cả các nhân viên của trường đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên, một số nhân viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, CSTĐ Cơ sở; Không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Một số nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhà trường và cấp trên tặng Giấy khen [H13-2.3-03]; [H11-2.1-06]; [H13-2.3-05].

Mức 3:

a) Các nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm theo đúng chuyên môn. Nhân viên Kế toán có trình độ Cao đẳng, nhân viên Văn thư có trình độ Đại học (Có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ), nhân viên Thư viện có trình độ Trung cấp, nhân viên Thiết bị-thí nghiệm có trình độ Đại học Sư phạm Vật lý, nhân viên Bảo vệ của trường là bộ đội phục viên đã xuất ngũ [H13-2.3-01].

b) Hằng năm, nhân viên nhà trường đều được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H13-2.3-04].

- Hằng năm, nhân viên nhà trường đều tham gia đầy đủ các lớp Bồi dưỡng chính trị hệ theo Kế hoạch của Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn, sau đợt học tập bồi dưỡng đều viết bài thu hoạch cá nhân. Ngoài ra, các nhân viên đều tham gia đầy đủ của lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn có liên quan do các cấp tổ chức [H13-2.3-04]. Cụ thể như sau:

<b>Năm học</b>	<b>NV tham gia tập huấn</b>	<b>Nội dung tập huấn</b>	<b>Thời điểm</b>	<b>Cơ quan tổ chức tập huấn</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>2019-2020</b>	Tất cả Nhân viên	Bồi dưỡng chính trị hệ năm 2019	06/08/2019	Ban Tuyên giáo Thị uỷ	
<b>2010-2021</b>	Tất cả Nhân viên	Bồi dưỡng chính trị hệ năm 2020	27/10/2020	Nhà trường	Tự học

<b>Năm học</b>	<b>NV tham gia tập huấn</b>	<b>Nội dung tập huấn</b>	<b>Thời điểm</b>	<b>Cơ quan tổ chức tập huấn</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>2021-2022</b>	Tất cả Nhân viên	Bồi dưỡng chính trị hè năm 2021	25/08/2021	Nhà trường	Tự học
<b>2022-2023</b>	Tất cả Nhân viên	Bồi dưỡng chính trị hè năm 2021	11/08/2022	Ban Tuyên giáo Thị uỷ	
	Kế toán	Tập huấn phần mềm Quản lý tài sản	14-15/02/2023	Phòng Tài chính – Kế hoạch	
	Văn thư	Tập huấn triển khai nhập thông tin hồ sơ viên chức trên hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam	05/04/2023	Phòng GDĐT	
<b>2023-2024</b>	Kế toán	Phương án trả lương đối với Hợp đồng lao động theo Nghị định 111	07/06/2023	Phòng Nội vụ	
	Văn thư	Tập huấn triển khai phần mềm tuyển sinh đầu cấp	13/06/2023	Phòng GDĐT	
	Kế toán	Tập huấn phần mềm kế toán chuyên đổi Mimoso Online và hướng dẫn kết nối kho bạc điện tử	24-26/07/2023	Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Công ty Cổ phần MISA	
	Tất cả Nhân viên	Bồi dưỡng chính trị hè năm 2023	17/08/2023	Ban Tuyên giáo Thị uỷ	
	Kế toán	Tập huấn, bàn giao phần mềm Note-	21/08/2023	Phòng Tài chính - Kế	

Năm học	NV tham gia tập huấn	Nội dung tập huấn	Thời điểm	Cơ quan tổ chức tập huấn	Ghi chú
		Tra soát, quản lý Hoá đơn và chứng từ DVC		hoạch phối hợp với Công ty Cổ phần NOTE Việt Nam	
	Văn thư	Tập huấn triển khai ứng dụng CNTT trong quản lí, dạy học	24/08/2023	Phòng GDĐT	
	Kế toán	Tập huấn nhập liệu số liệu chính sách tiền lương viên chức	28/03/2024	Phòng GDĐT	
	Văn thư	Tập huấn, thực hiện nhập liệu Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024-2026	03/04/2024	Phòng GDĐT	
	Văn thư	Tập huấn sử dụng chữ ký số tập trung	31/05/2024	Phòng GDĐT	
2024-2025	Văn thư	Tham gia tập huấn nâng cao về phần mềm vnEdu và trao đổi chuyển đổi số trong giáo dục	22/06/2024	VNPT Quảng Nam	
	Nhân viên Y tế (Thư viện kiêm nhiệm)	Tập huấn công tác Y tế trường học năm 2024	10/07/2024	Trung tâm Y tế phối hợp với Phòng GDĐT	
	Tất cả Nhân viên	Bồi dưỡng chính trị hè năm 2024	09/08/2024	Ban Tuyên giáo Thị uỷ	

Năm học	NV tham gia tập huấn	Nội dung tập huấn	Thời điểm	Cơ quan tổ chức tập huấn	Ghi chú
	Văn thư	Chuyển đổi số ngành GDĐT	16/08/2024	Phòng GDĐT	
	Thư viện	Tham gia lớp Bồi dưỡng, tập huấn về xây dựng thư viện theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT	23/08/2024	Phòng GDĐT	
	Kế toán	Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về Đấu thầu	29-30/08/2024	Phòng Tài chính – Kế hoạch	
	Thiết bị	Tập huấn sử dụng hệ thống phần mềm Quản lý thiết bị trường học	18/09/2024	Phòng GDĐT	
	Nhân viên Y tế	Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực công tác Y tế trường học năm 2024	10/10/2024	Trung tâm Y tế thị xã	
	Văn thư	Hướng dẫn thực hiện Công tác Phổ cập giáo dục xóa mù chữ năm 2024	18/10/2024	Phòng GDĐT	
	Kế toán	Hội thảo giới thiệu giải pháp phần mềm quản lý các khoản thu và thanh toán không dùng tiền mặt trong nhà trường	25/10/2024	Phòng GDĐT	
	Văn thư	Tập huấn sử dụng phần mềm vnEdu	12/11/2024	Phòng GDĐT phối hợp với Trung tâm	

Năm học	NV tham gia tập huấn	Nội dung tập huấn	Thời điểm	Cơ quan tổ chức tập huấn	Ghi chú
		và đồng bộ dữ liệu IOC		kinh doanh VNPT tỉnh Quảng Nam	
	Kế toán	Tập huấn Online giới thiệu điểm mới của Thông tư 24/2024/TT-BTC và hỗ trợ dữ liệu kế toán phụ vụ quyết toán năm 2024	12-13/12/2024	Phòng Tài chính – Kế hoạch	
	Kế toán	Tập huấn chế độ kê toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư 24/2024/TT-BTC	16-17/12/2024	Sở Tài Chính	

Hiện nay, nhân viên Kế toán đang tham gia học lớp Đại học Kế toán để nâng cao trình độ chuyên môn.

## 2. Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 05 nhân viên gồm 01 nhân viên Văn thư kiêm thủ quỹ có trình độ Đại học, 01 nhân viên Kế toán có trình độ Cao đẳng, 01 nhân viên Thư viện có trình độ Trung cấp, 01 nhân viên Thiết bị có trình độ Đại học và 01 nhân viên Bảo vệ có trình độ sơ cấp. Nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đảm bảo theo quy định. Nhà trường có bảng phân công bố trí công việc hợp lý, phù hợp với đào tạo chuyên môn và năng lực; Các nhân viên đều biết sử dụng CNTT trong công việc, có ý thức và trách nhiệm trong công tác, hoàn thành tốt chức năng hỗ trợ cho công tác dạy và học. Trong 5 năm liền, tất cả nhân viên đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

## 3. Điểm yếu

Nhân viên của trường đa số mới được UBND thị xã Điện Bàn bố trí về trong thời gian gần đây nên có còn hạn chế trong công tác lưu trữ hồ sơ của nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học đến, nhà trường tiếp tục cơ cấu nhân viên phù hợp theo vị trí việc làm để tạo hiệu quả cao nhất trong công việc. Đội ngũ nhân viên nhà trường tiếp tục phát huy ý thức trách nhiệm trong công tác, nâng cao ý thức tự bồi dưỡng; tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt hơn nữa chức năng hỗ trợ cho công tác dạy và học. Nhà trường kịp thời tuyên dương, khen thưởng để động viên và tạo điều kiện cho đội

ngũ nhân viên được tham gia các khóa học, các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ và ứng dụng CNTT.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

#### ***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Học sinh trường đã đáp ứng được yêu cầu đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh theo quy định tại Điều 33 của Thông tư 32/TT-BGDĐT. Tuổi học sinh tuyển sinh vào lớp 6 là 11 tuổi. Không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi quy định [H14-2.4-01].

- Từ năm học 2019-2020 đến nay, nhà trường không có học sinh lưu ban, học sinh bỏ học.

- Từ năm học 2019-2020 đến nay, nhà trường có tổng số Học sinh khuyết tật là 23 học sinh, được sắp xếp, bố trí các lớp học phù hợp với học sinh khuyết tật; đảm bảo mỗi lớp học hòa nhập có không quá 02 (hai) học sinh khuyết tật [H14-2.4-01]. Số lượng học sinh khuyết tật cụ thể qua các năm như sau:

- Năm học 2019-2020: 02 Học sinh.
- Năm học 2020-2021: 02 Học sinh.
- Năm học 2021-2022: 01 Học sinh.
- Năm học 2022-2023: 04 Học sinh.
- Năm học 2023-2024: 05 Học sinh.
- Năm học 2024-2025: 09 Học sinh.

b) Nhà trường đã căn cứ vào Thông tư 32/TT-BGDĐT để xây dựng nội quy nhà trường. Vào đầu mỗi năm học, nhà trường cho học sinh học nội quy và nhiệm vụ của học sinh, những quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 34 và Điều 37 của Thông tư 32/TT-BGDĐT; Có đánh giá, tổng hợp xếp loại hạnh kiểm của học sinh các lớp hằng năm. Các báo cáo của nhà trường hằng năm



có nội dung đánh giá việc học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và thực hiện quy định về hành vi học sinh không được làm. Phần lớn học sinh của trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh, thực hiện tốt hành vi, ngôn ngữ, ứng xử theo quy định, trang phục phù hợp lứa tuổi [H14-2.4-02].

c) Học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ trường THCS. Cụ thể:

- Học sinh nhà trường được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao của nhà trường theo quy định.

- Học sinh được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều 33 của Điều lệ trường THCS.

- Học sinh được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện.

- Học sinh giỏi, học sinh khó khăn được nhận học bổng từ các nguồn tài trợ và các nhà hảo tâm. Những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt ... được nhà trường tổ chức triển khai xét duyệt các chế độ chính sách đối với học sinh theo đúng quy định hoặc nhận được trợ cấp khác.

- Học sinh được chuyển trường nếu đủ điều kiện theo quy định; thủ tục chuyển trường thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H14-2.4-03].

Mức 2:

Phần lớn học sinh của trường thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh, nội quy của nhà trường; Có hành vi, ngôn ngữ, ứng xử văn hoá; Lễ phép với thầy cô, thân thiện với bạn bè; Trang phục phù hợp lứa tuổi. Bên cạnh đó có một vài học sinh vi phạm nội quy và đã được giáo viên, tổ tư vấn tâm lý học đường nhắc nhở và các em đã có chuyển biến tích cực. Không có học sinh vi phạm bị xử lý kỷ luật [H14-2.4-04].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường đều có số học sinh đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, học sinh giỏi, học sinh tiên tiến đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; có học sinh thi đỗ vào trường chuyên; học sinh đạt giải cấp tỉnh, thị xã trong các cuộc thi cấp tỉnh, cấp thị xã. Đây là nhân tố tích cực trong các hoạt động của lớp và trường.

Các em là tấm gương tiêu biểu để học sinh trong lớp và trường phấn đấu học tập đồng thời các em cũng được bầu vào các thành viên cán bộ lớp, Ban chỉ huy Chi đội, Liên đội. Những học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện đã làm tốt nhiệm vụ được giao, các em đã tích cực đi đầu trong mọi phong trào thi đua của lớp, của trường và có tinh thần giúp đỡ các bạn khó khăn vươn lên trong học tập và các mặt hoạt động. [H14-2.4-05].

\*. Số liệu thống kê cụ thể thành tích của học sinh từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 như sau:

**Năm học 2019-2020:**

STT	Thành tích	Số lượng
<b>A. CÁC MÔN VĂN HÓA</b>		<b>28</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>8</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>8</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	<b>2</b>
3.	Giải Ba	<b>3</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>2</b>
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>20</b>
<b>1. Toàn đoàn</b>		<b>1</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>2. Đồng đội</b>		<b>5</b>
1.	Giải Nhất	<b>3</b>
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>2</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>3. Cá nhân</b>		<b>14</b>
1.	Giải Nhất	<b>2</b>
2.	Giải Nhì	<b>4</b>
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>7</b>
<b>B. Cuộc thi khác</b>		<b>1</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>1</b>

STT	Thành tích	Số lượng
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	<b>1</b>
<b>C. THỂ DỤC THỂ THAO</b>		<b>2</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>0</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>0</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>2</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>1</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>2. Cá nhân</b>		<b>1</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>D. HỌC SINH ĐẠT DANH HIỆU</b>		<b>238</b>
<b>1.</b>	<b>Học sinh giỏi</b>	<b>95</b>
<b>2.</b>	<b>Học sinh tiên tiến</b>	<b>143</b>

**Năm học 2020-2021:**

STT	Thành tích	Số lượng
<b>A. CÁC MÔN VĂN HÓA</b>		<b>34</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>2</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>2</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	/

<b>STT</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Số lượng</b>
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>32</b>
<b>1. Toàn đoàn</b>		<b>1</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>2. Đồng đội</b>		<b>8</b>
1.	Giải Nhất	<b>4</b>
2.	Giải Nhì	<b>3</b>
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	<b>1</b>
<b>3. Cá nhân</b>		<b>23</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	<b>6</b>
3.	Giải Ba	<b>3</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>13</b>
<b>B. OTE; TNTH cấp thị xã</b>		<b>8</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>2</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>2. Cá nhân</b>		<b>6</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>2</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>3</b>
<b>C. THỂ DỤC THỂ THAO</b>		<b>5</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>2</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>2</b>
1.	Giải Nhất	/

<b>STT</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Số lượng</b>
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>3</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>1</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>2. Cá nhân</b>		<b>2</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>D. HỌC SINH ĐẠT DANH HIỆU</b>		<b>272</b>
<b>1.</b>	<b>Học sinh giỏi</b>	<b>86</b>
<b>2.</b>	<b>Học sinh tiên tiến</b>	<b>186</b>

**Năm học 2021-2022:**

<b>STT</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Số lượng</b>
<b>A. CÁC MÔN VĂN HÓA</b>		
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>4</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>4</b>
1.	Giải Nhất	1
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	3
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>27</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>4</b>
1.	Giải Nhất	
2.	Giải Nhì	2
3.	Giải Ba	1
4.	Giải Khuyến khích	1

<b>2. Cá nhân</b>		<b>23</b>
1.	Giải Nhất	1
2.	Giải Nhì	1
3.	Giải Ba	2
4.	Giải Khuyến khích	19
<b>B. THỂ DỤC THỂ THAO</b>		
/	/	
<b>C. HỌC SINH ĐẠT DANH HIỆU</b>		<b>224</b>
1.	Học sinh xuất sắc	<b>02</b>
2.	Học sinh giỏi	<b>81</b>
3.	Học sinh tiên tiến	<b>141</b>

**Năm học 2022-2023:**

STT	Thành tích	Số lượng
<b>A. CÁC MÔN VĂN HÓA</b>		<b>15</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>3</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>3</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>2</b>
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>12</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>2</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	
4.	Giải Khuyến khích	
<b>2. Cá nhân</b>		<b>10</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>7</b>
<b>B. STEM, OTE, TÌM KIẾM TÀI NĂNG, MĨ THUẬT ..... Cấp thị xã</b>		<b>3</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>1</b>

<b>STT</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Số lượng</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	<b>1</b>
<b>2. Cá nhân</b>		<b>2</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>2</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>C. THỂ DỤC THỂ THAO</b>		<b>4</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		/
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>4</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>1</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>2. Cá nhân</b>		<b>3</b>
1.	Giải Nhất	<b>2</b>
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>D. HỌC SINH ĐẠT DANH HIỆU</b>		<b>194</b>
<b>1.</b>	<b>Học sinh xuất sắc</b>	<b>10</b>
<b>2.</b>	<b>Học sinh giỏi</b>	<b>81</b>
<b>3.</b>	<b>Học sinh tiên tiến</b>	<b>103</b>

**Năm học 2023-2024:**

<b>TT</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Số lượng</b>
<b>A. CÁC MÔN VĂN HÓA</b>		<b>18</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>2</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>2</b>
1.	Giải Nhất	/

<b>TT</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Số lượng</b>
2.	Giải Nhì	1
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	<b>1</b>
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>16</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>3</b>
1.	Giải Nhất	<b>1</b>
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>1</b>
<b>2. Cá nhân</b>		<b>13</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	<b>2</b>
3.	Giải Ba	<b>2</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>9</b>
<b>B. STEM, MĨ THUẬT ..... Cấp thị xã</b>		<b>4</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>3</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>1</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>2</b>
<b>2. Cá nhân</b>		<b>1</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	/
4.	Giải Khuyến khích	<b>1</b>
<b>C. THỂ DỤC THỂ THAO</b>		<b>13</b>
<b>I. Cấp tỉnh</b>		<b>4</b>
<b>*. Cá nhân</b>		<b>4</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	<b>1</b>
3.	Giải Ba	<b>3</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>II. Cấp thị xã</b>		<b>9</b>
<b>1. Đồng đội</b>		<b>3</b>



<b>TT</b>	<b>Thành tích</b>	<b>Số lượng</b>
1.	Giải Nhất	/
2.	Giải Nhì	/
3.	Giải Ba	<b>2</b>
4.	Giải Khuyến khích	<b>1</b>
<b>2. Cá nhân</b>		<b>6</b>
1.	Giải Nhất	<b>2</b>
2.	Giải Nhì	<b>2</b>
3.	Giải Ba	<b>2</b>
4.	Giải Khuyến khích	/
<b>D. HỌC SINH ĐẠT DANH HIỆU</b>		<b>168</b>
<b>1.</b>	<b>Học sinh xuất sắc</b>	<b>19</b>
<b>2.</b>	<b>Học sinh giỏi</b>	<b>91</b>
<b>3.</b>	<b>Học sinh tiên tiến</b>	<b>58</b>

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có 100% học sinh học đúng độ tuổi vào lớp 6 đảm bảo theo Điều lệ trường trung học, học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định pháp luật hiện hành.

Hằng năm, nhà trường đều có học sinh khuyết tật và được bố trí hợp lý.

Trong 05 năm, nhà trường có tỉ lệ học tập xếp loại tốt trên 30% và rèn luyện xếp loại tốt trên 90%. Học sinh của nhà trường được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, có ý thức cao trong thực hiện nhiệm vụ, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau và đạt một số thành tích cao trong học tập, rèn luyện, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường. Học sinh nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định, những học sinh khó khăn luôn được thầy cô và bạn bè quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện cho các em đến trường.

### **3. Điểm yếu**

Một số ít học sinh vi phạm nội quy nhà trường như: bỏ học, trốn tiết hoặc chưa thật sự có ý thức bảo vệ môi trường do một số CMHS chưa thật sự quan tâm đến con em mình và tác động xấu của bên ngoài nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác Phổ cập giáo dục để huy động học sinh đúng độ tuổi ra lớp; Tiếp tục phát huy truyền thống hiếu học của con em địa phương, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Tăng cường sự phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội phát hiện kịp thời những học sinh vi phạm nội quy, ham chơi trốn học để chấn chỉnh, động viên các em học tập nghiêm túc. Đồng thời giao trách nhiệm cho giáo viên

Tổng phụ trách Đội phối hợp với GVCN tổ chức hiệu quả các hoạt động ngoại khóa nhằm thu hút học sinh vào các hoạt động bổ ích, tạo niềm vui và hứng thú cho các em đến trường.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 2**

##### **- Điểm mạnh cơ bản của trường:**

Nhà trường có đội ngũ CBGVNV đảm bảo về số lượng, cơ cấu đủ số môn theo quy định; đạt chuẩn về trình độ đào tạo để giảng dạy đủ các môn học theo quy định của Bộ GDĐT. Đội ngũ được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng.

Tất cả giáo viên, nhân viên nhà trường được phân công đúng chuyên môn, nghiệp vụ và nhà trường luôn tạo điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm, có từ 90% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức Tốt.

Học sinh của trường ngoan hiền, đáp ứng yêu cầu theo quy định về độ tuổi. Hằng năm nhà trường đều có số lượng học sinh đạt các danh hiệu khen thưởng cuối năm đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Số lượng học sinh đạt giải trong các cuộc thi cấp tỉnh, cấp thị xã được duy trì.

##### **- Điểm yếu cơ bản của trường:**

Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa phong phú. Vẫn còn số ít học sinh chưa chấp hành tốt nội quy nhà trường.

#### **Thống kê**

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 04/04

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 04/04

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 04/04

#### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

##### **Mở đầu:**

Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương, trường THCS Thu Bồn được thành lập và đi vào hoạt động tháng 8 năm 2016. Trên khu đất có khuôn viên riêng biệt, rộng rãi, thoáng mát, trường được xây dựng có cổng trường, biển trường, xung quanh có tường rào kiên cố. Cảnh quan trong trường xanh, sạch, đẹp, có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh bóng mát, sân chơi, bãi tập đảm bảo cho học sinh luyện tập TDTT. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng học bộ môn, có khối phòng chức năng, phòng hành chính, các khu vệ sinh, nhà xe đảm bảo theo quy định, được bố trí hợp lý, thuận tiện. Trang thiết bị được trang bị hiện đại, đầy đủ, đáp ứng phục vụ tốt việc dạy học và tổ chức các hoạt động trong nhà trường;

Có hệ thống nước sạch, nguồn nước uống hợp vệ sinh đảm bảo sức khỏe cho học sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Thư viện có đầy đủ danh mục các loại sách theo quy định, hoạt động thường xuyên

đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của CBGVNV và học sinh. Nhà trường có đầu tư mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học hàng năm theo nhu cầu và được sử dụng hiệu quả.

### **Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

Mức 3:

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m<sup>2</sup>/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m<sup>2</sup>/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường THCS Thu Bồn được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 6.594,8 m<sup>2</sup> với một ưu thế là nằm trên một khuôn viên bằng phẳng, rộng rãi, thoáng mát và đẹp. Sân trường được trồng nhiều cây xanh bóng mát, có bồn hoa, cây cảnh. Khuôn viên trường thoáng mát, có các ghế đá cho các em ngồi nghỉ, trao đổi bài, là một khu sân chơi khá lý tưởng cho các em sau mỗi giờ học căng thẳng, tạo môi trường học tập thân thiện, lành mạnh, hạnh phúc. Nhà trường luôn chú trọng trong việc đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H15-3.1-01].

b) Với một khuôn viên riêng biệt, trường được xây dựng khang trang với cổng chính của trường cao 6m, rộng 5m, biển tên trường được ghi theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Điều lệ trường phổ thông. Ngoài ra, trường còn có cổng phụ ở phía sau của trường với chiều cao 2m, rộng 5m. Tường rào bao quanh với chu vi 402m được xây dựng vững chắc, an toàn cho toàn bộ khu vực vui chơi và học tập của học sinh cũng như bảo vệ tốt tài sản của nhà trường [H15-3.1-02]; [H15-3.1-04].

c) Trường có khu sân chơi bóng chuyền, bóng rổ, sân bóng đá, hồ nhảy, hồ bơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu để luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Khu sân chơi phía trước các dãy phòng học với tường rào bao quanh, sân trường được nâng cấp bằng gạch terrazzo (400x400x30) trên nền sân bê tông trước đây nên khu sân chơi trông rất rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát với nhiều cây xanh đảm bảo an toàn cho các hoạt động vui chơi, thể dục giữa giờ và hoạt động giáo dục của nhà trường. Khu bãi tập được quy hoạch riêng biệt với các thiết bị đầy đủ, rất thuận lợi cho các hoạt động giáo dục thể chất. Đặc biệt, hồ bơi được xây dựng và đưa vào hoạt động vào tháng 3/2023 với kinh phí đầu tư 1.119.479.000 đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động phổ cập bơi hằng năm và các hoạt động thể chất về bơi lội cho học sinh [H15-3.1-05].

#### Mức 2:

Trường có khu sân chơi, bãi tập, bể bơi có diện tích khoảng 2.200 m<sup>2</sup>, chiếm khoảng 33% diện tích của trường với nhiều cây bóng mát, là nơi học sinh tập thể dục giữa giờ, vui chơi trong giờ ra chơi, cũng là nơi dùng để tổ chức các hoạt động GDNGLL. Phía trước khu sân chơi là sân bóng chuyền luôn trang bị sẵn lưới bóng chuyền cho học sinh luyện tập và thi đấu, kết hợp làm sân bóng rổ với 02 trụ bóng rổ kiên cố. Ngoài ra, khu bãi tập còn có sân tập luyện môn điền kinh có bề mặt bằng phẳng, đảm bảo độ bền chắc, không trơn trượt, được trang bị các thiết bị luyện tập như bóng, cầu môn. Hồ nhảy xa rộng 3m, dài 7m, sâu 0,5m được đổ cát xấp xỉ, mặt trên cao bằng ván dậm nhảy; đường chạy đà dài trên 40m được trang bị các thiết bị luyện tập. Bể bơi được xây dựng mới và trang bị đầy đủ phao bơi, áo phao, có một nhân viên phụ trách công tác bảo vệ. Ngoài ra, nhà trường có phòng đa chức năng phục vụ các hoạt động giáo dục thể chất, các hoạt động khác khi thời tiết không thuận lợi. Về cơ bản, khu sân chơi bãi tập đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H15-3.1-03].

#### Mức 3:

Nhà trường sở hữu một diện tích 6594,8m<sup>2</sup>, bình quân đạt trên 14.1m<sup>2</sup>/học sinh, diện tích sân chơi, bãi tập của trường là 2.200 m<sup>2</sup>, chiếm khoảng 33% tổng diện tích sử dụng của trường đảm bảo theo quy định [H15-3.1-01]; [H15-3.1-05].

## 2. Điểm mạnh

Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường sạch, đẹp; có các bồn hoa, cây cảnh cũng được chăm sóc thường xuyên tạo nên một khuôn viên xanh; có nhiều cây xanh tạo bóng mát, cảnh quan đẹp.

Nhà trường có hệ thống cổng ngõ, tường rào kiên cố, khép kín cách biệt với khu vực xung quanh, đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập đáp ứng được hoạt động dạy học, giáo dục thể chất (có bể bơi; sân bóng đá mini, sân cầu lông, bóng rổ, bóng chuyền;

*hồ nháy: đường chạy, ...*), đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục khác của nhà trường và phát triển kỹ năng cho học sinh.

### **3. Điểm yếu**

Thời điểm hiện tại khu vực tập TĐTT có mái che kết hợp với phòng đa chức năng, mặc dù có đáp ứng được nhu cầu dạy, học và các hoạt động giáo dục của nhà trường nhưng hiệu quả chưa cao. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà trường đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục, thời điểm hiện tại mới có phiếu xác nhận kết quả đo thửa đất của trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tham mưu lãnh đạo các cấp xây dựng, bố trí khu vực tập TĐTT có mái che và phòng đa chức năng tách biệt để phục vụ tốt hơn nhu cầu dạy học giáo dục thể chất và các hoạt động giáo dục; tích cực tham mưu cơ quan chức năng sớm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà trường.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

#### **Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

*a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, trường THCS Thu Bồn có 03 dãy phòng học 02 tầng gồm 7 phòng học dành cho 12 lớp học chính khóa với tổng số 264 bộ bàn ghế, đáp ứng được nhu cầu chỗ ngồi cho học sinh, tuy nhiên vẫn còn một số bàn ghế cũ. Quy cách các phòng rộng, thoáng mát đảm bảo đủ ánh sáng, mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Trong các phòng học, nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học gồm 01 bộ máy vi tính, 01 tivi 55 inch hoặc 65 inch, có hệ thống đèn, điện và quạt đảm bảo hoạt động tốt và an toàn. Tất cả các phòng học đều có đầy

đủ bàn ghế của giáo viên, được trang bị bảng chống lóa đảm bảo theo quy định Điều lệ của trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế. Các phòng học đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H16-3.2-01].

b) Nhà trường có đầy đủ các phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (2 phòng), Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại Ngữ, Phòng đa chức năng. Các phòng học bộ môn đáp ứng yêu cầu cho hoạt động giảng dạy [H16-3.2-02].

c) Nhà trường có đủ các phòng hoạt động Đoàn - Đội, Thư viện và phòng truyền thống được bố trí hợp lý, thuận lợi và hoạt động hiệu quả [H16-3.2-03].

Mức 2:

a) Phòng học và các phòng bộ môn có diện tích 64,8 m<sup>2</sup>, riêng phòng bộ môn khoa học tự nhiên có diện tích 112,28 m<sup>2</sup>. Tất cả các phòng học đều được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định đảm bảo cho việc giảng dạy. [H15-3.1-02]. Các phòng học được bố trí hợp lý, có hành lang đường đi thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H16-3.2-04].

b) Phòng hoạt động Đoàn - Đội có diện tích 64,8 m<sup>2</sup>, có máy vi tính kết nối internet, tủ đựng hồ sơ, kệ để trồng ếch, cờ, bàn ghế cho Tổng phụ trách, Ban chỉ huy Chi đội, Liên đội tập huấn công tác Đội, họp đánh giá hoạt động và bàn bạc công tác. Đây cũng là nơi đội viên đến tìm hiểu về tiểu sử anh hùng chi đội mang tên, tạo điều kiện khơi gợi và củng cố tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”. Phòng Đoàn Đội kết hợp với phòng Truyền thống lưu giữ các thông tin, hình ảnh về gia đình và sự nghiệp chiến sĩ - nhà thơ Thu Bồn - Hà Đức Trọng; Lưu giữ thành tích mà CBGVNV và học sinh nhà trường đạt được từ khi thành lập trường đến nay. CBGVNV và học sinh của trường đều lấy làm tự hào mỗi khi được đến nơi này.

Thư viện có diện tích 120m<sup>2</sup> gồm phòng đọc sách và phòng kho với khá nhiều các đầu sách cho CBGVNV và học sinh mượn và đọc. Sách được sắp xếp khoa học và dễ tìm. Thư viện cũng được trang bị 03 máy vi tính kết nối internet thuận tiện cho nhân viên thư viện làm việc và học sinh tra cứu thông tin trên mạng. Ngoài ra, thư viện được bố trí tầng 2 nên thuận tiện cho hoạt động của thư viện, bảo quản sách và không gian cho học sinh và CBGVNV khi đọc sách [H16-3.2-03]. Phòng thiết bị lưu giữ và bảo quản đồ dùng, thiết bị dạy học sắp xếp khoa học. Phòng tư vấn học đường và giáo dục học sinh khuyết tật còn dùng chung với phòng tổ bộ môn nhưng vẫn hoạt động hiệu quả và đảm bảo công việc theo yêu cầu. Nhìn chung, khối phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H16-3.2-04].

Mức 3:

Phòng học, phòng bộ môn của nhà trường đều được trang bị hệ thống đèn điện đảm bảo, bảng chống lóa, bảng phụ, đều được trang bị một bộ máy vi tính và

tivi màn hình phẳng từ 55 inch đến 65 inch phục vụ cho việc giảng dạy và học tập có ứng dụng CNTT.

Ngoài ra, phòng khoa học tự nhiên còn có phòng kho diện tích 12 m<sup>2</sup> chứa tủ đựng thiết bị, dụng cụ, kệ đựng sản phẩm... thuận tiện khi sử dụng. Phòng Tin học được trang bị 20 máy tính có kết nối internet (khi thực hành thì chia theo ca để đảm bảo mỗi học sinh được thực hành 1 máy tính). Phòng Mỹ thuật được trang bị giá vẽ, giấy, bút, màu vẽ, có 02 kệ sắt để trưng bày sản phẩm của học sinh. Nhìn chung, tất cả các phòng học, phòng học bộ môn đều được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định [H16-3.2-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các phòng học kiên cố, đảm bảo đủ nhu cầu dạy học của nhà trường. Phòng học được trang bị bóng đèn và quạt đảm bảo ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Mỗi phòng được bố trí tivi màn hình lớn; bộ máy vi tính có kết nối internet phục vụ cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

Phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập đảm bảo cơ bản các thiết bị, đồ dùng đáp ứng yêu cầu dạy học. Đặc biệt, có 01 phòng tin học đảm bảo được 30 máy vi tính phục vụ cho việc dạy học môn Tin học. Các phòng học bộ môn rộng rãi, gồm: KHTN, KHXH, Âm nhạc, Mĩ thuật, Công nghệ, Ngoại ngữ; có các thiết bị dạy học được bố trí gọn gàng, ngăn nắp; có phòng thiết bị để các thiết bị dùng chung, các phòng để dụng cụ, hóa chất và chuẩn bị thiết bị thí nghiệm đảm bảo an toàn cho học sinh thực hành.

Phòng truyền thống bố trí thẩm mỹ, trưng bày được kết quả các hoạt động của nhà trường.

Thư viện trường có không gian các phòng đọc giáo viên và học sinh thoáng mát, yên tĩnh.

## **3. Điểm yếu**

Một số phòng học còn có một số bàn ghế học sinh cũ chưa được thay thế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025, nhà trường bố trí nguồn kinh phí hợp lý và tăng cường tham mưu UBND phường Điện Thắng Nam; UBND và Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn đầu tư mua sắm thay thế bàn ghế cũ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### **Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

- a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có các phòng làm việc đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Khu hành chính được bố trí phòng làm việc của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng Công đoàn - Y tế, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, hội trường (phòng họp) với đầy đủ máy móc, thiết bị theo quy định hiện hành; có nhà kho cất giữ các đồ dùng cần thiết; phòng bảo vệ đặt ở cổng chính, có vị trí quan sát thuận lợi. Tuy nhiên phòng sinh hoạt tổ chuyên môn được bố trí chung một phòng với phòng họp [H17-3.3-01].

b) Nhà trường có khu để xe cho CBGVNV và học sinh được làm mới kiên cố. Khu để xe của CBGVNV được bố trí thuận lợi, an ninh, thuận lợi để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường với diện tích 47,8m<sup>2</sup>. Khu để xe của học sinh được bố trí phù hợp với lối ra vào cổng phụ và cổng chính của trường với diện tích 223,8m<sup>2</sup>. Cả hai khu để xe đều được gia công khung sắt, lợp mái bằng tôn và được tráng bê tông nền chắc chắn. Ngoài ra, nhà trường có lắp đặt hệ thống camera giám sát, đảm bảo an ninh, trật tự. Hằng tuần, trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, Tổng phụ trách Đội nhắc nhở học sinh để xe trật tự và chỉ đạo cho đội Sao đỏ đi kiểm tra nhằm đảm bảo an toàn trật tự và vệ sinh theo quy định. Nhìn chung, khu để xe được bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự. [H17-3.3-02].

c) Định kỳ mỗi năm vào ngày 01 tháng 01 và ngày 31 tháng 5, nhà trường đều tổ chức kiểm kê tài sản. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và căn cứ tình hình thực tế, bộ phận quản lý thiết bị tài sản tham mưu nhà trường sửa chữa, bổ sung các thiết bị cần thiết của các phòng thuộc khối hành chính - quản trị [H6-1.6-05].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ các phòng làm việc theo quy định và được bố trí tầng 1, thuận lợi cho công việc của toàn bộ CBGVNV nhà trường [H15-3.1-02].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Mỗi phòng đều được trang bị riêng biệt bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ, máy in, máy tính có kết nối internet, riêng máy photocopy được đặt tại văn phòng dùng chung cho các bộ phận. Phòng được trang bị cửa kính nên đủ ánh sáng, thoáng mát và được trang trí đẹp mắt. Phòng Y tế trường học có tủ thuốc với các loại



thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh cân sức khỏe, một số hình ảnh liên quan đến Y tế học đường [H17-3.3-03] [H17-3.3-04].

## 2. Điểm mạnh

Có đầy đủ các phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn thư - Kế toán, Đoàn – Đội, Hội đồng sư phạm, tổ bộ môn,... Các phòng làm việc đều được bố trí ngăn nắp, thẩm mỹ. Các phòng làm việc đều có máy in kết nối mạng Internet, thiết bị và đồ dùng khác đảm bảo cho công tác quản lý, quản trị nhà trường. Khu để xe bố trí hợp lý đảm bảo trật tự, không ảnh hưởng đến hoạt động dạy học.

## 3. Điểm yếu

Diện tích khu để xe của CBGVNV còn hẹp nên việc để xe không thuận lợi.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường bố trí hợp lý nguồn kinh phí của nhà trường để mở rộng khu để xe CBGVNV.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

### Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Mức 3: Không có.

## 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có công trình nhà vệ sinh học sinh đảm bảo theo quy định với diện tích khoảng 70m<sup>2</sup> được bố trí cách cách biệt so với khối phòng học của học sinh. Lối đi bằng bê tông, có khu dành riêng cho nam và nữ, đủ ánh sáng, đủ nước để xả sạch đảm bảo không ô nhiễm môi trường, tuy nhiên chưa có lối đi vào khu vệ sinh thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Ngoài ra, vì diện tích nhà vệ sinh học sinh nam còn hạn chế nên máng tiểu nam chưa đảm bảo chiều dài máng (0,6m cho 30 học sinh) và 01 tiểu nam, 01 xí, 01 chậu rửa cho 30 học sinh nhưng có vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí. Đối với khu vệ sinh nữ đảm bảo 01 xí,

01 chậu rửa cho 20 học sinh. Công trình nhà vệ sinh cho CBGVNV gồm 02 khu với tổng diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>, có khu dành riêng cho nam và nữ, được bố trí dưới cầu thang khu hành chính - quản trị của nhà trường và khu phòng học. Các công trình vệ sinh có đầy đủ điện, nước. Nhà trường đã hợp đồng người dọn vệ sinh hằng ngày nên các công trình vệ sinh luôn được giữ gìn sạch sẽ đảm bảo vệ sinh môi trường cho giáo viên và học sinh [H18-3.4-01], [H18-3.4-02].

b) Nhà trường xây dựng hệ thống thoát nước quanh khu vực phòng học và khối phòng hành chính - quản trị. Hệ thống cấp và thoát nước được lắp đặt đảm bảo không đọng nước vào mùa mưa. Mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức nạo vét khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng nước gây ô nhiễm môi trường [H18-3.4-03]. Ngoài ra, để có nguồn nước uống sạch cho CBGVNV và học sinh, nhà trường đã lắp đặt hệ thống nước sạch tia cực tím, được Trung tâm Y tế dự phòng kiểm tra đảm bảo chất lượng nước uống đạt chuẩn, hợp vệ sinh [H18-3.4-04]. Đối với hệ thống cấp nước, nhà trường sử dụng nước giếng khoan để tưới cây, sinh hoạt của CBGVNV và học sinh.

c) Để đảm bảo cảnh quan nhà trường thường xuyên sạch đẹp, nhà trường mua sắm một số thùng đựng rác có nắp đậy đặt ở những vị trí thích hợp cho việc thu gom rác thải. Bên cạnh việc tổ chức hoạt động ngoại khóa giáo dục ý thức hạn chế sử dụng bao bì ni lông, Công đoàn và Liên đội đã vận động CBGVNV và học sinh phân loại rác tại nguồn, tập kết rác thải đúng nơi quy định. Sau khi tập kết rác đúng nơi quy định thì công ty môi trường sẽ thu gom và chở rác đi xử lý đúng quy định. Tuy nhiên việc thu gom rác thải đôi lúc cũng còn vương vãi ở một vài nơi [H18-3.4-05].

Mức 2:

a) Các công trình vệ sinh học sinh và CBGVNV nhìn chung đảm bảo theo yêu cầu, đầy đủ điện nước, thiết bị vệ sinh, được tách biệt các khu nam, nữ và đảm bảo vệ sinh cảnh quan môi trường.

b) Hệ thống cấp nước sạch đáp ứng theo quy định. Hệ thống thoát nước được bố trí quanh khuôn viên nhà trường, được nạo vét thường xuyên, đảm bảo không đọng nước. Chất thải được thu gom và xử lý đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế [H18-3.4-03], [H18-3.4-04].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống thoát nước nội bộ đảm bảo vệ sinh môi trường.

CBGVNV, học sinh nhà trường sử dụng nguồn nước uống qua hệ thống lọc tại nhà trường được kiểm nghiệm sinh hóa hàng năm đảm bảo tiêu chuẩn an toàn.

Các khu vệ sinh nam, nữ dành riêng cho CBGVNV, học sinh riêng biệt, sạch sẽ; đảm bảo đủ công năng sử dụng.

Nhà trường thực hiện thu gom, phân loại rác thải trong trường thường xuyên; hợp đồng với UBND phường Điện Thắng Nam thu gom rác thải định kỳ đến điểm tập kết.

### **3. Điểm yếu**

Nước sinh hoạt của nhà trường sử dụng trực tiếp từ nguồn nước giếng khoan qua chừa hệ thống lọc.

Vị trí tập kết rác thải của trường chừa để thu gom vận chuyển đến điểm tập kết tập trung bố trí ở gần cổng trường nên đôi khi chừa đảm bảo vệ sinh.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tham mưu UBND phường Điện Thắng Nam xây dựng phương án thay đổi vị trí tập kết rác thải của trường hoặc tăng cường các dụng cụ chừa đảm bảo vệ sinh môi trường; Nhà trường thường xuyên kiểm tra nguồn nước sinh hoạt để đảm bảo chất lượng hơn khi sử dụng.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

#### **Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

*Mức 1:*

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3:*

*Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Mỗi phòng làm việc của khối hành chính đều có máy vi tính, máy in và được nối mạng Internet. Trường có 01 máy photocopy, 02 bộ máy vi tính xách tay phục vụ chung, các thiết bị phục vụ hoạt động khác được lắp đặt đầy đủ, đảm bảo phục vụ tốt cho công việc [H6-1.6-01]. Hàng năm, nhà trường đều có sửa chữa, thay thế các linh kiện hỏng các loại máy văn phòng, internet để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và hoạt động giáo dục được thể hiện trong báo cáo thống kê

cuối năm. Tuy nhiên một số thiết bị đã cũ, hay bị hỏng gây trở ngại trong quá trình làm việc của CBGVNV [H19-3.5-02].

b) Hằng năm, nhà trường đã được UBND thị xã quan tâm cấp phát đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT do Bộ GDĐT quy định [H19-3.5-01].

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức kiểm kê và có kế hoạch sử dụng, bảo quản, sửa chữa và mua sắm, nâng cấp đồ dùng và thiết bị dạy học cho năm sau. Nhân viên phụ trách thiết bị luôn chú ý kiểm tra đồ dùng dạy học và thiết bị hiện có, tham mưu sửa chữa kịp thời nên nhiều thiết bị như máy vi tính, máy chiếu được bảo quản sử dụng tương đối tốt. Tuy nhiên, một số thiết bị các bộ môn Khoa học tự nhiên qua thời gian dài sử dụng đã có tình trạng hư hỏng nhiều, sử dụng thiếu tính chính xác [H19-3.5-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có phòng Tin học với 20 máy tính bảo đảm kết nối internet hoạt động tốt. Tất cả máy tính các phòng học, các phòng bộ môn, các phòng thuộc khối Hành chính - quản trị như phòng Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, Công đoàn, văn phòng, phòng Đoàn - Đội, phòng thư viện, phòng thiết bị đều được trang bị máy in, hệ thống máy tính có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H19-3.5-03].

b) Nhà trường trang bị tương đối đủ thiết bị dạy học theo quy định của Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT như băng đĩa và Tivi cho việc giảng dạy môn Tiếng Anh; dụng cụ và hóa chất cho việc giảng dạy thực hành tại các phòng bộ môn khoa học tự nhiên và công nghệ; thước kẻ, compa, máy tính casio cho việc dạy Toán; tranh ảnh, bảng phụ, tivi, máy chiếu, thiết bị dạy học giáo dục thể chất, laptop để dạy bài giảng điện tử cho dạy tất cả các môn học cho các khối học trong nhà trường [H19-3.5-01].

c) Giáo viên tích cực sử dụng đồ dùng dạy học hiện có và nghiên cứu làm thêm đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học trên lớp, phát huy tối đa tác dụng của đồ dùng dạy học tự làm, nhất là các đồ dùng dạy học đoạt giải trong cuộc thi đồ dùng dạy học [H19-3.5-04]. Hằng năm, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn đã kiểm tra, đánh giá số lượng thiết bị, chất lượng thiết bị và hiệu quả của việc sử dụng thiết bị dạy học và phát huy hiệu quả đồ dùng dạy học của giáo viên [H19-3.5-05]. Việc sử dụng đồ dùng dạy học và thiết bị của giáo viên được cập nhật vào sổ quản lý tài sản, thiết bị, có biên bản kiểm tra đánh giá xếp loại của tổ kiểm tra nội bộ trường học [H19-3.5-06].

Nhà trường phát động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học để nâng cao chất lượng bài dạy, tạo hứng thú cho học sinh học tập, khám phá. Hầu hết các giáo viên trong trường đều tích cực làm đồ dùng dạy học, hoặc nghiên cứu soạn giảng

trên Powerpoint. Diễn hình như các đồ dùng: Kính vạn hoa, Động cơ điện, Động cơ điện, Thuyền chở vật liệu, Máy nén thủy lực, Đèn kéo quân, Kính tiềm vọng, Bắn tên lửa nước... [H19-3.5-04].

Mức 3:

Các phòng bộ môn của nhà trường đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên; thiết bị dạy học. Đặc biệt, với các sản phẩm về đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên và học sinh như các loại kính, động cơ, máy nén thủy lực... đã phục vụ có hiệu quả đối với môn khoa học tự nhiên, môn công nghệ đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, tạo hứng thú cho học sinh học tập và khám phá [H19-3.5-05].

## **2. Điểm mạnh**

Thiết bị dạy học, các phương tiện để ứng dụng CNTT trong dạy học cơ bản đảm bảo. Mỗi phòng học có 01 tivi, bộ máy vi tính có kết nối internet nên giáo viên sử dụng, khai thác đồ dùng dạy học trong giảng dạy có hiệu quả theo hướng đổi mới hoạt động dạy học.

Nhà trường đã trang bị được một số thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6, 7, 8 phục vụ dạy học các môn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Ngoài ra, hằng năm nhà trường triển khai cho giáo viên, học sinh toàn trường tự làm thiết bị dạy học để phát triển kỹ năng cho học sinh và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

## **3. Điểm yếu**

Thiết bị dạy học theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT mặc dù đã được trang bị nhưng số lượng và số loại còn ít; chưa trang bị kịp thời thiết bị lớp 9.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Mua sắm, bổ sung thêm thiết bị dạy học; tham mưu Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn bổ sung kịp thời thiết bị dạy học tối thiểu lớp 9 theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT để phục vụ cho việc dạy học chương trình giáo dục phổ thông 2018.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

### ***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ các loại tài nguyên thông tin (sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo) tối thiểu phục vụ các hoạt động dạy và học theo chương trình phổ thông 2018, tổng đầu sách hiện có tại 3269 bản, trong đó sách tham khảo đọc thêm là 2151 bình quân 4,6 bản/1 học sinh [H20-3.6-01]. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu tra cứu tài nguyên thông tin số phục vụ nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBGVNV và học sinh. Đăng tải các tài nguyên thông tin thu thập và xây dựng được trên Website trường tại địa chỉ: <https://thcsthbon.edu.vn/chuyen-muc/thu-vien/>.

b) Thư viện nhà trường có diện tích 120 m<sup>2</sup> gồm phòng đọc học sinh, phòng đọc giáo viên và kho sách. Các khu được bố trí gọn gàng, thoáng mát, đầy đủ ánh sáng phục vụ cho bạn đọc. Có nội quy thư viện dành cho CBGVNV và học sinh trong trường. Nhằm hỗ trợ cho công tác thư viện đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của học sinh và CBGVNV, nhân viên thư viện tham mưu với Ban giám hiệu phân công các bạn cộng tác viên hỗ trợ thư viện. Ngoài việc học sinh đọc sách tại thư viện, nhân viên thư viện phối hợp Ban hoạt động GDNGLL tổ chức chuyên đề giới thiệu sách cho bạn đọc hằng tháng theo chủ đề, chủ điểm trong năm. Thư viện có đầy đủ các loại sổ sách theo dõi mượn, trả theo từng năm học của giáo viên và học sinh. Thư viện có kế hoạch hoạt động cụ thể (năm, học kì,...). [H20- 3.6-07].

Hằng năm, nhân viên thư viện phối hợp với Ban GDNGLL tham mưu với Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt Ngày Hội đọc sách hoặc các hoạt động chào mừng ngày Sách và Văn hoá đọc vào ngày 21/04 tại trường THCS Thu Bồn. Trong Ngày Hội đọc sách ấy, rất nhiều bạn đọc đã nhiệt tình đón đọc và tham gia thuyết trình, thi tìm hiểu những thông tin trong sách do Ban tổ chức đưa ra. Giáo viên nhà trường thường xuyên tổ chức các tiết học tại thư viện [H20-3.6-05].

Hằng tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy, thư viện đều được mở cửa để CBGVNV và học sinh có điều kiện khai thác thông tin phục vụ các hoạt động giáo dục. tuy nhiên, một số học sinh chưa thường xuyên sử dụng nghiên cứu, học tập tại thư viện. Nhìn chung, hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu tối thiểu về nghiên

cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh [H20- 3.6-08].

c) Trong năm học, nhân viên thư viện lập hồ sơ quản lý thư viện. Cuối mỗi năm học, thư viện thực hiện kiểm kê theo biểu mẫu [H20- 3.6-06]. Trên cơ sở đó, thư viện xây dựng kế hoạch khắc phục các quyển sách bị hư bìa, cong sách, đề xuất mua sắm bổ sung các loại sách còn thiếu và cần thiết. Hằng năm, thư viện có kế hoạch mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa. Tổng kinh phí đầu tư bổ sung sách trong 5 năm: 54.789.000 đồng với 1717 bản sách, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu cho giáo viên và học sinh, thường xuyên. Tuy nhiên việc đầu tư bổ sung sách chủ yếu là sách giáo khoa, sách giáo viên, các loại sách tham khảo theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa phong phú. Được sự chỉ đạo của Hiệu trưởng, nhân viên thư viện đã phát động phong trào xây dựng tủ sách dùng chung cho thư viện nhà trường. Đã có khá nhiều sách được ủng hộ từ học sinh và CBGVNV cho tủ sách này. Đồng thời, thư viện đã tiến hành liên thông với các thư viện lân cận như thư viện trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, trường THCS Lê Trí Viễn và trường THCS Trần Phú để chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin với nhau, góp phần phát triển kho sách của thư viện.[H20-3.6-02].

Mức 2:

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, thư viện trường THCS Thu Bồn được phòng GDĐT thị xã Điện Bàn công nhận là thư viện trường học đạt mức độ 1 theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông [H20- 3.6-03]. Tuy nhiên cần xây dựng thêm thư viện lớp học để tạo cơ hội và điều kiện cho học sinh đọc sách nhiều hơn.

Mức 3:

Thư viện trường THCS Thu Bồn đang xây dựng thư viện mức độ 2 về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. Phòng thư viện được trang bị 03 máy vi tính có kết nối internet để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBGVNV và học sinh.

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện được công nhận danh hiệu Thư viện mức độ 1 (theo Quyết định số 101/QĐ-PGDĐT ngày 26/4/2024 của Sở GDĐT); phòng đọc cho học sinh rộng rãi có bố trí nhiều sách giáo dục kỹ năng sống; cán bộ thư viện phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức các hoạt động ngoại khóa để phát triển phong trào đọc sách trong học sinh, liên thông tài nguyên in ấn với thư viện Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, THCS Lê Trí Viễn.

Nhà trường thực hiện trang bị tài nguyên in ấn (sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo) phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông

2018. Cán bộ thư viện sử dụng phần mềm thư viện để tra cứu; thống kê số lượng, số lượt bạn đọc.

### **3. Điểm yếu**

Số lượng và số loại tài nguyên tham khảo phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn ít. Hoạt động liên thông giữa các thư viện còn ở dạng tài nguyên in ấn; tài nguyên điện tử chưa được chú trọng phát triển.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung đa dạng các loại và các dạng tài nguyên về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phục vụ cho giáo viên và học sinh; chú trọng bổ sung các đầu sách về giáo dục kỹ năng sống hình thành văn hóa đọc phù hợp với tình hình mới hiện nay; tăng cường phát triển nguồn tài nguyên điện tử, thư viện điện tử, hoạt động liên thông giữa các thư viện.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

##### **Điểm mạnh cơ bản:**

- Khuôn viên sân trường có nhiều cây xanh tạo bóng mát, cảnh quan đẹp. Có khu sân chơi, bãi tập, bể bơi cơ bản đáp ứng được hoạt động dạy học, giáo dục thể chất và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

- Nhà trường có hệ thống công nghệ, tường rào kiên cố, khép kín cách biệt với khu vực xung quanh, đảm bảo an toàn và thuận lợi cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Nhà trường có các phòng học được trang bị bóng đèn và quạt đảm bảo ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Mỗi phòng được bố trí tivi màn hình lớn, máy tính được kết nối internet đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

- Phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập đảm bảo để tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Thiết bị dạy học cơ bản đảm bảo, đặc biệt có đủ các phương tiện để ứng dụng CNTT trong dạy học. Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy, khai thác có hiệu quả đồ dùng dạy học theo hướng đổi mới hoạt động dạy học. Đồng thời, phong trào tự làm đồ dùng dạy học được chú trọng.

- Thư viện được công nhận danh hiệu thư viện mức độ 1 năm 2024; trang bị máy vi tính phục vụ tra cứu và các tài nguyên in ấn phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

##### **Điểm yếu cơ bản:**

Phòng đa chức năng và khu vực tập TDTT có mái che bố trí ghép với nhau.



Số lượng các thiết bị dạy học phục vụ cho các lớp học Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa đầy đủ theo quy định Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT.

Các tài nguyên phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa đa dạng về chủng loại và hình thức. Đặc biệt chưa chú trọng phát triển tài nguyên điện tử.

#### **Thống kê**

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 06/06
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 06/06
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 04/06

#### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:** Trong lý luận cũng như trong thực tiễn giáo dục, sự thống nhất tác động từ nhà trường, gia đình và xã hội được xem là vấn đề có tính nguyên tắc, đảm bảo cho mọi hoạt động giáo dục có điều kiện đạt kết quả tốt. Nhận thức được điều đó, trong những năm học qua, nhà trường đã vận dụng tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội vào công tác giáo dục học sinh. Nhà trường có Ban đại diện CMHS hoạt động theo Điều lệ, huy động được một nguồn lực rất lớn về tinh thần, vật chất từ CMHS tạo điều kiện cho CBGVNV và học sinh nhà trường thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã tích cực tham mưu cho Đảng ủy, UBND phường Điện Thắng Nam, làm cho chính quyền địa phương nhận thức được tầm quan trọng của việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục xã hội như Hội khuyến học, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ của địa phương, các nhà hảo tâm có tâm huyết với giáo dục... tạo ra nguồn lực lớn về tinh thần và vật chất hỗ trợ cho hoạt động giáo dục của nhà trường. Việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã giúp nhà trường tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục hiệu quả.

##### ***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có Ban đại diện CMHS, được thành lập theo quy định tại Thông tư số 55/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS ngày 21/11/2011. Trong mỗi năm học qua, Ban đại diện CMHS lớp gồm 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 uỷ viên. Ban đại diện CMHS trường gồm 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban và 02 uỷ viên thường trực [H21-4.1-01].

Ban đại diện CMHS lớp và Ban đại diện CMHS trường hoạt động theo quy định. Ban đại diện CMHS lớp tổ chức họp CMHS lớp ít nhất 02 phiên họp thường kỳ (cuối học kì I, cuối năm học, trừ phiên họp đầu năm học do GVCN tổ chức) để thu thập nguyện vọng và kiến nghị của CMHS về kế hoạch năm học của nhà trường, về biện pháp quản lý giáo dục học sinh để kiến nghị cụ thể với GVCN, GVBM, về biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, chất lượng dạy học... Các phiên họp đều có khoảng từ 95% CMHS tham gia.

Ban đại diện CMHS nhà trường tổ chức ít nhất 02 phiên họp thường kỳ mỗi năm (cuối học kì I, cuối năm học, trừ phiên họp đầu năm học do hiệu trưởng họp với trưởng ban, phó trưởng ban của tất cả các Ban đại diện CMHS lớp) để triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền của Ban đại diện CMHS và các nội dung, kế hoạch hoạt động, quyết định chi tiêu phục vụ các hoạt động của Ban đại diện CMHS từ nguồn ủng hộ, tài trợ tự nguyện theo quy định tại Điều 10 Điều lệ Ban đại diện CMHS. Các phiên họp CMHS đều được thống nhất và được ghi biên bản đầy đủ [H21-4.1-02].

Ngoài ra, Ban đại diện CMHS trường, Ban đại diện CMHS lớp còn tổ chức họp đột xuất khi có công việc cần thiết như phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm cho học sinh hoặc khi lớp có học sinh cá biệt cần phối hợp giáo dục... [H21-4.1-02].

b) Ban đại diện CMHS hoạt động theo nhiệm kỳ một năm học. Mỗi năm học qua, Ban đại diện CMHS đều xây dựng kế hoạch hoạt động dựa trên quy định về nhiệm vụ và quyền của Ban đại diện CMHS, quy định về kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS và dựa vào thống nhất nội dung chương trình hành động với nhà trường [H21-4.1-03].

c) Trong từng năm học qua, Ban đại diện CMHS tổ chức các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền của Ban đại diện CMHS và các nội dung, kế hoạch hoạt động đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp CMHS, Ban đại diện CMHS; thực hiện việc rà soát tiến độ hoạt động và lập báo cáo đầy đủ về tình hình hoạt động [H21-4.1-05].

### Mức 2:

Trong những năm học qua, Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đến CMHS. Ban đại diện CMHS đã thực hiện nhiệm vụ phối hợp với nhà trường trong tổ chức khai giảng năm học mới; phối hợp với nhà trường động viên học sinh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi, học sinh năng khiếu cấp thị xã; động viên khen thưởng con em đạt thành tích trong học tập và rèn luyện; chuẩn bị kế hoạch khen thưởng tổng kết cuối năm học. Những hoạt động trên của Ban đại diện CMHS đã thể hiện sự quan tâm sâu sát đến việc học tập của con em và các hoạt động dạy học của nhà trường, có tác dụng động viên con em trong học tập và khuyến khích giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học. Ngoài ra, Ban đại diện CMHS đã tham dự và đề xuất ý kiến trong Hội nghị cán bộ- viên chức của nhà trường; phối hợp tổ chức hoạt động ngày 20/11; tổ chức sơ kết học kì, tổng kết năm học trong các cuộc họp CMHS; đề xuất nhà trường bố trí một tiết sinh hoạt lớp vào tuần cuối của tháng có Ban đại diện CMHS lớp tham dự để nắm tình hình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó có biện pháp phối hợp giúp đỡ, giáo dục kịp thời. Tất cả những việc làm trên có tác dụng thúc đẩy các hoạt động giáo dục trong nhà trường, góp phần tạo điều kiện cho các hoạt động giáo dục đạt kết quả tốt [H21-4.1-03].

### Mức 3:

Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS lớp đã phối hợp với GVCN lớp chuẩn bị nội dung của các cuộc họp CMHS trong năm học; phối hợp tổ chức các hoạt động GDNGLL, giáo dục truyền thống, hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT để góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh [H21-4.1-05].

Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với hiệu trưởng trong các việc: tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung đã được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMHS trường; thực hiện hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục cho học sinh [H21-4.1-05].

Ngoài ra, Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với hiệu trưởng, Công đoàn nhà trường, các tổ chức xã hội khác như Đoàn thanh niên, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh địa phương trong việc tổ chức giáo dục học sinh hạnh kiểm yếu tiếp tục rèn luyện trong dịp nghỉ hè ở địa phương; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh chưa đạt; giúp đỡ học sinh nghèo, học

sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác; vận động học sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục đi học [H21-4.1-05].

Ban đại diện CMHS lớp và trường còn phối hợp với GVCN lớp và hiệu trưởng nhà trường, công đoàn trường vận động các nguồn quỹ xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân tài trợ tài chính cho hoạt động giáo dục của nhà trường [H21-4.1-04]; [H21-4.1-06]; [H21-4.1-07].

Tuy nhiên, một vài thành viên trong Ban đại diện CMHS do bận công tác nên chưa tham gia đầy đủ các hoạt động trong nhà trường.

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT. Phối hợp kịp thời, đúng tiến độ, hiệu quả với nhà trường, GVCN và GVBM thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS, góp phần giúp cho trường nâng cao chất lượng giáo dục, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

Mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả thể hiện trong sự tiến bộ của học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Một số thành viên trong Ban đại diện CMHS chưa tham gia đầy đủ các cuộc họp với nhà trường do bận công việc, đi làm xa...

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, Ban đại diện CMHS trường tiếp tục thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận, triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phối hợp với nhà trường theo quy định.

Trong cuộc họp CMHS đầu năm, trưởng ban Ban đại diện CMHS yêu cầu CMHS ở các lớp cử những thành viên Ban đại diện CMHS là những người nhiệt tình, có trách nhiệm, có kiến thức và kinh nghiệm trong việc phối hợp với GVCN lớp, GVBM, nhà trường và đại diện cho CMHS trong lớp để thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh hiệu quả.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường chủ động lập tờ trình tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Từ đó, Đảng ủy xã và chính quyền địa phương có Nghị quyết chỉ đạo để nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục [H22-4.2-01].

b) Trong những năm học qua, nhà trường luôn có ý thức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Cụ thể, nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức các hội nghị, hội thảo về tầm quan trọng của công tác phối hợp ba môi trường giáo dục, về đổi mới phương pháp dạy học, biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, ... có mời sự tham gia và đóng góp ý kiến của Ban đại diện CMHS, các ban ngành trong xã và lãnh đạo địa phương. Khi tham gia các cuộc họp định kỳ với CMHS, nhà trường giải thích để CMHS hiểu nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh, vận động để CMHS cùng phối hợp với nhà trường giáo dục phẩm chất, năng lực, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh để học sinh học tập và rèn luyện đáp ứng yêu cầu về mục tiêu và nội dung giáo dục [H22-4.2-02].

c) Cùng với Ban đại diện CMHS, nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định theo Thông tư số 16/2018/TT- BGDDT ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Bộ GDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường đã tiếp nhận kinh phí từ gia đình và bằng hữu nhà thơ Thu Bồn - Hà Đức Trọng trao tặng để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện và mua sắm thiết bị phục vụ các hoạt động giáo dục như

máy in, máy tính, tivi. Tuy nhiên, nhà trường chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ tăng đáng kể CSVC cho nhà trường [H21-4.1-04].

Mức 2:

a) Hằng năm nhà trường đều lập các văn bản tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương như kế hoạch xây dựng và phát triển đội ngũ, kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục, kế hoạch xây dựng CSVC và trang thiết bị giáo dục, kế hoạch huy động các nguồn lực xã hội vào các hoạt động giáo dục, kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia và đạt tiêu chí về kiểm định giáo dục trường học, ... để các cấp góp ý, phê duyệt, chỉ đạo thực hiện, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H22-4.2-02].

b) Trong những năm học qua, nhà trường đã thực hiện tốt việc phối hợp có chủ đích với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân. Nhà trường đã phối hợp với Hội Cựu chiến binh, Công an, Công an thị xã, Hội Phụ nữ, Ban đại diện CMHS, Đoàn THCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban Nữ công của nhà trường, Ban hoạt động GDNGLL trong nhà trường để tổ chức ngoại khóa, trải nghiệm nhân các tháng, các ngày chủ đề chủ điểm như tháng ATGT, ngày 15/10, 20/10, 20/11, 22/12, 03/2, 08/3, 26/3... qua đó giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT, kỹ năng sống và giá trị sống; hướng dẫn và tạo điều kiện để học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. Qua mỗi hoạt động, nhà trường đều có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm và tổng kết các hoạt động vào cuối mỗi năm học [H22-4.2-03]. Các hình ảnh, tư liệu có liên quan được lưu lại ở phòng truyền thống nhà trường [H22-4.2-06]. Tuy nhiên, vẫn còn một số CMHS chưa quan tâm đến việc giáo dục ATGT, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh nên sự phối hợp giữa nhà trường với một số CMHS đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao.

Mức 3:

Trong những năm học qua, Hiệu trưởng nhà trường chủ động, tích cực lập các kế hoạch như kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục bậc THCS và bậc trung học, kế hoạch xây dựng CSVC nhà trường, kế hoạch thực hiện các phong trào học tập, thi đua... tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Nhà trường đã tổ chức các Hội nghị Hội thảo về công tác phổ cập giáo dục, về việc nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục với các biện pháp hữu hiệu, về việc tổ chức các hoạt động văn nghệ, ngoại khóa, về việc tăng cường CSVC phục vụ các hoạt động giáo dục... có mời sự tham gia của các tổ chức, cá nhân có tâm

huyết trong và ngoài nhà trường như Hội khuyến học, Hội Cựu chiến binh, Công an, Đoàn TNCS HCM, Hội Phụ nữ, Ban đại diện CMHS, Hội đồng hương Điện Thắng Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, gia đình và bằng hữu nhà thơ Thu Bồn, đại diện doanh nghiệp đóng trên địa bàn, Đoàn THCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban Nữ công của nhà trường, Ban hoạt động GDNGLL... thống nhất kế hoạch và tiến hành tổ chức các hoạt động. Các việc làm trên đã góp phần giúp nhà trường xây dựng được một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, không có học sinh sa vào các tệ nạn xã hội, trong 5 năm qua không có học sinh bỏ học. Trường được công nhận đạt phổ cập giáo dục mức độ 3, chất lượng học lực và hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp, học sinh tốt nghiệp có chuyển biến tích cực, nhiều học sinh tham gia dự thi các môn văn hóa, năng khiếu, TDTT đạt giải cấp thị xã, cấp tỉnh. Các hoạt động văn nghệ, ngoại khóa diễn ra sôi nổi, cuốn hút học sinh và nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường [H21-4.1-04], [H22-4.2-05]; [H22-4.2-06]. Bên cạnh đó, CBGVNV nhà trường luôn thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc, quy chế dân chủ ở cơ sở, nội bộ đoàn kết, giúp nhau trau dồi phát triển chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện tốt các hoạt động giáo dục, thực hiện công tác phổ cập giáo dục, các phong trào vận động, thi đua... Nhiều năm liền nhà trường được UBND thị xã Điện Bàn công nhận công nhận là đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H22-4.2-04];

## **2. Điểm mạnh**

Lãnh đạo nhà trường năng động, sáng tạo và chủ động trong việc tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; cơ bản huy động được các nguồn lực ở địa phương để phát triển nhà trường.

Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, xã hội để thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạt hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ, công tác huy động các nguồn lực có lúc chưa thật kịp thời. Sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức xã hội, cá nhân ngoài trường đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chủ động và tích cực tham mưu kịp thời với cấp ủy đảng, chính quyền về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường, tổ chức cho CBGVNV nhà trường thực hiện kế hoạch. Song song với công tác tham mưu, nhà trường cũng lập kế hoạch phối hợp tích cực với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường để hỗ trợ hoạt động dạy học, tổ chức tốt các hoạt động GDNGLL, giáo dục về truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh, xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh. Bên cạnh đó, nhà trường sẽ vận động những nhân tố tích cực của nhà

trường làm công tác huy động các nguồn lực từ các nhà hảo tâm, giúp nhà trường xây dựng CSVC phục vụ các hoạt động giáo dục, kịp thời hỗ trợ động viên, khen thưởng học sinh.

Thực hiện hồ sơ về vận động tài trợ đầy đủ theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT quy định về tài trợ đối với các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 1722/SGDĐT-KHTC ngày 19/11/2018 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện nội dung Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và các quy định hiện hành.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

##### **- Điểm mạnh cơ bản của trường:**

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT. Phối hợp kịp thời, đúng tiến độ, hiệu quả với nhà trường, GVCN và GVBM thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS, góp phần giúp cho trường nâng cao chất lượng giáo dục, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

Mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả thể hiện trong sự tiến bộ của học sinh.

Lãnh đạo nhà trường năng động, sáng tạo và chủ động trong việc tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; cơ bản huy động được các nguồn lực ở địa phương để phát triển nhà trường.

Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, xã hội để thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạt hiệu quả.

##### **- Điểm yếu cơ bản của trường:**

Một số thành viên trong Ban đại diện CMHS chưa tham gia đầy đủ các cuộc họp với nhà trường do bận công việc, đi làm xa...

Nhà trường chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ, công tác huy động các nguồn lực có lúc chưa thật kịp thời. Sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức xã hội, cá nhân ngoài trường đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao.

#### **Thống kê**

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2.
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2.
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 0/2.

#### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu:** Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là một tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu, chính vì vậy trong những năm học qua, trường THCS Thu Bồn luôn chú ý đến việc thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời về chương trình kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học căn cứ vào các văn bản của Bộ GDĐT, của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam và của Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn để xây dựng kế hoạch và



tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đội ngũ giáo viên nhà trường rất chú ý đến việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Thực hiện tốt hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh khó khăn về học tập và tư vấn, hỗ trợ giúp đỡ học sinh khó khăn về rèn luyện; thực hiện nội dung giáo dục địa phương, tích hợp giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, giá trị sống, giáo dục thể chất cho học sinh nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, giáo dục hướng nghiệp và tư vấn phân luồng cho học sinh lớp 9 sau khi tốt nghiệp THCS.

Tất cả những hoạt động trên đã góp phần quan trọng cho việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường trong những năm qua.

### ***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông***

#### *Mức 1:*

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

#### *Mức 2:*

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

#### *Mức 3:*

*Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng:**

#### Mức 1:

a) Thực hiện Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (từ năm học

2021-2022), nhà trường tổ chức dạy học đảm bảo các môn học với số tiết quy định [H5-5.1-01] [H5-5.1-02].

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam, Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học trên cơ sở thảo luận từ cấp tổ chuyên môn đến Hội nghị Cán bộ, viên chức, người lao động của đầu mỗi năm học. Hoạt động giáo dục được tổ chức dạy đủ các môn học không xem nhẹ môn học nào. Bên cạnh đó nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thu hút học sinh tích cực tham gia với các hoạt động phong phú như: thuyết trình văn học, biểu diễn văn học-nghệ thuật, TDTT, ATGT, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống... nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh. Các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục đề ra, phù hợp với tình hình thực tế nhà trường góp phần phát triển năng khiếu, năng lực, phẩm chất và kỹ năng sống cho học sinh [H4-1.4-03]; [H23-5.1-01].

b) Đội ngũ giáo viên nhà trường tích cực trong đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, thường xuyên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Tổ chức tốt các hoạt động sinh hoạt chuyên đề theo nguyên cứu bài học, thao giảng, dự giờ tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, ứng dụng CNTT trong dạy học, dạy học tích hợp các nội dung giáo dục như: học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, ATGT, quốc phòng-an ninh, bảo vệ môi trường, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, STEM,... Nhờ đó, nhiều giáo viên của trường ngày càng vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Giáo viên tham gia thiết kế nhiều bài giảng e-Learning áp dụng vào dạy học và dự thi đạt nhiều giải cấp tỉnh. [H5-5.1-01], [H5-5.1-02], [H5-5.1-03].

c) Giáo viên sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan và hiệu quả: phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh; kết hợp kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận; kiểm tra đầu giờ hoặc kiểm tra trong tiết học thông qua việc học sinh trả lời đúng các câu hỏi liên quan đến bài học; cho học sinh chữa bài và chấm điểm cho nhau; cho học sinh làm các bài tập nhóm và đánh giá kết quả theo nhóm; đánh giá thông qua các sản phẩm của học sinh như: sản phẩm STEM, bài thực hành, dự án, .... Như vậy, việc kiểm tra đánh giá học sinh được đa dạng hóa các hình thức, đảm bảo tính khách quan và hiệu

quả. Tuy nhiên, một số học sinh tinh thần học tập chưa tốt, chưa có ý thức tự đánh giá trong học tập và rèn luyện ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục nhà trường [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Trong những năm học qua, nhà trường luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học theo quy định. Các tổ chuyên môn căn cứ vào khung chương trình tổ chức sinh hoạt cụm, sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn bàn bạc thảo luận thống nhất điều chỉnh kế hoạch dạy học theo từng môn học, thực hiện chương trình giảng dạy phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường dựa vào đó xây dựng kế hoạch bài dạy có sự đầu tư lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp dạy học và hình thức tổ chức học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh [H23-5.1-03]. Nhà trường đã tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục của giáo viên rõ ràng và cụ thể, đầy đủ, công khai minh bạch [H4-1.4-03]. Tổ chuyên môn tổ chức hoạt động thao giảng, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học nhằm trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, đề xuất phương pháp, hình thức dạy học tối ưu nhất để đáp ứng khả năng nhận thức của học sinh [H23-5.1-01]. Tuy nhiên, tại một số thời điểm, do điều kiện khách quan, nhà trường phải cho học sinh nghỉ học, dẫn đến giáo viên phải dạy bù chương trình để đảm bảo tiến độ. Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn đã phối hợp với GVCN và GVBM lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với học sinh, bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập để đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của từng đối tượng học sinh [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và tư vấn đối với học sinh chậm tiến bộ trong rèn luyện [H24-5.2-02]; [H24-5.2-03]. Đồng thời chỉ đạo các tổ chuyên môn căn cứ vào tình hình học sinh của khối lớp mình phụ trách để có kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo hợp lý. Do đó những năm qua kết quả các cuộc thi học sinh giỏi, học sinh năng khiếu của nhà trường mang về khá nhiều thành tích từ cấp thị xã đến cấp tỉnh, nổi bật là học sinh đoạt giải cao trong các kì thi học sinh giỏi các môn văn hóa, STEM, OTE, thi bơi lội, điền kinh, ..., được các cấp tặng Giấy khen. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, nhà trường đã chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với CMHS tìm biện pháp giúp đỡ. Bên cạnh đó giáo viên cũng quan tâm, thăm gia đình học sinh để nắm rõ hoàn cảnh, thói quen, những biểu hiện tâm lý bất thường, ân cần hỏi han, gần gũi, quan tâm nhiều hơn để các em giảm mặc cảm về tâm lý, tự tin trong giao tiếp và tham gia các hoạt động giáo dục [H23-5.1-06].

**Mức 3:**

Hàng năm, nhà trường kiểm tra, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức hoạt động giáo dục. Định kỳ, Ban giám hiệu và tổ chuyên môn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy của giáo viên nhằm đảm bảo việc thực hiện quy chế chuyên môn trong nhà trường; Thực hiện kiểm tra nội bộ hoạt động sư phạm của giáo viên, ngoài dự giờ, thăm lớp theo quy định, chuyên môn của nhà trường đã tổ chức thao giảng, hội giảng, dự giờ đột xuất... Trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, sơ kết học kì, tổng kết năm học, nhà trường đều tổ chức rà soát, rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình; phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh để từ đó đánh giá và từng bước, rút kinh nghiệm để có biện pháp giáo dục hiệu quả hơn. [H23-5.1-02] [H5-5.1-06]

**2. Điểm mạnh**

Trường chuẩn bị các điều kiện và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo Chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT tại Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT và Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục; đa số giáo viên tận tâm với nghề, luôn có ý thức tìm tòi, sáng tạo, học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ.

**3. Điểm yếu**

Một bộ phận giáo viên còn hạn chế về việc ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học.

Chưa có giải pháp hữu hiệu trong công tác giáo dục học sinh yếu kém.

Công tác rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh chưa được chú trọng thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Xây dựng kế hoạch, thường xuyên tổ chức các sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; tập trung vào phương pháp giúp học sinh phát triển các kỹ năng cốt lõi; tập trung cải tiến phương pháp giáo dục học sinh còn hạn chế ở các mặt rèn luyện.

- Tăng cường hiệu quả việc ứng dụng CNTT trong dạy học, đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Chú trọng việc rà soát, phân tích đánh giá các tác động mang tính định kỳ để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện***

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch cụ thể về nội dung, thời lượng, thời gian giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phụ đạo học sinh khó khăn trong học tập, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Ngoài ra hằng năm nhà trường cũng đã tiến hành tổ chức khảo sát chất lượng học sinh đầu cấp các môn Toán, Văn, Anh. Dựa vào tổng hợp kết quả và phân loại học sinh có biện pháp theo dõi, giúp đỡ để phát hiện học sinh có năng khiếu về các môn văn hóa, học sinh gặp khó khăn trong học tập. Thông qua các hoạt động TDTT, các tiết dạy Nghệ thuật (Mĩ thuật, Âm nhạc), giáo viên phát hiện học sinh có năng khiếu về thể thao, nghệ thuật. Nhà trường chỉ đạo các GVCN theo dõi, gần gũi, tìm hiểu học sinh, liên hệ với CMHS để nắm hoàn cảnh từng em, quan tâm đặc biệt đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật. GVCN và GVBM báo cáo kết quả, tìm hiểu và đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện trong các buổi sinh hoạt chuyên môn. Tuy nhiên kinh phí tổ chức các hoạt động này còn hạn chế [H5- 5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện của nhà trường, từng tổ

bộ phận và giáo viên tiến hành thực hiện kế hoạch. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, GVCN tìm hiểu, lập danh sách ghi cụ thể hoàn cảnh khó khăn đó như thế nào, báo cáo với nhà trường. Nhà trường và Công đoàn phối hợp với các tổ chức, với các nhà hảo tâm, kết hợp với Hội Chữ thập đỏ của nhà trường giúp đỡ các em. Trong những năm học qua, nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn của nhà trường được giúp đỡ cả về vật chất lẫn tinh thần, là nguồn động viên lớn cho các em tiếp tục đến trường, đến lớp. Đối với học sinh có khó khăn về học tập, nhà trường đã tổ chức cho giáo viên báo cáo SKKN về nội dung liên quan đến việc giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập (sáng kiến được công nhận đạt loại B cấp tỉnh) để các giáo viên trong trường học hỏi kinh nghiệm, áp dụng vào thực tế giảng dạy [H24-5.2-03]. Bên cạnh đó, GVCN các lớp thành lập đôi bạn cùng tiến và đã dành nhiều thời gian cho việc tìm hiểu hoàn cảnh gia đình học sinh, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém trong học tập và rèn luyện của học sinh để vạch ra giải pháp giúp đỡ phù hợp [H14-2.4-02].

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức ôn luyện các đội tuyển học sinh giỏi khối lớp 8, 9 gồm các bộ môn: Ngữ văn, Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh, Lịch sử, Địa lý, Anh văn, Tin học; Khối 6,7 gồm ba môn: Toán, văn, Anh và tham gia cuộc thi STEM, Văn học-Học văn, thi hùng biện về câu chuyện đạo đức và pháp luật, các môn thể thao...để tham gia dự thi cấp thị xã [H24-5.2-02].

Đối với học sinh khó khăn trong học tập nhà trường đã dựa vào khả năng, nhu cầu học tập văn hoá để dạy học các em với nhiều hình thức khác nhau; với học sinh tiếp thu chậm, GVBM phân thành nhóm và phụ đạo theo hướng cá thể hóa phù hợp trình độ từng nhóm học sinh, giúp các em tiến bộ hơn [H5-5.2-01]. GVBM phân công học sinh khá giỏi, chăm ngoan động viên, nhắc nhở, giúp đỡ học sinh yếu, kém trong việc chuẩn bị bài và học trên lớp. Đồng thời theo dõi, uốn nắn, kiểm tra các em. Khi lên lớp, GVBM chú ý dành các câu hỏi ở mức độ dễ cho học sinh chậm tiến bộ, tế nhị lồng ghép việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và có sự động viên khen ngợi kịp thời sự tiến bộ (cho dù rất nhỏ) để khuyến khích các em. Sau mỗi bài kiểm tra định kỳ hoặc thường xuyên, đối với học sinh không tiến bộ, GVBM động viên học sinh tham gia học phụ đạo, học nhóm, sau đó tổ chức kiểm tra lại. Nhà trường tạo mọi điều kiện CSVN để giáo viên dạy phụ đạo học của lớp mình phụ trách; đồng thời chú ý kiểm tra việc phụ đạo học sinh của giáo viên. Tuy nhiên, một số rất nhỏ học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện có tâm lý chán học, không nỗ lực phấn đấu vươn lên.

Đối với học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật, nhà trường thành lập các câu lạc bộ về nghệ thuật, TDTT ban hành các quyết định phân công giáo viên có năng lực đảm trách và lập thời gian biểu cụ thể. Các giáo viên lập kế hoạch, trình lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Nhà trường và tổ chuyên

môn thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, động viên giáo viên giảng dạy và học sinh tham gia học bồi dưỡng. Nhờ những việc làm trên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H24-5.2-02].

c) Sau mỗi học kỳ đều có tổng hợp, đánh giá và xếp loại kết quả học tập của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng. Thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, thể hiện trong các biên bản họp chuyên môn và các văn bản báo cáo các hoạt động [H4-1.4-05].

Mức 2:

Nhà trường đã tập trung nắm bắt từng đối tượng học sinh thông qua công tác chủ nhiệm, giảng dạy GVBM từ đó phân loại học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đồng thời có kế hoạch phân công CBGVNV phụ trách. Sau khi được giúp đỡ, phụ đạo, bồi dưỡng, tỉ lệ học sinh gặp khó khăn trong học tập đã giảm đi, học sinh có năng khiếu được phát huy năng khiếu, năng lực, được tham gia các kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp, các cuộc thi năng khiếu và đã đạt được thành tích cao đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H24-5.2-02].

Mức 3:

Trong những năm học qua, học sinh năng khiếu của nhà trường nổi bật ở các môn học Vật lý, Toán, Tin học, Lịch sử, một số môn thể thao như Bóng chuyền, Bơi lội, Việt dã... được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H24-5.2-04]. Tuy nhà trường có học sinh năng khiếu về nghệ thuật nhưng chưa nổi bật nên chưa có giấy khen ghi nhận của cấp có thẩm quyền về năng khiếu này.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; kế hoạch công tác được tiến hành từ đầu mỗi năm học.

Kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả cao trong những năm học gần đây.

## **3. Điểm yếu**

Chưa có kế hoạch, giải pháp cho việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về âm nhạc, mỹ thuật và thể thao.

Công tác giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện chưa được xây dựng kế hoạch có hệ thống (từ việc tìm hiểu hoàn cảnh sống, nắm bắt tâm lý đến phương pháp giáo dục...)

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Thường xuyên tổ chức các sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên về kỹ năng, phương pháp, nghiệp vụ tư vấn tâm lý cho các nhóm đối tượng học sinh trong nhà trường.

Khen thưởng, động viên kịp thời những học sinh có hoàn cảnh khó khăn biết vươn lên trong học tập.

Có kế hoạch kiểm tra đầu vào, phát hiện, đánh giá năng lực học sinh (các năng khiếu văn - thể - mỹ) ngay từ đầu năm, từ đó có kế hoạch phù hợp để từng đối tượng học sinh được phát triển theo năng lực thể mạnh.

### **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

#### ***Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định***

Mức 1:

a) *Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch đề ra;*

b) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*

c) *Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

*Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.*

Mức 3: Không có.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đưa nội dung giáo dục địa phương vào trong chương trình góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân nhằm giáo dục di sản, giáo dục tinh thần yêu quê hương đất nước cho các em học sinh. Chuyên môn nhà trường đã chỉ đạo tổ Ngữ văn, Lịch sử - Địa lý căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GDĐT để xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục địa phương ở các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý. Các tiết Văn học địa phương, nhà trường chỉ đạo thực hiện nội dung dạy học theo “*Tài liệu học tập và giảng dạy chương trình Ngữ văn địa phương cấp THCS tỉnh Quảng Nam*”. Các tiết lịch sử địa phương dạy học theo “*Tài liệu Lịch sử địa phương Điện Bàn*”. Các tiết Địa lý địa phương, thực hiện nội dung dạy học theo “*Tài liệu giảng dạy Địa lý Quảng Nam*” các tài liệu về nội dung giáo dục địa phương đề cập ở trên đều được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; từ năm học 2021-2022 nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 giảng dạy môn Giáo dục địa phương đúng theo hướng dẫn của các cấp, thực hiện 35 tiết/năm; Tài liệu GDĐP được chuyển đến các em học sinh đầy đủ [H25-5.3-01].



Ban hoạt động GDNGLL và các GVCN lớp tổ chức hướng dẫn học sinh tìm hiểu, tham quan nhà Anh hùng Liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, di tích lịch sử trên địa bàn như Đài tưởng niệm tại Phong Lục Đông Nam, Khu di tích Đồn Ngũ Giáp... trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa, các tiết sinh hoạt lớp, các buổi tham quan, dã ngoại. Tuy nhiên, nhà trường chỉ mới tổ chức được cho các em trong Ban chỉ huy Liên đội và học sinh tiêu biểu trong học tập, rèn luyện đi tham quan dã ngoại ở các địa điểm bên ngoài nhà trường.

b) Dựa vào kế hoạch giảng dạy nội dung giáo dục địa phương tổ chuyên môn đã xây dựng, các giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý đều soạn giáo án đầy đủ. Bên cạnh đó, giáo viên còn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung này. Việc kiểm tra được thực hiện bằng nhiều hình thức như kiểm tra trên giấy, kiểm tra miệng, kiểm tra qua các hoạt động trải nghiệm. Đối với bài kiểm tra trên giấy, giáo viên ra đề có nội dung giáo dục địa phương, đáp án, biểu điểm cụ thể và tổ chức chấm bài, đánh giá đảm bảo khách quan. Các giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân, Âm nhạc lồng ghép các nội dung giáo dục địa phương vào các tiết dạy và có câu hỏi kiểm tra và đánh giá về nội dung này. Trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa hoặc tham quan các di tích... Ban hoạt động GDNGLL và các GVCN lớp tổ chức kiểm tra nội dung giáo dục địa phương qua hình thức đặt câu hỏi, thực hiện bài thu hoạch, bên cạnh đó còn đánh giá qua thái độ, hành vi của học sinh. Hoạt động giáo dục địa phương đã tạo hứng thú cho học sinh tham gia, khơi dậy trong các em tình yêu quê hương đất nước và giáo dục các em ý thức bảo tồn di sản văn hoá [H25-5.3-02].

c) Trong quá trình giảng dạy, giáo viên môn Ngữ văn, lịch sử, Địa lý... giao nhiệm vụ cho nhóm học sinh, sưu tầm tài liệu phục vụ cho bài học giáo dục địa phương và lấy nội dung này làm tiêu chí kiểm tra, đánh giá học sinh. Trong giờ học giáo viên kiểm tra, đánh giá học sinh qua các hình thức như: Kiểm tra thường xuyên, viết bài thu hoạch. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5-5.3-02].

#### Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực cho học sinh. Nhà trường tổ chức tốt cuộc thi tìm hiểu về lịch sử Đảng bộ Điện Thắng, các di tích văn hoá Điện Thắng Nam, con người anh hùng xứ Quảng qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương Thông qua các tiết học chính khóa và ngoại khóa về chương trình địa phương, tăng hứng thú học tập, học sinh còn hiểu biết sự phát triển kinh tế và xã hội ở quê hương, tự hào về truyền thống mảnh đất anh hùng Điện Bàn, nhận ra vẻ đẹp riêng người Quảng Nam. Các em được tham quan, trải

nghiệm và chăm sóc một số di tích ở Phường Điện Thắng Nam từ đó khơi dậy trong các em lòng yêu quê hương đất nước [H25-5.3-08].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác dạy học Nội dung giáo dục địa phương tỉnh Quảng Nam đảm bảo quy định.

Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động tham quan các di tích lịch sử trên địa bàn; từ đó giáo dục tốt cho học sinh hiểu biết về lịch sử địa phương.

## **3. Điểm yếu**

Chưa có nhiều hoạt động tổ chức cho học sinh tham quan, học tập ở các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương cấp huyện và trong tỉnh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Xây dựng kế hoạch để học sinh được trải nghiệm, tham quan học tập nhiều hơn các di tích lịch sử địa phương ở toàn tỉnh cũng như trong huyện.

Tích cực thu thập các tài liệu liên quan đến địa phương để tăng nguồn tham khảo, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tiết dạy về giáo dục địa phương, tăng tính thực tiễn, sinh động trong dạy học và kiểm tra đánh giá nội dung giáo dục địa phương.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc sưu tầm các tư liệu, tài liệu về lịch sử, truyền thống địa phương để bổ sung vào nguồn tham khảo.

**Kết quả:** Đạt mức 2.

### ***Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp***

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 3: Không có.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cụ thể cho từng năm học theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Theo đó, các cá nhân, bộ phận liên quan như giáo viên, Ban hoạt

động GDNGLL, tổ chức Đội điều lập kế hoạch giảng dạy các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Thông qua môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường đã thống kê, giới thiệu cho học sinh những ngành, nghề hiện có phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội ở địa phương và đã hướng một số nghề phù hợp với khả năng, sở trường của từng em [H26-5.4-01]. Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú như: Tổ chức Hội chợ dân gian, âm thực, các khu di tích lịch sử... đã đem lại hiệu quả tốt [H26-5.4-03].

b) Hằng năm, nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch cụ thể, rõ ràng. Được tổ chức giảng dạy với nhiều hình thức phong phú phù hợp học sinh. Trong kế hoạch hoạt động Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo từng năm học đều lồng ghép hoạt động trải nghiệm theo từng chủ điểm tháng. Ban hoạt động GDNGLL kết hợp với Đoàn - Đội tổ chức hoạt động trải nghiệm qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa có nhiều nội dung như “*Ngày Hội đọc sách*” tại phường Điện Thắng Nam, hành trình về Nghĩa trang Liệt sĩ phường nhân ngày 27/7, tổ chức kết nạp đoàn viên tại Nghĩa trang liệt sĩ phường, cắm trại nhân ngày Sinh nhật Đoàn 26/3; hoạt động xã hội tình nguyện như đóng góp quà “*Cây mùa xuân*” tặng các bạn nghèo trong trường trong lớp, đến thăm gia đình thương binh liệt sĩ để phụ giúp một số công việc nhà cho người già neo đơn. Trong dịp Tết Trung thu thường tổ chức hội thi trang trí lồng đèn, hội thi múa lân tạo không khí vui vẻ, gắn kết trong học sinh.... Nhìn chung, các hoạt động trải nghiệm đã mang lại nhiều kết quả thiết thực, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội đã giúp các em có nhiều cơ hội trải nghiệm để vận dụng những kiến thức học được vào thực tiễn, hình thành và phát triển tình yêu của bản thân mình với thiên nhiên và con người [H26-5.4-04]; [H26-5.4-06]. Thông qua hoạt động hướng nghiệp, nhà trường đã thống kê, giới thiệu cho học sinh những ngành, nghề hiện có phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương và đã hướng một số nghề phù hợp với khả năng, sở trường của từng em. Bên cạnh đó, nhà trường cũng tạo điều kiện để các trung tâm dạy nghề trong và ngoài thị xã Điện Bàn về trường tư vấn nghề nghiệp cho học sinh cuối cấp [H26-5.4-04]; [H26-5.4-06]. Tuy nhiên, việc phân luồng sau khi học sinh tốt nghiệp của nhà trường chưa đạt hiệu quả. Một số học sinh cuối cấp chưa có ý thức học nghề sau khi tốt nghiệp, các em đăng kí vào lớp 10 nhưng do lực học yếu nên bỏ học cấp THPT dở chừng.

c) Hằng năm nhà trường phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Nhiều hoạt động trải nghiệm như biểu diễn văn nghệ, cắm trại, Hội khỏe Phù Đổng... được giáo viên tích cực tham gia [H26-5.4-03]; [H26-5.4-06].

Mức 2:

a) Mô tả ở mức 1b.

b) Định kỳ sau mỗi kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường đều có báo cáo đánh giá kết quả của từng hoạt động, rà soát, đánh giá về tổ chức thực hiện các hoạt động thể hiện cụ thể qua các văn bản nhằm tiếp tục phát huy những ưu điểm và có biện pháp khắc phục những mặt còn hạn chế, tồn tại để tổ chức các hoạt động sau có hiệu quả hơn [H26-5.4-05].

Mức 3: Không có.

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động trải nghiệm của nhà trường được tổ chức với nhiều hình thức phong phú phù hợp học sinh và bước đầu mang lại hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Công tác hướng nghiệp chưa được chú trọng; kết quả phân luồng chưa đạt mục tiêu; kỹ năng, hình thức tổ chức hướng nghiệp cho học sinh chưa được đổi mới.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ về kỹ năng, phương pháp hướng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng.

Tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh; tạo điều kiện để các đối tượng học sinh quan tâm có thể tham quan các cơ sở sản xuất, nhà máy để làm tốt công tác định hướng nghề nghiệp;

Tiếp tục phối hợp cùng các cơ sở dạy nghề tổ chức các buổi tư vấn nghề nghiệp cho học sinh; phân công, huy động, khuyến khích sự tham gia của tất cả các thành phần trong nhà trường vào hoạt động giáo dục tập thể.

Thực hiện tốt công tác xã hội hóa để tăng cường các nguồn lực, nâng cao chất lượng các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh***

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch định hướng hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh. Mỗi giáo viên trong từng tiết dạy. Chỉ đạo cho các tổ chuyên môn, giáo viên lập kế hoạch giảng dạy, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống tích hợp trong các môn học chính khóa của chương trình phổ thông (môn Giáo dục công dân, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Địa lý,...). Ban hoạt động GDNGLL - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Tổng phụ trách Đội xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động GDNGLL - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thông qua tổ chức hoạt động tập thể và thực hiện các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống để hình thành, rèn luyện cho học sinh kỹ năng ứng xử hợp lý,... với các hình thức phong phú như phổ biến thực hiện bộ quy tắc ứng xử có văn hóa, ngoại khóa về học tập, về sức khỏe sinh sản vị thành niên, an toàn vệ sinh thực phẩm, về chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác, về lối sống, truyền thống văn hóa dân tộc, những hiểu biết xã hội, cắm trại, tham quan dã ngoại, TDTT vui chơi, hoạt động đền ơn đáp nghĩa để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh [H27-5.5-01].

b) Thông qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp, học sinh của nhà trường đã được hình thành, phát triển các kỹ năng sống như kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng điều chỉnh và quản lý cảm xúc, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng đối diện và ứng phó với căng thẳng, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm,... . Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật giúp cho học sinh có chuyển biến tích cực trong suy nghĩ và hành động. Trong những năm học qua, nhà trường không có trường hợp nào vi phạm pháp luật hoặc tai nạn thương tích nghiêm trọng [H14-2.4-02].

c) Nhà trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện về đạo đức, lối sống của học sinh thông qua tổ chức kể chuyện về Bác Hồ, nêu gương trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, hoạt động tri ân, dạy học lồng ghép, tích hợp trong môn học, triển khai dạy học phòng chống tham nhũng và dạy học tích hợp nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đồng thời, qua giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh, đạo đức, lối sống của các em được hình thành, phát triển

phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyên thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H27-5.5-03].

Mức 2:

a) Khi tổ chức các hoạt động dạy học như thiết kế giáo án (kế hoạch bài dạy) và thực hiện tiết dạy trên lớp, dạy minh họa chuyên đề, thao giảng- dự giờ,... giáo viên đều chú ý hướng dẫn, rèn luyện cho học sinh tự hình thành kỹ năng tự kiểm tra đánh giá: xác định được mục tiêu, nội dung bài học; xác định các nội dung liên quan trong các tài liệu tham khảo, tái hiện những kiến thức liên quan đã được nghe giảng; xây dựng dàn ý bài học; làm bài tập theo yêu cầu; dự kiến các câu hỏi và trả lời; trình bày trước nhóm (lớp), trao đổi thảo luận với bạn bè; kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp [H27-5.5-02].

Thông qua các tiết sinh hoạt chủ nhiệm và các buổi hoạt động chủ đề chủ điểm, GVCN và Ban hoạt động GDNGLL-Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Tổng phụ trách Đội đã hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả rèn luyện [H14-2.4-02].

b) Học sinh vận dụng kiến thức để giải bài tập, tiếp thu và xây dựng những tri thức cho những bài học mới, vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Tính đến thời điểm tự đánh giá, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Học sinh biết vận dụng kiến thức đơn môn và liên môn để giải bài tập, tìm ra tri thức mới, giải quyết tình huống thực tiễn [H27-5.5-04].

Mức 3:

Từ việc vận dụng kiến thức đơn môn và liên môn để giải bài tập, tìm ra tri thức mới, giải quyết tình huống thực tiễn, học sinh tránh được xu hướng học lệch, phát triển các năng lực quan sát, sử dụng ngôn ngữ, thu nhận thông tin, phán đoán, tư duy sáng tạo. Học sinh của trường đã tham gia dự thi sản phẩm STEM cấp thị xã đạt nhiều giải cao. Một số học sinh có khả năng nghiên cứu nhưng chỉ mới ở mức độ quan sát, trải nghiệm thực tế rồi tự rút ra kiến thức. Việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học của nhà trường còn hạn chế do giáo viên thiếu kinh nghiệm [H27-5.5-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác giáo dục kỹ năng sống đảm bảo mục tiêu.

Đa số học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn; trường đã tham gia và đạt giải ở các cuộc thi về trưng bày sản phẩm dạy học STEM các cấp.

## **3. Điểm yếu**

Nhiều giáo viên chưa có kỹ năng, phương pháp dạy học STEM; chưa chú trọng giúp đỡ học sinh nghiên cứu khoa học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tăng cường các nguồn lực để đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, đảm bảo nhu cầu phát triển toàn diện học sinh.

Chú trọng cải tiến, sáng tạo trong phương pháp giáo dục, rèn luyện các kỹ năng cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục như kỹ năng làm việc nhóm, năng lực tự đánh giá bản thân, khả năng nghiên cứu khoa học...

Tiếp tục tổ chức buổi giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm theo các chủ đề hằng năm nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện.

### **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

#### ***Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### Mức 1

a) Kết quả đánh giá xếp loại học lực (kết quả học tập), hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) học sinh của nhà trường hằng năm đều đạt theo kế hoạch đặt ra. Hằng năm, tỷ lệ học sinh xếp loại về hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) loại Tốt, Khá đạt tỉ lệ 100% trong đó loại Tốt trên 98 %, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở xuống; về học lực loại Giỏi đạt tỉ lệ 23,3 % trở lên, loại Khá 37,53% trở lên, tỉ lệ này tăng dần các năm tiếp theo, loại Yếu- Kém (chưa đạt) dưới 0,52%. Tỉ lệ này các năm gần đây là 0% [H28-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỷ lệ học sinh lên lớp (sau khi thi lại) đạt 100% [H28-5.6-02], tỷ lệ tốt nghiệp ổn định đạt so với kế hoạch đề ra [H28-5.6-03].

c) Học sinh sau khi tốt nghiệp THCS được định hướng phân luồng chủ yếu là tiếp tục học lên THPT công lập và tư thục. Học sinh tham gia học tập tại các trường nghề và các cơ sở nghề nghiệp đạt tỷ lệ thấp mặc dù mỗi năm nhà trường có kế hoạch sinh hoạt tuyên truyền định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh [H28-5.6-03].

### Mức 2



a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả đánh giá học lực và hạnh kiểm (học tập và rèn luyện) học sinh chuyển biến theo từng năm học. Do thay đổi cách kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, thêm vào đó tình hình dịch Covid 19 học sinh phải học trực tuyến nhiều nên kết quả có thấp hơn một ít. Từ năm học 2021-2022 học sinh chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện cách đánh giá mới nên tỉ lệ có thay đổi. Tuy nhiên, về cơ bản, kết quả về học lực và hạnh kiểm (học tập và rèn luyện) của học sinh đạt và vượt yêu cầu kế hoạch trường đặt ra [H28-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ học sinh lên lớp (sau thi lại) đạt 100% [H28-5.6-02], tỷ lệ tốt nghiệp ổn định đạt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường chuyên không ổn định [H28-5.6-11].

### Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực (học tập) giỏi: Đạt trên 10%
- Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực (học tập) khá: Đạt trên 35%
- Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực (học tập) yếu, kém: không quá 05%
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm (rèn luyện) khá, tốt đạt trên 98%

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Trong những năm học qua, nhà trường đều lập sổ theo dõi học sinh lưu ban, bỏ học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh bỏ học hằng năm không quá 0,1% [H28-5.6-09], học sinh lưu ban không quá 0,2% [H28-5.6-10].

### 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh lên lớp cao, tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm luôn duy trì từ 100%; Trường nhiều năm không có học sinh lưu ban.

### 3. Điểm yếu

Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS chưa đạt hiệu quả.

Vẫn còn tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì các giải pháp để giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục thực chất; phân loại học sinh trong bồi dưỡng, phụ đạo tổ chức lớp học phù hợp; từ đó nâng cao chất lượng giáo dục.

Thay đổi phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm động viên, kích thích ham muốn học tập của học sinh nhằm hạn chế nguy cơ học sinh bỏ học. Tích cực phối hợp với các cấp chính quyền, ban ngành đoàn thể địa phương trong việc huy động học sinh ra lớp; hạn chế ở mức thấp nhất tỉ lệ học sinh bỏ học và tiến tới mục tiêu không có học sinh bỏ học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

### **Điểm mạnh:**

- Trường chuẩn bị các điều kiện và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo Chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT tại Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT và Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT.

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục; đa số giáo viên tận tâm với nghề, luôn có ý thức tìm tòi, sáng tạo, học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ.

- Nhà trường luôn chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; kế hoạch công tác được tiến hành từ đầu mỗi năm học.

- Kết quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả cao trong những năm học gần đây.

- Công tác dạy học Nội dung giáo dục địa phương tỉnh Quảng Nam đảm bảo quy định.

- Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động tham quan các di tích lịch sử trên địa bàn xã; từ đó giáo dục tốt cho học sinh hiểu biết về lịch sử địa phương.

- Các hoạt động trải nghiệm của nhà trường được tổ chức với nhiều hình thức phong phú phù hợp học sinh và bước đầu mang lại hiệu quả.

- Trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác giáo dục kỹ năng sống đảm bảo mục tiêu.

- Đa số học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn; trường đã tham gia và đạt giải ở các cuộc thi về trưng bày sản phẩm dạy học STEM các cấp.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp cao, tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm luôn duy trì từ 100%;

- Trường nhiều năm không có học sinh lưu ban,.

### **Điểm yếu cơ bản**

- Một số giáo viên còn hạn chế về việc ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học.

- Chưa có giải pháp hữu hiệu trong công tác giáo dục học sinh yếu kém.

- Công tác rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh chưa được chú trọng thường xuyên.

- Chưa có kế hoạch, giải pháp cho việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về âm nhạc, mỹ thuật và thể thao.

- Công tác giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện chưa được xây dựng kế hoạch có hệ thống (từ việc tìm hiểu hoàn cảnh sống, nắm bắt tâm lý đến phương pháp giáo dục...)

- Chưa có nhiều hoạt động tổ chức cho học sinh tham quan, học tập ở các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương cấp huyện và trong tỉnh.

- Công tác hướng nghiệp, kết quả phân luồng chưa đạt mục tiêu; kỹ năng, hình thức tổ chức hướng nghiệp cho học sinh chưa được đổi mới.

- Nhiều giáo viên chưa có kỹ năng, phương pháp dạy học STEM; chưa chú trọng giúp đỡ học sinh nghiên cứu khoa học.

- Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS chưa đạt hiệu quả.
- Vẫn còn tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

### **Thống kê**

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 6/6
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 6/6
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/6

## **II. KẾT LUẬN CHUNG**

Báo cáo tự đánh giá của trường THCS Thu Bồn được hoàn thành là công trình khoa học, kết quả của sự tập trung trí tuệ, sự đoàn kết, nhất trí, đồng lòng, hợp lực, quyết tâm cao nhất, vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ của tập thể CBGVNV nhà trường. Báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục thật sự phản ánh một cách toàn diện, khái quát những thành quả to lớn trong quản lý nhà trường, trong hoạt động giáo dục toàn diện, trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và các cuộc vận động lớn của ngành, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục là khẳng định vị thế và uy tín của nhà trường. Kết quả của công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường THCS Thu Bồn đồng thời là kết quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam, UBND thị xã Điện Bàn, sự quan tâm sâu sắc của Phòng GDĐT thị xã Điện Bàn, Đảng uỷ và UBND phường Điện Thắng Nam.

Qua quá trình thực hiện công tác tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ GDĐT đã ban hành, trường THCS Thu Bồn có thể rút ra được một số điểm mạnh cơ bản. Trong công tác tổ chức và quản lý, nhà trường cơ cấu đúng theo Điều lệ trường trung học. Các tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực và đồng bộ dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng. Các Hội đồng trong nhà trường và Ban đại diện CMHS đã liên kết chặt chẽ để góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. CBQL có trình độ và năng lực chuyên môn trên chuẩn, luôn tâm huyết với sự nghiệp phát triển giáo dục của địa phương. Tập thể Hội đồng sư phạm có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và làm việc hiệu quả, đổi mới, sáng tạo. Chất lượng hai mặt giáo dục của học sinh duy trì và ổn định ở mức cao. Nhà trường có khuôn viên với diện tích đủ theo quy định; cổng trường, tường rào kiên cố; có cây xanh, cây bóng mát, bồn hoa, tạo ra môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp - thân thiện với CBGVNV, học sinh; CSVC, thiết bị giảng dạy và học tập đáp ứng đầy đủ theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường tích cực phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài trường để giáo dục đạo đức cho học sinh; phối hợp hiệu quả với CMHS, các ban ngành, đoàn thể địa phương để thực hiện thành công công tác XHHGD. Nhà trường đã thể hiện rõ nét các hoạt động giáo dục và kết quả chất lượng theo các yêu cầu và chỉ số đặt ra. Chất lượng giáo dục đã thể hiện được sự vượt trội so với chỉ tiêu. Hiệu quả hoạt động giáo dục hằng năm được nâng cao.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, lớp học và học sinh theo quy định, thành lập đầy đủ các tổ chuyên môn và hoạt động theo Điều lệ trường phổ thông. Trong hoạt động, toàn trường chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của ngành. Trong quản lý, nhà trường điều hành, chỉ đạo các tổ

khối xây dựng đủ các kế hoạch hoạt động tuần, tháng, học kỳ, năm, có đầy đủ hồ sơ và lưu trữ theo quy định; thực hiện báo cáo đảm bảo đúng thời gian; tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua; thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý CBGVNV và học sinh cũng như quản lý tài chính, CSVC; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho giáo viên và học sinh, không có hiện tượng kỳ thi, vi phạm về giới, bạo lực học đường. Tất cả giáo viên trực tiếp giảng dạy có trình độ chuyên môn đạt 100% chuẩn đào tạo, được phân công đúng chuyên môn được đào tạo, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy và học đạt hiệu quả cao. Nhân viên đủ số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định; được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Trong 05 năm gần đây, tập thể nhà trường đã xây dựng được khối đoàn kết nội bộ, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Trường có khuôn viên đẹp, có sân chơi, sân tập cho học sinh, có hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường thông thoáng; có đủ bảng lớp, bàn ghế 2 chỗ ngồi rời nhau, màu sắc, kích thước, chất liệu, kết cấu, kiểu dáng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Nhà trường có các phòng làm việc, các loại máy vi tính được nối mạng internet phục vụ cho công tác quản lý và dạy học. Trường có công trình vệ sinh dùng riêng cho CBGVNV và học sinh; có nguồn nước sạch để phục vụ cho học sinh và CBGVNV của trường sinh hoạt; có hệ thống rác được xử lý thường xuyên. Trường có thư viện đạt mức độ 1 theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Nhà trường trang bị các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy cho từng lớp học. Đồ dùng dạy học được giáo viên các khối lớp thường xuyên sử dụng trên lớp, phòng thực hành hàng ngày. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được gắn bó chặt chẽ. Nhà trường đã phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và Ban đại diện CMHS của trường để xây dựng được một môi trường giáo dục lành mạnh. Học sinh được thường xuyên tham gia các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa tìm hiểu truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương, dân tộc. Hiệu quả giáo dục của nhà trường tăng dần từng năm theo hướng ổn định, bền vững. Song song với giảng dạy trên lớp, nhà trường cũng chú trọng việc GDNGLL, giáo dục thể chất cho học sinh trong trường, thường xuyên tuyên truyền về giáo dục sức khỏe, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh. Giáo viên tích cực vận dụng ưu điểm của mô hình trường học mới, chú ý quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt nên trường có nhiều học sinh tham gia và đoạt giải trong các hội thi, giao lưu từ cấp thị xã, cấp tỉnh tổ chức. Học sinh của trường luôn tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường làm cho cảnh quan nhà trường luôn xanh, sạch, đẹp. Được giáo dục và rèn luyện các kỹ năng sống, các em đã biết tự bảo vệ bản thân, phòng chống tai nạn thương tích. Trong quá trình học tập, học sinh được tạo cơ hội tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng phản biện, đánh giá. Các em đã biết suy tầm và tự làm một số

đồ dùng học tập đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên, biết chủ động giúp đỡ lẫn nhau trong học tập. Chính vì vậy trường ngày càng nhận được sự tin tưởng, tín nhiệm của phụ huynh học sinh.

Bên cạnh đó, còn những tồn tại khuyết điểm khách quan lẫn chủ quan mà trường cần phải nghiêm túc khắc phục trong thời gian đến. Đó là nhà trường còn thiếu các phòng học riêng cho học sinh khuyết tật, phòng nghỉ giáo viên nhân viên theo quy định hiện hành và phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, chưa có nhà đa năng. Vẫn có một vài trường hợp học sinh bỏ học phụ đạo do tâm lý chán học. Ban giám hiệu nhà trường cần làm tốt hơn nữa công tác XHHGD và huy động thêm các nguồn lực khác.

Trong quá trình hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, chúng tôi đã nhìn nhận được thực lực giáo dục của nhà trường. Nhà trường đã tham mưu với các cấp và được đồng ý xây dựng CSVN còn thiếu trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay cơ bản đã đáp ứng đủ các hạng mục theo tiêu chuẩn. Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để hiệu quả giáo dục phát triển không ngừng, đáp ứng sự kỳ vọng của lãnh đạo ngành và địa phương.

Qua quá trình tự đánh giá, các thành viên Hội đồng tự đánh giá và tập thể CBGVNV nhà trường thống nhất cao với kết quả đạt được. Cụ thể như sau:

#### **Thống kê**

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 28/28; tỉ lệ: 100%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 28/28; tỉ lệ: 100%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 16/28; tỉ lệ: 57,14%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 0/ 0; tỉ lệ: 0 %.

Kính đề nghị đoàn kiểm tra đánh giá ngoài của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam kiểm tra, thẩm định và công nhận mức đánh giá của trường THCS Thu Bồn: Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

*Điện Thắng Nam, ngày 11 tháng 11 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phụ lục I:**  
**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>		
<b><i>Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</i></b>		
1	[H1-1.1-01]	Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành
2	[H1-1.1-02]	Sổ Nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường
3	[H1-1.1-03]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt
4	[H1-1.1-04]	Đường dẫn truy cập vào trang điện tử của trường hoặc cổng thông tin của Sở, Phòng có đăng tải nội dung chiến lược
5	[H1-1.1-05]	Các văn bản của các cấp có thẩm quyền, hội đồng trường trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường
6	[H1-1.1-06]	Biên bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển
7	[H1-1.1-07]	Văn bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt
<b><i>Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác</i></b>		
8	[H2-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường; Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng; Quyết định thành lập Hội đồng Kỷ luật (nếu có); Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn;
9	[H2-1.2-02]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường; Kế hoạch hoạt động của các HĐ khác;

10	[H2-1.2-03]	Nghị quyết của nhà trường, của Hội đồng trường
11	[H2-1.2-04]	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường; Quy chế hoạt động hoặc Quy chế phối hợp hoạt động của các HĐ khác với các tổ chức trong và ngoài nhà trường;
12	[H2-1.2-05]	Biên bản họp của HĐ trường và của các HĐ khác
13	[H2-1.2-06]	Các biên bản kiểm tra liên quan của các cơ quan chức năng (nếu có)
14	[H2-1.2-07]	Các báo cáo tổng kết của Hội đồng trường và các Hội đồng khác
<b><i>Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</i></b>		
15	[H3-1.3-01]	Quyết định thành lập (chuẩn y) Công đoàn; Quyết định chuẩn uy Ban chỉ huy Liên đội; Danh sách Ban đại diện CMHS;
16	[H3-1.3-02]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn, Liên Đội, Hội Cha mẹ học sinh
17	[H3-1.3-03]	Quy chế hoạt động của Liên Đội; Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Công đoàn; Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Hội Cha mẹ học sinh
18	[H3-1.3-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của các tổ chức đoàn thể hoặc các văn bản đánh giá hoạt động các tổ chức đoàn thể của cấp có thẩm quyền
19	[H3-1.3-05]	Quyết định chuẩn y Bí thư, Phó Bí thư, Chi uỷ viên; NQ và các báo cáo của chi bộ, đảng bộ nhà trường;
20	[H3-1.3-06]	Văn bản của cấp trên nhận xét đánh giá về hoạt động của tổ chức Đảng
21	[H3-1.3-07]	Giấy chứng nhận, giấy khen tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ
<b><i>Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng</i></b>		
22	[H4-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng
23	[H4-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng
24	[H4-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng

25	[H4-1.4-04]	Sổ ghi biên bản các cuộc họp tổ chuyên môn, tổ văn phòng
26	[H4-1.4-05]	Báo cáo sơ kết Học kỳ I các tổ chuyên môn và tổ văn phòng
27	[H4-1.4-06]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn
28	[H4-1.4-07]	Biên bản họp Hội đồng hằng tháng có nội dung nói về đóng góp của tổ chuyên môn và tổ Văn phòng trong nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, các mặt hoạt động của nhà trường
29	[H4-1.4-08]	Báo cáo tổng kết năm học các tổ chuyên môn và tổ văn phòng
30	[H4-1.4-09]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh chưa đạt của tổ chuyên môn
<b><i>Tiêu chí 1.5: Lớp học</i></b>		
31	[H5-1.5-01]	Sổ đăng bộ
32	[H5-1.5-02]	Bản tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ tên GVCN, lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó)
33	[H5-1.5-03]	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó
34	[H5-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm
35	[H5-1.5-05]	Biên bản họp lớp (Sinh hoạt lớp) hoặc sổ chủ nhiệm
36	[H5-1.5-06]	Danh sách các lớp hằng năm
37	[H5-1.5-07]	Thống kê tỉ lệ học sinh toàn trường, theo khối và từng lớp
<b><i>Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản</i></b>		
38	[H6-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục;
39	[H6-1.6-02]	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường
40	[H6-1.6-03]	Phần mềm quản lý quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường
41	[H6-1.6-04]	Sổ quản lý tài chính
42	[H6-1.6-05]	Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm



43	[H6-1.6-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; Báo cáo công khai tài chính hằng năm
44	[H6-1.6-07]	Biên bản, thông báo, kết luận của các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tài sản, tài chính
45	[H6-1.6-08]	Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp
46	[H6-1.6-09]	Hồ sơ chứng minh nguồn tài chính đã huy động được
<b>Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên</b>		
47	[H7-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hằng năm cho cán bộ, giáo viên
48	[H7-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGVNV hằng năm
49	[H7-1.7-03]	Phân công lao động của các tổ chuyên môn; của tổ Văn phòng
50	[H7-1.7-04]	Báo cáo tổng kết năm học trong Hội nghị cán bộ viên chức
51	[H7-1.7-05]	Kế hoạch hoạt động của nhà trường; (hoặc phương hướng nhiệm vụ năm học của nhà trường)
52	[H7-1.7-06]	- Bài tham gia dự thi E-Learning; - Kết quả thi giáo viên giỏi thị xã; - Kết quả công nhận sáng kiến cấp thị xã, cấp tỉnh; - Kết quả đánh giá viên chức hằng năm;
53	[H7-1.7-07]	Báo cáo tổng kết của công đoàn
<b>Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục</b>		
54	[H8-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường
55	[H8-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên
56	[H8-1.8-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ
57	[H8-1.8-04]	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm
58	[H8-1.8-05]	Sổ công văn đi và bản lưu các báo cáo về kết quả thực hiện các nhiệm vụ nhà trường báo cáo lên cấp trên

59	[H8-1.8-06]	- Biên bản kiểm tra của cấp trên về các vấn đề liên quan (nếu có); - Giấy khen (Hoặc Quyết định công nhận) tập thể Lao động Tiên tiến;
<b>Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</b>		
60	[H9-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường
61	[H9-1.9-02]	Nghị quyết Hội nghị CBCCVC
62	[H9-1.9-03]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân
63	[H9-1.9-04]	Hồ sơ tiếp công dân
64	[H9-1.9-05]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường
65	[H9-1.9-06]	Báo cáo của Công đoàn; Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân;
66	[H9-1.9-07]	Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế làm việc của Công đoàn;
<b>Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</b>		
67	[H10-1.10-01]	- Kế hoạch thực hiện an toàn về an ninh trật tự; - Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường; - Kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội;
68	[H10-1.10-02]	- Kế hoạch phòng chống cháy nổ; - Kế hoạch phòng chống thiên tai;
69	[H10-1.10-03]	- Kế hoạch phòng chống dịch bệnh; - Kế hoạch thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm;
70	[H10-1.10-04]	Kế hoạch phối hợp với Công an về an toàn về an ninh trật tự, về phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường
71	[H10-1.10-05]	Biên bản (thông báo) kết luận của cơ quan công an, chính quyền địa phương có liên quan
72	[H10-1.10-06]	Hòm thư góp ý của nhà trường; Số điện thoại đường dây nóng của trường;

73	[H10-1.10-07]	Biên bản xử lý các thông tin phản ánh của người dân
74	[H10-1.10-08]	Biên bản họp Hội đồng nhà trường xử lý các sự việc có liên quan
75	[H10-1.10-09]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về an ninh trật tự, an toàn trường học
76	[H10-1.10-10]	Các hình ảnh tư liệu liên quan (nếu có)
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>		
<b><i>Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</i></b>		
77	[H11-2.1-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng
78	[H11-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng
79	[H11-2.1-03]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn Phó Hiệu trưởng
80	[H11-2.1-04]	- Chứng nhận, chứng chỉ chứng nhận đã qua các lớp BD chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; - Giấy triệu tập tham gia bồi dưỡng chuyên môn của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng;
81	[H11-2.1-05]	Biên bản lấy ý kiến của GV, NV góp ý về công tác quản lý của nhà trường hàng năm
82	[H11-2.1-06]	Hồ sơ thi đua
83	[H11-2.1-07]	Bằng khen, giấy khen của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng (nếu có)
<b><i>Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên</i></b>		
84	[H12-2.2-01]	Bảng phân công chuyên môn của trường
85	[H12-2.2-02]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo
86	[H12-2.2-03]	Hồ sơ đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp
87	[H12-2.2-04]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại GV hằng năm theo chuẩn nghề nghiệp và theo QĐ 06
88	[H12-2.2-05]	Danh sách giáo viên đạt trình độ trên chuẩn
89	[H12-2.2-06]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của giáo viên

90	[H12-2.2-07]	Đề tài nghiên cứu khoa học của giáo viên
<b>Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên</b>		
91	[H13-2.3-01]	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo
92	[H13-2.3-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên hàng năm
93	[H13-2.3-03]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá nhân viên; Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm;
94	[H13-2.3-04]	Chứng chỉ, chứng nhận nhân viên đã qua lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc kết quả học tập tại các lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ
95	[H13-2.3-05]	Bằng khen, Giấy khen của các nhân viên (nếu có)
<b>Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh</b>		
96	[H14-2.4-01]	Sổ đăng bộ
97	[H14-2.4-02]	Sổ chủ nhiệm
98	[H14-2.4-03]	Danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập; Danh sách học sinh nhận học bổng;
99	[H14-2.4-04]	Hồ sơ kỷ luật học sinh (nếu có)
100	[H14-2.4-05]	Bảng tổng hợp các thành tích về học tập, rèn luyện của học sinh
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>		
<b>Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập</b>		
101	[H15-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất (Kết quả thẩm định đo diện tích đất)
102	[H15-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường
103	[H15-3.1-03]	Các tư liệu, hình ảnh về khuôn viên trường
104	[H15-3.1-04]	Các tư liệu, hình ảnh về cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh
105	[H15-3.1-05]	Các tư liệu, hình ảnh về khu sân chơi, bãi tập
<b>Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập</b>		

106	[H16-3.2-01]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học, bàn ghế học sinh và trang trí trong phòng học
107	[H16-3.2-02]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học bộ môn
108	[H16-3.2-03]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống
109	[H16-3.2-04]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan về khôi phục vụ học tập
110	[H16-3.2-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về thực tế phòng học
<b>Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị</b>		
111	[H17-3.3-01]	Các tư liệu, hình ảnh về các phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống, phòng Đoàn-Đội
112	[H17-3.3-02]	Các tư liệu, hình ảnh về khu để xe của CBGVNV và HS
113	[H17-3.3-03]	Các tư liệu, hình ảnh về khối hành chính - quản trị (Văn phòng trường, phòng HT, PHT, HC-QT, y tế, bảo vệ, nhân viên)
114	[H17-3.3-04]	Các biên bản đánh giá của các cấp có thẩm quyền
<b>Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước</b>		
115	[H18-3.4-01]	Hình ảnh về các khu vệ sinh của giáo viên và học sinh
116	[H18-3.4-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng các công trình vệ sinh
117	[H18-3.4-03]	Hình ảnh về hệ thống thoát nước của trường
118	[H18-3.4-04]	Hình ảnh hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch để uống và sinh hoạt
119	[H18-3.4-05]	Hình ảnh về phương thức thu gom và xử lý rác thải của trường
120	[H18-3.4-06]	Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác
		Hợp đồng cung cấp nước sạch
121	[H18-3.4-07]	Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước, thu gom rác thải hàng tháng
122	[H18-3.4-08]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch và vệ sinh môi trường;
		Biên bản kiểm tra mẫu nước định kỳ;
<b>Tiêu chí 3.5: Thiết bị</b>		

123	[H19-3.5-01]	Danh mục các thiết bị dạy học
124	[H19-3.5-02]	Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hàng năm
		Hóa đơn sửa chữa các thiết bị
125	[H19-3.5-03]	Hợp đồng kết nối mạng LAN; Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng;
126	[H19-3.5-04]	Thống kê danh mục đồ dùng dạy học GV tự làm
127	[H19-3.5-05]	Biên bản kiểm tra, đánh giá của HT, PHT của các TTCM về số lượng thiết bị, chất lượng thiết bị và hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học
128	[H19-3.5-06]	Biên bản kiểm tra của các cấp có liên quan
<b>Tiêu chí 3.6: Thư viện</b>		
129	[H20-3.6-01]	Thống kê số lượng sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu của thư viện trường
130	[H20-3.6-02]	Kế hoạch mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa
131	[H20-3.6-03]	Hồ sơ thư viện đạt mức độ 1 và Quyết định công nhận thư viện đạt mức độ 1 trở lên
132	[H20-3.6-04]	Quyết định công nhận thư viện mức độ 2
133	[H20-3.6-05]	Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện
134	[H20-3.6-06]	Kế hoạch kiểm kê thư viện hằng năm
135	[H20-3.6-07]	Hồ sơ quản lý thư viện
136	[H20-3.6-08]	Biên bản kiểm tra của các cấp có nội dung liên quan
<b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>		
<b>Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh</b>		
137	[H21-4.1-01]	QĐ thành lập Ban ĐDCMHS; DS ĐDCMHS hàng năm
138	[H21-4.1-02]	Biên bản họp Ban ĐDCMHS trường và các lớp

139	[H21-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động hoặc phối hợp hoạt động của Ban ĐDCMHS với các tổ chức trong, ngoài nhà trường
140	[H21-4.1-04]	Danh sách các tổ chức, cá nhân tài trợ tài chính, cơ sở vật chất mà Ban ĐDCMHS trường đã huy động được
141	[H21-4.1-05]	Báo cáo hoạt động của Ban ĐDCMHS
142	[H21-4.1-06]	Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền
143	[H21-4.1-07]	Các văn bản, tư liệu, hình ảnh có liên quan
<b>Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường</b>		
144	[H22-4.2-01]	Các văn bản tham mưu của nhà trường với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục
145	[H22-4.2-02]	Các văn bản tham mưu của nhà trường với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển
146	[H22-4.2-03]	Các báo cáo của các tổ chức của nhà trường về công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh
147	[H22-4.2-04]	Giấy chứng nhận cơ quan đạt cơ quan văn hóa
148	[H22-4.2-05]	Kế hoạch tổ chức các ngày Hội, văn hoá, văn nghệ
149	[H22-4.2-06]	Các văn bản, hình ảnh tư liệu về hoạt động, lễ hội, sự kiện có liên quan
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>		
<b>Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông</b>		
150	[H23-5.1-01]	- Kế hoạch giáo dục nhà trường; - Biên bản rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình;
151	[H23-5.1-02]	- Kế hoạch ôn tập, kiểm tra, đánh giá học sinh; - Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;
152	[H23-5.1-03]	Chương trình giáo dục của nhà trường đã được điều chỉnh

153	[H23-5.1-04]	Bảng tổng hợp kết quả giáo dục học sinh
154	[H23-5.1-05]	Các chuyên đề báo cáo, sáng kiến kinh nghiệm
155	[H23-5.1-06]	Các Bằng khen, Giấy khen dành cho GV, HS năng khiếu
<b><i>Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện</i></b>		
156	[H24-5.2-01]	Bảng kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung sinh hoạt chuyên môn giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện
157	[H24-5.2-02]	Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện
158	[H24-5.2-03]	Các báo cáo chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm liên quan đến giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện
159	[H24-5.2-04]	Các Bằng khen, Giấy khen dành cho GV, HS năng khiếu
<b><i>Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định</i></b>		
160	[H25-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương cho học sinh của nhà trường
161	[H25-5.3-02]	Phân phối chương trình các môn có nội dung giáo dục địa phương
162	[H25-5.3-03]	Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương được phê duyệt
163	[H25-5.3-04]	Giáo án giảng dạy nội dung giáo dục địa phương của giáo viên
164	[H25-5.3-05]	Đề kiểm tra, đáp án và biểu điểm có nội dung giáo dục địa phương
165	[H25-5.3-06]	Bài kiểm tra của học sinh có nội dung giáo dục địa phương đã được chấm điểm
166	[H25-5.3-07]	Biên bản đánh giá, rà soát và đề xuất của trường của các tổ chuyên môn liên quan đến các nội dung giáo dục địa phương
167	[H25-5.3-08]	Hình ảnh tham quan, trải nghiệm liên quan đến nội dung giáo dục địa phương



<b><i>Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp</i></b>		
168	[H26-5.4-01]	Kế hoạch giảng dạy các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường, của Đoàn – Đội
169	[H26-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức thực hiện giảng dạy các nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường
170	[H26-5.4-03]	Biên bản các cuộc họp triển khai giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
171	[H26-5.4-04]	Thống kê số lượng và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong từng học kỳ và cả năm học
172	[H26-5.4-05]	Biên bản rà soát, đánh giá về tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường
173	[H26-5.4-06]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan đến tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường
<b><i>Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh</i></b>		
174	[H27-5.5-01]	Kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương
175	[H27-5.5-02]	Sổ ghi chép kế hoạch giảng dạy, ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp
176	[H27-5.5-03]	Các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh để vận dụng kiến thức vào thực tiễn
177	[H27-5.5-04]	Thành tích của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng KHKT
178	[H27-5.5-05]	Các hình ảnh, tư liệu liên quan
<b><i>Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục</i></b>		
179	[H28-5.6-01]	Bảng thống kê xếp loại 2 mặt HL và HK của học sinh trường trong từng năm
180	[H28-5.6-02]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm
181	[H28-5.6-03]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hằng năm
182	[H28-5.6-04]	Thống kê số lượng HSG từng năm

183	[H28-5.6-05]	Thống kê số lượng HS Khá từng năm
184	[H28-5.6-06]	Thống kê số lượng HS loại Yếu, Kém từng năm
185	[H28-5.6-07]	Thống kê số lượng HS loại hạnh kiểm Khá – Tốt từng năm
186	[H28-5.6-08]	Sổ theo dõi học sinh lưu ban, bỏ học
187	[H28-5.6-09]	Thống kê số lượng và tỉ lệ học sinh bỏ học qua các năm
188	[H28-5.6-10]	Thống kê số lượng và tỉ lệ học sinh lưu ban qua các năm
189	[H28-5.6-11]	Thống kê số lượng và tỉ lệ học sinh thi đỗ vào trường chuyên từng năm (nếu có)

**Phụ lục II: HÌNH ẢNH**



Ảnh 1: Chi uỷ trưởng THCS Thu Bồn cùng với Đc Nguyễn Văn Câu – PBT Đảng uỷ - Chủ tịch HĐND phường Điện Thắng Nam



Ảnh 2: Chi bộ trường THCS Thu Bồn (Tháng 11/2024)



Ảnh 3: Tập thể CBGVNV trường THCS Thu Bồn (Tháng 11/2024)



Ảnh 4: Ban chấp hành Công đoàn (Nhiệm kỳ 2023-2028)



Ảnh 5: Ban thanh tra nhân dân (Nhiệm kỳ 2025-2027)



Ảnh 6: Tổ Tự Nhiên trường THCS Thu Bồn (Tháng 11/2024)



Ảnh 7: Tổ Xã Hội trường THCS Thu Bồn (Tháng 11/2024)



Ảnh 8: Tổ Văn phòng trường THCS Thu Bồn (Tháng 11/2024)



Ảnh 9: Phòng Hiệu trưởng



Ảnh 10: Phòng Phó hiệu trưởng



Ảnh 11: Văn phòng



Ảnh 12: Phòng Hội trường





Ảnh 13: Phòng giáo viên



Ảnh 14: Phòng thiết bị giáo dục



Ảnh 15: Phòng Y tế - Công đoàn



Ảnh 16: Phòng bộ môn Công nghệ



Ảnh 17: Phòng học bộ môn KH Tự nhiên (Hoá)



Ảnh 18: Phòng học bộ môn KH Tự nhiên (Sinh)



Ảnh 19: Phòng học bộ môn KH Tự nhiên (Lý)



Ảnh 20: Thư viện



Ảnh 21: Phòng học bộ môn Tin học



Ảnh 22: Phòng học bộ môn Tin học



Ảnh 23: Phòng học bộ môn Ngoại ngữ



Ảnh 24: Phòng học bộ môn Khoa học xã hội



Ảnh 25: Phòng truyền thống (bố trí kết hợp với Phòng Đoàn, Đội)



Ảnh 26: Phòng đa chức năng



Ảnh 27: Phòng trực Bảo vệ



Ảnh 28: Nhà kho





Ảnh 29: Nhà xe CBGVNV



Ảnh 30: Nhà xe học sinh



Ảnh 31: Phòng vệ sinh CBGVNV (Khu phòng học)



Ảnh 32: Phòng vệ sinh CBGVNV (Khu Hiệu bộ)



Ảnh 33: Cổng trường



Ảnh 34: Khuôn viên trường